



NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG
PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

TIẾNG VIỆT

SÁCH GIÁO VIÊN



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)

VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG

PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

Tiếng Việt

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên Tiếng Việt 5 là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh và vở bài tập **Tiếng Việt 5** thuộc bộ sách **Chân trời sáng tạo**, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh **Tiếng Việt 5** theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học.

Sách giáo viên Tiếng Việt 5 gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học.

Ở tập một, phần *Hướng dẫn chung*, các tác giả trình bày một số vấn đề như *Quan điểm biên soạn*, *Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 5*. Ở tập hai, phần *Hướng dẫn chung* giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập hai*; *Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Năm khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

Mục lục

Trang

Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG

- | | |
|---|----|
| 1. Phân phối chương trình sách <i>Tiếng Việt 5, tập hai</i> | 6 |
| 2. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II | 15 |

Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 5 GIỮ MÃI MÀU XANH (TUẦN 19 – 22) 17

- | | | |
|-------|--|----|
| Bài 1 | Điều kì diệu dưới những gốc anh đào | 17 |
| Bài 2 | Giờ Trái Đất | 24 |
| Bài 3 | Mùa xuân em đi trồng cây | 29 |
| Bài 4 | Rừng xuân | 36 |
| Bài 5 | Bầy chim mùa xuân | 41 |
| Bài 6 | Thiên đường của các loài động vật hoang dã | 47 |
| Bài 7 | Lộc vùng mùa xuân | 53 |
| Bài 8 | Dưới những tán xanh | 59 |

Chủ điểm 6 ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM (TUẦN 23 – 26) 64

- | | | |
|-------|----------------------------|-----|
| Bài 1 | Sự tích con Rồng cháu Tiên | 64 |
| Bài 2 | Những con mắt của biển | 70 |
| Bài 3 | Ngàn lời sử xanh | 75 |
| Bài 4 | Vịnh Hạ Long | 82 |
| Bài 5 | Ông Trạng Nồi | 87 |
| Bài 6 | Một bản hùng ca | 93 |
| Bài 7 | Việt Nam | 97 |
| Bài 8 | Tranh làng Hồ | 104 |

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (TUẦN 27) 108

- | | |
|---|-----|
| Tiết 1 | 109 |
| Tiết 2 | 110 |
| Tiết 3 | 112 |
| Tiết 4 | 113 |
| Tiết 5 | 113 |
| Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá giữa học kì II | 114 |

Chủ điểm 7 KHÚC CA HOÀ BÌNH (TUẦN 28 – 31)	115
Bài 1 Vì đại dương trong xanh	116
Bài 2 Thành phố Vì hoà bình	121
Bài 3 Bài ca Trái Đất	126
Bài 4 Miền đất xanh	132
Bài 5 Những con hạc giấy	137
Bài 6 Lễ hội đèn lồng nổi	142
Bài 7 Theo chân Bác	146
Bài 8 Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai	153
Chủ điểm 8 CHÂN TRỜI RỘNG MỞ (TUẦN 32 – 34)	157
Bài 1 Lời hứa	158
Bài 2 Chiến chiến bay lên	163
Bài 3 Thơ viết cho ngày mai	168
Bài 4 Bài ca về mặt trời	174
Bài 5 Bên ngoài Trái Đất	179
Bài 6 Vào hạ	184
ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC (TUẦN 35)	189
Tiết 1	189
Tiết 2	191
Tiết 3	192
Tiết 4	193
Tiết 5	193
Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá cuối năm học	194

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn; Những điểm mới của sách; Cấu trúc sách và các bài học; Tổ chức các hoạt động dạy học; Hướng dẫn ôn tập, kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì*,... trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho giáo viên (GV) khi sử dụng, sách cũng cung cấp một vài nội dung khác như *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 5, Phân phối chương trình sách Tiếng Việt 5, tập hai*. Các nội dung như vừa nêu đã được các tác giả trình bày ở *tập một*.

Vì vậy, phần *Hướng dẫn chung* ở *SGV Tiếng Việt 5, tập hai* gồm:

1. Phân phối chương trình sách *Tiếng Việt 5, tập hai*.
2. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II.

1. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH TIẾNG VIỆT 5, TẬP HAI

Chủ điểm	Tuần	Nội dung dạy học
5. GIỮ MÃI MÀU XANH	19	Bài 1: Điều kì diệu dưới những gốc anh đào (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Điều kì diệu dưới những gốc anh đào</i>
		Luyện từ và câu Câu đơn và câu ghép
		Viết Bài văn tả người
		Bài 2: Giờ Trái Đất (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Giờ Trái Đất</i>
		Nói và nghe Thảo luận theo chủ đề <i>Vì môi trường xanh</i>
		Viết Quan sát, tìm ý cho bài văn tả người

20	Bài 3: Mùa xuân em đi trồng cây (4 tiết)
	Đọc – Đọc <i>Mùa xuân em đi trồng cây</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Giữ mãi màu xanh</i>
	Luyện từ và câu Cách nối các vế trong câu ghép
	Viết Lập dàn ý cho bài văn tả người
	Bài 4: Rừng xuân (3 tiết)
	Đọc Đọc <i>Rừng xuân</i>
	Luyện từ và câu Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép
	Viết Viết đoạn mở bài cho bài văn tả người
	Bài 5: Bầy chim mùa xuân (4 tiết)
	Đọc Đọc <i>Bầy chim mùa xuân</i>
21	Luyện từ và câu Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép
	Viết Viết đoạn văn cho bài văn tả người
	Bài 6: Thiên đường của các loài động vật hoang dã (3 tiết)
	Đọc Đọc <i>Thiên đường của các loài động vật hoang dã</i>
	Nói và nghe Trao đổi ý kiến với người thân <i>Trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi</i>
	Viết Viết đoạn kết bài cho bài văn tả người

	22	Bài 7: Lộc vùng mùa xuân (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Lộc vùng mùa xuân</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Giữ mãi màu xanh</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép
		Viết Viết bài văn tả người (<i>Bài viết số 1</i>)
		Bài 8: Dưới những tán xanh (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Dưới những tán xanh</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Môi trường</i>
		Viết Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả người
		Bài 1: Sự tích con Rồng cháu Tiên (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Sự tích con Rồng cháu Tiên</i>
6. ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM	23	Luyện từ và câu Luyện tập về câu ghép
		Viết Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả người
		Bài 2: Những con mắt của biển (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Những con mắt của biển</i>
		Nói và nghe Giới thiệu về một nét đẹp truyền thống
		Viết Trả bài văn tả người (<i>Bài viết số 1</i>)

24	Bài 3: Ngàn lời sử xanh (4 tiết)
	Đọc – Đọc <i>Ngàn lời sử xanh</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Đất nước ngàn năm</i>
	Luyện từ và câu Luyện tập về câu đơn và câu ghép
	Viết Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả người
	Bài 4: Vịnh Hạ Long (3 tiết)
	Đọc Đọc <i>Vịnh Hạ Long</i>
	Luyện từ và câu Biện pháp điệp từ, điệp ngữ
	Viết Viết bài văn tả người (<i>Bài viết số 2</i>)
25	Bài 5: Ông Trạng Nổi (4 tiết)
	Đọc Đọc <i>Ông Trạng Nổi</i>
	Luyện từ và câu Luyện tập về biện pháp điệp từ, điệp ngữ
	Viết Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc
	Bài 6: Một bản hùng ca (3 tiết)
	Đọc Đọc <i>Một bản hùng ca</i>
	Nói và nghe Giới thiệu về một di tích hoặc danh lam thắng cảnh
	Viết Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc

	26	Bài 7: Việt Nam (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Việt Nam</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Đất nước ngàn năm</i>
		Luyện từ và câu Dấu gạch ngang
		Viết Trả bài văn tả người (<i>Bài viết số 2</i>)
		Bài 8: Tranh làng Hồ (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Tranh làng Hồ</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Đất nước</i>
		Viết Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc
	27	Tiết 1 Ôn luyện đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: <i>Tháng Năm</i>
		Tiết 2 Ôn luyện về câu đơn và câu ghép
Tiết 3 Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ và dấu gạch ngang		
Tiết 4 Ôn luyện viết đoạn văn: <i>Viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một ngày hội được tổ chức ở trường em</i>		
Tiết 5 Ôn luyện viết bài văn: <i>Viết bài văn tả một thầy giáo hoặc cô giáo mà em yêu quý</i>		
Tiết 6 và tiết 7 Đánh giá giữa học kì II (2 tiết)		
Đọc Đọc hiểu văn bản <i>Sự tích cây chuối</i>		
Viết – Viết bài văn tả một em bé đang tuổi tập nói, tập đi – Viết bài văn tả một người hàng xóm mà em yêu quý		

7. KHÚC CA HOÀ BÌNH	28	Bài 1: Vì đại dương trong xanh (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Vì đại dương trong xanh</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về dấu gạch ngang
		Viết Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện
		Bài 2: Thành phố Vì hoà bình (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Thành phố Vì hoà bình</i>
		Nói và nghe Nói về cuộc sống thanh bình
		Viết Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện
	29	Bài 3: Bài ca Trái Đất (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Bài ca Trái Đất</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Khúc ca hoà bình</i>
		Luyện từ và câu Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ
		Viết Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện
		Bài 4: Miền đất xanh (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Miền đất xanh</i>
		Luyện từ và câu Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ
		Viết Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

	30	Bài 5: Những con hạc giấy (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Những con hạc giấy</i>
		Luyện từ và câu Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách dùng từ ngữ nối
		Viết Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ
		Bài 6: Lễ hội đèn lồng nổi (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Lễ hội đèn lồng nổi</i>
		Nói và nghe Thảo luận theo chủ đề <i>Bạn bè mến thương</i>
		Viết Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ
	31	Bài 7: Theo chân Bác (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Theo chân Bác</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Khúc ca hoà bình</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn
		Viết Đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc
		Bài 8: Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Hoà bình</i>
		Viết Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

8. CHÂN TRỜI RỘNG MỞ	32	Bài 1: Lời hứa (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Lời hứa</i>
		Luyện từ và câu Viết tên người, tên địa lí nước ngoài
		Viết Viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc
		Bài 2: Chiến chiến bay lên (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Chiến chiến bay lên</i>
		Nói và nghe Giới thiệu một địa điểm vui chơi
		Viết Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc
	33	Bài 3: Thơ viết cho ngày mai (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Thơ viết cho ngày mai</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Chân trời rộng mở</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập viết tên người, tên địa lí nước ngoài
		Viết Tìm ý cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc
		Bài 4: Bài ca về mặt trời (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Bài ca về mặt trời</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập sử dụng từ ngữ
		Viết Viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (<i>Bài viết số 1</i>)

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC	34	Bài 5: Bên ngoài Trái Đất (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Bên ngoài Trái Đất</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Khám phá</i>
		Viết Luyện tập tìm ý cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc
		Bài 6: Vào hạ (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Vào hạ</i>
		Nói và nghe Chia sẻ theo chủ đề <i>Điều em muốn nói</i>
		Viết Viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (<i>Bài viết số 2</i>)
	35	Tiết 1 Ôn luyện đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: <i>Tạm biệt lớp Năm</i>
		Tiết 2 Ôn luyện về từ vựng và điệp từ, điệp ngữ
		Tiết 3 Ôn luyện về liên kết câu trong đoạn văn và câu đơn, câu ghép
		Tiết 4 Ôn luyện viết đoạn văn: <i>Viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện mà em đã học ở lớp Năm</i>
		Tiết 5 Ôn luyện viết bài văn: <i>Viết bài văn tả một người làm việc ở trường mà em quý mến</i>
		Tiết 6 và tiết 7 Đánh giá cuối năm học (2 tiết) Đọc Đọc hiểu văn bản <i>Vật kỉ niệm của những người bạn</i> Viết – Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một câu chuyện đã nghe, đã đọc về tình bạn – Viết bài văn tả một người bạn đã gắn bó với em trong những năm học ở trường tiểu học

2. MỘT VÀI GỢI Ý VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ II

Mục C. “*Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá*”, tr. 28, SGK Tiếng Việt 5, tập một đã trình bày về kiểm tra, đánh giá năng lực và một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá giữa học kì I và cuối học kì I. Vì vậy, ở SGK Tiếng Việt 5, tập hai, nhóm tác giả chỉ dừng lại ở việc trình bày một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá giữa học kì II và cuối năm học.

2.1. Kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng

GV đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng của học sinh (HS) dựa trên các tiêu chí sau:

- ① Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng¹/ tổng số tiếng, số tiếng đọc được trong 60 giây).
- ② Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng trong 60 giây).
- ③ Khả năng ngưng nghỉ hơi logic và biểu cảm.
- ④ Ngữ điệu đọc phù hợp, nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, phân biệt giọng của người dẫn chuyện với các nhân vật ở văn bản truyện.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 95 – 98 chữ (giữa học kì II); 98 – 100 chữ (cuối năm học) cho HS đọc thành tiếng trong thời gian 60 giây và trả lời câu hỏi đọc hiểu liên quan tới nội dung đoạn đọc.

2.2. Kiểm tra, đánh giá kỹ năng đọc hiểu văn bản

– Yêu cầu cần đạt: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của HS.

– Nội dung và hình thức:

+ Số lượng câu hỏi:

• Khoảng 6 câu trắc nghiệm (đa dạng về hình thức) ở mức độ nhận biết và thông hiểu (4 câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc; 2 câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

• Khoảng 4 câu hỏi tự luận ở mức độ thông hiểu và vận dụng (3 câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc hoặc liên hệ, so sánh, kết nối; 1 câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

+ HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.

2.3. Kiểm tra, đánh giá kỹ năng viết đoạn văn, bài văn

– Yêu cầu cần đạt: Kiểm tra kỹ năng viết bài văn của HS.

– Nội dung và hình thức: Viết bài văn theo một trong các thể loại đã học dựa vào gợi ý.

+ Luyện tập viết bài văn tả người (giữa học kì II và cuối năm học).

+ Luyện tập viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện đã nghe, đã đọc (cuối năm học).

¹ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

Lưu ý:

- ① Tránh việc tập trung vào đánh giá về các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- ② GV cần thể hiện bốn vai trò khi đánh giá bài viết của HS: độc giả; người trợ giúp; người đánh giá; giám khảo.
- ③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung. Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số; đánh giá bằng điểm số chỉ thực hiện ở bài kiểm tra, đánh giá giữa hoặc cuối học kì.

(Đề được biên soạn trong sách học sinh (SHS) là một ví dụ để GV dùng cho HS luyện tập, GV tham khảo để biên soạn đề kiểm tra đánh giá định kì – giữa và cuối năm học – không dùng lại văn bản đã học trong SHS).



Chủ điểm 5. GIỮ MÃI MÀU XANH (Tuần 19 – 20 – 21 – 22)

Chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết dành sự quan tâm, tình yêu cho thiên nhiên, vạn vật; có ý thức bảo vệ môi trường sống; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc lan toả thông điệp “Giữ mãi màu xanh cho Trái Đất”*;...

BÀI 1: ĐIỀU KÌ DIỆU DƯỚI NHỮNG GỐC ANH ĐÀO (tiết 1 – 4, SHS, tr. 8 – 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc của em khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Bài hát trồng cây” (Nhạc: Hoàng Long, thơ: Bé Kiến Quốc); nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Câu chuyện kể về món quà bất ngờ mà Uyên và người bạn mới quen đã dành tặng cho mọi người vào ngày xuân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Từ những ý tưởng nhỏ bé nhưng đã góp phần lan toả tình yêu thiên nhiên đến cộng đồng, kêu gọi mọi người có ý thức chung tay bảo vệ thiên nhiên.*

3. Nhận diện và biết cách sử dụng câu đơn, câu ghép.

4. Nhận diện được cấu tạo của bài văn tả người.

5. Tưởng tượng, nói được về sự thay đổi của vùng đất Tây Nguyên trong bài đọc “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào” khi những cây anh đào đã lớn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Audio, video clip bài hát “Bài hát trồng cây”, nhạc: Hoàng Long, thơ: Bé Kiến Quốc (nếu có).

- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Gần trưa” đến “chào Uyên”.
- Hình ảnh hoặc video clip về một người thân của em (nếu có).
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” (Gợi ý: *Ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống xung quanh ta,...*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát (Gợi ý: *Nói về giai điệu, âm thanh, hình ảnh, nội dung,...*
→ *Đoạn lời bài hát khuyên chúng ta phải biết trồng, chăm bón để giữ cho cây đời đời mãi xanh, bảo vệ mái nhà chung của muôn loài. Từ đó chúng ta sẽ nhận được những món quà diệu kì mà thiên nhiên ban tặng.*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Điều kì diệu dưới những gốc anh đào

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả đặc điểm của hoa sao; giọng cô bạn mới trong sáng, từ tốn, pha chút dè dặt.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).
- + Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:
 - *Mùa xuân này,/ Uyên được cùng các bạn của mẹ/ trồng hàng cây anh đào/ bên bờ một con suối/ trên quê hương Tây Nguyên.//;*
 - *Cả đoàn ngõ ngàng/ khi thấy dưới những vòm lá anh đào xanh mướt,/ từng vạt hoa tím tím/ bung nở như những thảm sao.//;*
 - *Mọi người không ngớt lời khen ngợi vẻ đẹp quyền rũ của loài hoa/ như đến từ giấc mơ nào đó.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, ví dụ (VD): *tỉ mỉ* (tỉ mỉ, kiên nhẫn, chú ý từng chi tiết nhỏ trong một công việc bằng tay);....

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “vun gốc”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “chào Uyên”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: HS dựa vào nội dung bài đọc để kể lại cuộc trò chuyện giữa Uyên và người bạn mới. **Lưu ý:** HS không đọc lại cả đoạn. HS chủ động thêm vào lời nói, suy nghĩ, hành động cá nhân để cuộc trò chuyện thêm sinh động. VD: *Gần trưa, một bạn gái xinh xắn đến gần bắt chuyện với Uyên. Bạn hỏi Uyên: “Minh có thể trồng thêm hoa dưới những gốc cây non này được không?”. Uyên cười đáp: “Được chứ. Bạn có giống hoa gì thế?”. Cô bạn xoe ra nắm hạt giống và giới thiệu: “Đây là hạt hoa sao, chúng rất dễ trồng. Chỉ cần xới đất, bỏ hạt xuống và lấp lại, cây sẽ tự mọc mầm, nảy nhánh. Mùa xuân năm sau, nếu bạn trở lại, hẳn sẽ rất bất ngờ... Kìa, nó kìa!”. Vừa nói, cô bạn vừa chỉ cho Uyên xem vài khóm hoa sao màu tím hồng, nhỏ li ti xôn xao trong nắng.*

+ Câu 2: *Vì hạt hoa sao rất dễ trồng, chỉ cần xới đất, bỏ hạt xuống và lấp lại, cây sẽ tự mọc mầm, nảy nhánh. Bạn nhớ hi vọng mùa xuân năm sau, khi Uyên quay lại sẽ bất ngờ khi thấy những khóm hoa sao li ti nở đầy dưới các gốc cây.*

+ Câu 3: *Những chi tiết thể hiện cảm xúc của hai bạn khi gieo hạt: Uyên đã thán mệ nhưng sự hào hứng của người bạn mới đã khiến em phấn chấn hơn; hai đứa tỉ mỉ gieo những nhúm hạt xuống từng gốc cây.*

+ Câu 4: *Khi nhìn thấy từng vạt hoa tím bung nở dưới những gốc cây, mọi người có suy nghĩ, hành động:*

- *Mẹ và các cô chú: ngỡ ngàng khi thấy dưới những vòm lá anh đào, từng vạt hoa tím tím bung nở như những thảm sao; không ngớt lời khen ngợi vẻ đẹp quyến rũ của loài hoa ấy.*

- *Uyên: Thảm cảm ơn cô bạn nhỏ em mới gặp một lần. Ý tưởng của bạn đã đem đến cho Uyên và mọi người một điều bất ngờ trong những ngày xuân mới.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Học được cách ứng xử giữa Uyên và người bạn mới quen; cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, cách góp phần lan tỏa tình yêu thiên nhiên, làm đẹp môi trường đến cộng đồng.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Uyên cùng các bạn của mẹ tham gia trồng cây vào mùa xuân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Uyên gặp gỡ và cùng người bạn mới trò chuyện, gieo hạt giống hoa sao.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Mọi người bất ngờ về vẻ đẹp của những vật hoa sao.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thong thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả đặc điểm của hoa sao; giọng cô bạn mới trong sáng, từ tốn, pha chút dè dặt.*):

Gần trưa,/ một bạn nhỏ đến gần,/ bắt chuyện với Uyên://

– Mình có thể trồng thêm hoa dưới những gốc cây non này/ được không?//

Bạn nhỏ xoè ra nắm hạt giống nhỏ li ti.//

– Đây là hạt hoa sao!// – Cô bạn giải thích/ – Chúng rất đễ trồng.// Chỉ cần xới đất,/ bỏ hạt xuống và lấp lại,/ cây sẽ tự mọc mầm,/ nảy nhánh.// Mùa xuân năm sau,/ nếu bạn trở lại,/ hẳn sẽ rất bất ngờ.// Kìa,/ nó kìa!//

Uyên nhìn theo hướng tay cô bạn chỉ.// Một vài khóm hoa sao màu tím hồng/ nhỏ li ti/ xôn xao trong nắng.//

Uyên đã thăm mệt/ nhưng sự hào hứng của bạn khiến em phấn chấn hơn.// Hai đứa tỉ mẩn/ gieo những nhúm hạt/ xuống từng gốc cây.// Xong việc,/ cô bạn vẫy đôi bàn tay gầy gò,/ cười tươi như nắng toả/ chào Uyên.//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, đóng vai Uyên và người bạn mới để cùng trò chuyện khi gặp lại nhau dưới những gốc cây non.*

– HS trao đổi trong nhóm đôi, có thể nghe GV gợi ý:

+ Hai bạn gặp lại nhau trong hoàn cảnh nào?

+ Hai bạn trò chuyện về những nội dung gì?

+ Cảm xúc của mỗi bạn như thế nào?

+ ...

- HS phân vai, tưởng tượng để trò chuyện trong nhóm đôi.
- 1 – 2 nhóm HS đóng vai, nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Câu đơn và câu ghép

2.1. Hình thành khái niệm câu đơn và câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu.
- HS làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Đoạn văn có 7 câu.

b. Xác định chủ ngữ (CN), vị ngữ (VN) của từng câu:

① Mùa đông/ đến.

CN VN

② Gió bắc/ hun hút, trời/ rét căm căm.

CN1 VN1 CN2 VN2

③ Rặng xoan/ trút xuống những chiếc lá cuối cùng, những chùm quả/ ngả sang

CN1 VN1 CN2 VN2

màu vàng sẫm và khô tóp lại.

④ Lúa/ đang kì chín rộ nên thôn xóm/ nhộn nhịp hẳn lên.

CN1 VN1 CN2 VN2

⑤ Lũ sẻ non/ theo bố mẹ ra đồng, chúng/ riu rít giành thóc rơi với đàn chim ri đá.

CN1 VN1 CN2 VN2

⑥ Đàn chim gáy/ cũng bay về.

CN VN

⑦ Chúng/ tha thẩn nhặt thóc.

CN VN

Lưu ý: Vì đây là bài đầu tiên học về câu ghép nên không đánh giá chỉ tập trung gợi ý, hướng dẫn để HS nêu đủ các cặp chủ – vị ở những câu ghép.

c. Nhóm câu đơn: ①, ⑥, ⑦.

Nhóm câu ghép: ②, ③, ④, ⑤.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận trong nhóm đôi, trả lời câu hỏi trước lớp (Gợi ý: *Không thể tách các cụm chủ ngữ – vị ngữ trong các câu ghép thành câu đơn, vì mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ có mối quan hệ chặt chẽ với (những) cụm chủ ngữ – vị ngữ khác trong từng câu.*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về câu đơn và câu ghép.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Luyện tập xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS hoạt động nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a.

① Mặt trời/ lên, cả cánh đồng/ lấp lánh.

CN1 VN1 CN2 VN2

② Trời/ càng nắng, lúa/ càng sẫm lại, trâu bông.

CN1 VN1 CN2 VN2

③ Lúc này, cánh đồng/ đẹp như một tấm thảm.

CN VN

④ Mỗi khi có gió, những bông lúa/ ngã đầu vào nhau, sóng lúa/ nhấp nhô.

CN1 VN1 CN2 VN2

Lưu ý: Tuy đề bài không yêu cầu, nhưng GV nên khuyến khích HS xác định nếu trong câu có thành phần trạng ngữ (TN) để việc xác định CN, VN đầy đủ và chính xác hơn.

b. Có ba câu ghép: ①, ② và ④.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu ghép theo yêu cầu và xác định chủ ngữ, vị ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- HS trao đổi kết quả trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn tả người

3.1. Nhận diện bài văn tả người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc bài văn, thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu (có thể tổ chức thực hiện dưới dạng sơ đồ tư duy hoặc sử dụng *Phiếu học tập* để hỗ trợ HS học nhóm).

(Gợi ý:

a. Bài văn tả bà nội.

b. Bài văn có 5 đoạn:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “*hơn cả*” → Giới thiệu bà nội;
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “*yêu thương*” → Tả đặc điểm nổi bật về vóc dáng của bà;
- + Đoạn 3: Tiếp theo đến “*cong cong*” → Tả hoạt động nấu ăn của bà;
- + Đoạn 4: Tiếp theo đến “*thật hấp dẫn*” → Tả sự gắn bó của bà với các cháu;
- + Đoạn 5: Còn lại → Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của các cháu với bà.

c. Mỗi đoạn thuộc các phần của bài văn:

- + Mở bài: Đoạn 1;
- + Thân bài: Đoạn 2, đoạn 3 và đoạn 4;
- + Kết bài: Đoạn 5.

d. Ở phần thân bài, tác giả chọn tả:

+ Về vóc dáng: *dáng người, làn da, mái tóc, đôi mắt* → chọn tả những đặc điểm hình dáng tiêu biểu, giúp người đọc hình dung rõ nét về bà.

+ Về hoạt động: *nấu ăn, kể chuyện cho các cháu* → chọn tả những hoạt động quen thuộc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa bà và những người trong gia đình.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn tả người.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Nhận xét về cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ trong bài văn tả người

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc bài văn, trao đổi trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, có thể kết hợp hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT.

(Gợi ý:

+ Từ ngữ tả hình dáng:

- Dáng người: *dong dong*;

- *Làn da: trắng;*
 - *Tóc: đen, rất dày, búi gọn sau gáy;*
 - *Mắt: đã có nếp nhăn, ánh nhìn dịu dàng, chan chứa yêu thương.*
- + *Từ ngữ tả hoạt động:*
- *Nấu ăn: thoăn thoắt, vừa nấu vừa chỉ;*
 - *Giọng kể chuyện: ấm áp.)*
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. *Viết câu tả đặc điểm nổi bật về hình dáng, tính tình hoặc hoạt động của người thân*

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết vào nháp một số từ ngữ chỉ hình dáng, tính tình hoặc hoạt động của một người thân (có thể kết hợp quan sát hình ảnh hoặc video clip).
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, nói 2 – 3 câu về vùng đất Tây Nguyên trong bài đọc “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào” khi những cây anh đào đã lớn.*
- HS viết câu vào nháp và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa để hoàn thiện câu.
- HS chơi trò chơi *Chuyển hoa* để chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: GIỜ TRÁI ĐẤT (tiết 5 – 7, SHS, tr. 13 – 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về lí do cần phải tiết kiệm điện và những việc có thể làm để tiết kiệm điện; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ý nghĩa và thông điệp mà chiến dịch Giờ Trái Đất mang lại. Cần có ý thức bảo vệ Trái Đất – Hành tinh của chúng ta ngay từ hôm nay.*

3. Thảo luận theo chủ đề *Vì môi trường xanh*.
4. Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả người.
5. Viết thông điệp hoặc sáng tác được thơ, vè,... kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc có thể làm để tiết kiệm điện (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip giới thiệu về chiến dịch “Giờ Trái Đất” ở Việt Nam và trên thế giới (nếu có).
- Hình ảnh hoặc video clip về một người thân của em (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Năm 2022” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về lí do cần phải tiết kiệm điện và những việc có thể làm để tiết kiệm điện (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Giờ Trái Đất”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Chân trời sáng tạo

Giờ Trái Đất

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ nội dung, ý nghĩa, thông điệp của chiến dịch.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Giờ Trái Đất/ là sáng kiến của Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên/ nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng/ về biến đổi khí hậu/ và tiết kiệm năng lượng trên toàn thế giới.//;*

• *Vào ngày thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba hằng năm,/ các cá nhân và tổ chức tham gia sự kiện/ cùng tắt đèn điện/ và các thiết bị điện không ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt/ trong vòng 60 phút/ (từ 20 giờ 30 phút/ đến 21 giờ 30 phút giờ địa phương).//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *khí thải nhà kính* (khí nhà kính, loại khí trong khí quyển gây hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức nhiệt độ của Trái Đất); *giảm phát thải khí nhà kính* (Giảm phát thải khí nhà kính là giảm lượng khí nhà kính được thải ra môi trường);...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “giờ địa phương”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “vùng lãnh thổ”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Nhằm mục đích nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu và tiết kiệm năng lượng trên toàn thế giới.*

+ Câu 2: *Vào ngày thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba hằng năm, các cá nhân và tổ chức tham gia sự kiện cùng tắt đèn điện và các thiết bị điện không ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt trong vòng 60 phút.*

+ Câu 3: *Bắt đầu từ năm 2007 ở Xit-ni với hai triệu người tham gia. Năm 2010 có tới 126 quốc gia tham gia. Năm 2020, Giờ Trái Đất đã nhận được sự ủng hộ của hơn 180 quốc gia và vùng lãnh thổ.*

+ Câu hỏi phụ: Chủ đề của Giờ Trái Đất năm 2022 là gì? Đáp án: *Kiến tạo tương lai – Bây giờ hoặc không bao giờ.*

+ Câu 4: HS chọn một trong các thông điệp của “Giờ Trái Đất” để bày tỏ suy nghĩ. VD: *Tắt bớt một bóng đèn là thêm một cơ hội làm mát Trái Đất: Những thay đổi lớn đôi khi chỉ bắt đầu từ một hành động nhỏ như tắt bớt một bóng đèn.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Tắt ti vi khi không xem; tắt đèn, tắt quạt,... khi ra khỏi phòng; đề nghị bố mẹ chuyển sang sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng;...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu về chiến dịch “Giờ Trái Đất”.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Toàn thế giới tích cực hưởng ứng “Giờ Trái Đất”.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra ý đoạn 3: *Chủ đề và thông điệp của “Giờ Trái Đất” năm 2022* → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ nhấn mạnh ý nghĩa của các thông điệp*):

Năm 2022,/ chủ đề của Giờ Trái Đất là/ “Kiến tạo tương lai – Bây giờ hoặc không bao giờ”/ với các thông điệp://

– Trái Đất là duy nhất,/ cần được bảo vệ cho thế hệ hôm nay/ và mãi về sau.//

– Giảm phát thải khí nhà kính/ là góp phần chống biến đổi khí hậu.//

– Chống biến đổi khí hậu/ là trách nhiệm của tất cả chúng ta.//

– Tắt bớt một bóng đèn/ là thêm một cơ hội làm mát Trái Đất.//

– Hãy để màu xanh lá cây/ là màu mới của hành tinh.//

– Hãy bước thêm một bước/ để cứu lấy Trái Đất.//

– Hướng đến tương lai,/ hành động ngay.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Chân trời sáng tạo
Thảo luận theo chủ đề *Vì môi trường xanh*

2.1. Nêu ý kiến về tình huống

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh, trao đổi trong nhóm nhỏ và trả lời các câu hỏi.

(Gợi ý:

a. Các nhân vật đang chọn mua ống hút ở cửa hàng.

b. Bạn nữ chọn ống hút nhựa vì có nhiều màu sắc đẹp. Bạn nam chọn ống hút tre để hạn chế rác thải nhựa.

c. HS trả lời theo ý kiến cá nhân.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thảo luận vấn đề và bày tỏ ý kiến

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

- HS thảo luận nhóm đôi và nêu ý kiến cá nhân dựa vào các gợi ý.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Quan sát, tìm ý cho bài văn tả người

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc bài văn, trao đổi trong nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi a, b (có thể ghi chép nhanh dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản hoặc sử dụng *Phiếu học tập* để hoạt động nhóm).
- HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm.

(Gợi ý:

a. Bài văn tả bác thợ rèn.

b. Tác giả chọn tả:

+ Hình dáng:

- Vai: cuộn khúc;
- Tâm vóc: cao lớn, cao lớn nhất vùng;
- Cánh tay: ám đen khói lửa và bụi búa sắt;
- Đôi mắt: trẻ, to, xanh, trong ngời (như thép);
- Khuôn mặt: vuông vức;
- Tóc: rậm, dày;
- Quai hàm: bạnh;
- Tiếng thở: rền vang (như máy);
- Bộ ngực: lực lưỡng (như bằng sắt).

+ Hoạt động: rèn một lưỡi cày:

- Hơi thở hắt lên những chiếc xương sườn của cái lồng ngực như bằng sắt;
- Ngửa ra sau lấy đà, rồi giáng búa xuống;
- Thân mình lắc lư uyển chuyển;
- Quay những vòng tròn đều đặn, mang theo vô số ánh lửa và để lại ánh chớp trên đe.)

- HS đọc lại bài văn, kết hợp quan sát tranh, trả lời câu hỏi c.

(Gợi ý: Tác giả lựa chọn những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu, nổi bật thể hiện vẻ đẹp ngoại hình, sức vóc cũng như hoạt động quen thuộc, gắn với nghề nghiệp, thể hiện tinh thần, thái độ đối với công việc → giúp người đọc hình dung rõ nét về hình dáng và hoạt động, cảm nhận về sức vóc khỏe khoắn, sự dẻo dai của bác thợ rèn.)

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành quan sát một người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp (có thể kết hợp quan sát hình ảnh hoặc video clip về một người thân) để thực hiện hoạt động:
 - + Em chọn những đặc điểm nổi bật nào về ngoại hình để quan sát?
 - + Những việc làm quen thuộc nào của người thân thể hiện tính cách hoặc sự gần gũi với em?
 - + Em chọn từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh gì để ghi lại những điều quan sát được?
 - + ...
- HS làm bài vào VBT.

Lưu ý: GV khuyến khích HS chọn trình tự quan sát phù hợp và mở rộng, phát triển ý.

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn thiện phần ghi chép.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết thông điệp hoặc sáng tác 4 – 6 dòng thơ, về,... kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường.*
- HS sáng tác và trang trí bài làm (GV có thể hướng dẫn HS thực hiện hoạt động ở nhà).
- HS trưng bày bài làm ở Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: MÙA XUÂN EM ĐI TRỒNG CÂY (tiết 8 – 11, SHS, tr. 17 – 21)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Bày tỏ được suy nghĩ của em về câu thơ của Bác Hồ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Niềm vui của các bạn nhỏ khi tham gia trồng cây.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Kêu gọi mọi*

người chung tay trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc và có ý thức bảo vệ môi trường sống của chúng ta.

– Tìm đọc được một truyện hoặc đoạn kịch nói về việc bảo vệ môi trường hoặc về ước mơ chinh phục thiên nhiên; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Tuyên truyền viên nhí”: kể và nêu bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch; ghi chép tóm tắt về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe kể.

3. Nhận diện và biết cách nối các vế trong câu ghép.

4. Lập được dàn ý cho bài văn tả người.

5. Đóng được vai phóng viên để phỏng vấn các bạn nhỏ tham gia trồng cây dựa vào bài đọc “Mùa xuân em đi trồng cây”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi khổ thơ thứ hai, thứ ba.

– HS mang tới lớp truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ của em về câu thơ của Bác Hồ (Gợi ý: *Lời dạy của Bác Hồ về lợi ích và tầm quan trọng của việc trồng cây,...*)
→ xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Mùa xuân em đi trồng cây”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Mùa xuân em đi trồng cây

1.1. Đọc bài thơ

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm sự vật và hoạt động, cảm xúc của các bạn nhỏ trong bài thơ, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *loang lổ*, ...

+ Luyện đọc một số câu thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Từ bàn tay nhỏ/ đầy thôi!//

Góp mầm xanh/ với đất trời yêu thương//

Rồi đây/ trên khắp quê hương/

Màu xuân xanh biếc/ nẻo đường tương lai.//

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Bạn nhỏ thể hiện mong ước đồi hoang sẽ hoá thành rừng thông và những ngọn núi loang lổ do cháy rừng/ đốt rừng sẽ được phủ xanh.*

+ Câu 2: *Những từ ngữ, hình ảnh cho thấy hoạt động trồng cây rất vui: này em, này chị, này anh; người vun gốc, kẻ nâng cành non tơ; mũ nón nhấp nhô, nụ cười hồn nhiên; niềm vui háo hức trải trên khắp núi đồi.*

+ Câu 3: *Đàn chim – vui, hót líu lo quanh đồi; gió – ngoan, chạm giọt mồ hôi; nắng xuân – lấp lánh mọi miền → cách tả đó khiến khung cảnh nơi các bạn trồng cây thật vui vẻ, thân thiện, thiên nhiên như hoà cùng niềm vui của các bạn nhỏ.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Tác giả muốn gửi gắm thông điệp: Hãy cùng chung tay trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc, cùng nhau nhuộm xanh quê hương bằng những mầm cây, góp phần bảo vệ môi trường sống của tất cả mọi người ở hiện tại và tương lai.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *loang lổ* (ý trong bài thơ nói về cảnh ngọn núi không còn phủ xanh mà bị chặt phá, đốt rừng/ cháy rừng),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Mong ước của các bạn nhỏ khi tham gia trồng cây.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Khung cảnh trồng cây tràn đầy niềm vui.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Ước mơ của tác giả về một tương lai ngập tràn sắc xanh → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, tươi vui, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật.*):

Này em,/ này chị,/ này anh/
Người yun gốc,/ kẻ nâng cày non to//
Dốc nghiêng,/ mũ nón nhấp nhô/
Đàn chim vui,/ hót líu lo quanh đồi.//

Gió ngoan/ chạm giọt mồ hôi/
Đẻ gương mặt/ nở nụ cười hồn nhiên//
Nắng xuân/ lấp lánh mọi miền/
Niềm vui/ hào hức trái trên núi đồi.//

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề “Giữ mãi màu xanh”

1.2.1. Tìm đọc truyện hoặc đoạn kịch

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ đề “Giữ mãi màu xanh” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện hoặc đoạn kịch:

+ Về việc bảo vệ môi trường (Gợi ý: *Người gác rừng tí hon – Nguyễn Thị Cẩm Châu; Người đi săn và con nai – Tô Hoài; ...*).

+ Về ước mơ chinh phục thiên nhiên (Gợi ý: *Sơn Tinh, Thủy Tinh – Truyện dân gian Việt Nam; Người mẹ – An-đéc-xen; ...*).

+ ...

- HS chuẩn bị truyện hoặc đoạn kịch để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

- HS viết vào *Ngày kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện hoặc đoạn kịch: tên truyện hoặc đoạn kịch, tên tác giả, nhân vật, các sự việc chính, ý nghĩa,...
- HS có thể trang trí *Ngày kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện, đoạn kịch.

1.2.3. Chia sẻ về truyện hoặc đoạn kịch đã đọc

- HS đọc truyện, đoạn kịch hoặc trao đổi truyện, đoạn kịch cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Ngày kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Ngày kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về điều em tâm đắc nhất khi đọc truyện, đoạn kịch, lí do tâm đắc. Ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về nhân vật, tình tiết, chi tiết em thích,...
- Bình chọn một số *Ngày kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Tuyên truyền viên nhí”

- HS thực hiện yêu cầu theo nhóm nhỏ, kể và nêu bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch.
- Mỗi nhóm HS bình chọn một “Tuyên truyền viên nhí” xuất sắc nhất.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép tóm tắt về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe kể

- HS có thể ghi chép tóm tắt một vài thông tin chính về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe bạn kể bằng 4 – 5 câu (Gợi ý: *nhân vật, các sự việc chính, ý nghĩa,...*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Cách nối các vế câu trong câu ghép

2.1. Nhận diện cách nối các vế trong câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.
- HS làm bài vào VBT.

(Đáp án:

- a. Các vế nối với nhau bằng dấu phẩy.
- b. Các vế nối với nhau bằng kết từ “và”.
- c. Các vế nối với nhau bằng cặp kết từ “Vì ... nên ...”.
- d. Các vế nối với nhau bằng dấu chấm phẩy.
- e. Các vế nối với nhau bằng cặp từ hô ứng “... bao nhiêu, ... bấy nhiêu”.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách nối các vế trong câu ghép.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Xác định cách nối các vế trong câu ghép

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm 3 để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ. → Nói với nhau bằng dấu phẩy.

b. Nắng ấm, sân rộng và sạch. → Nói với nhau bằng dấu phẩy; Mèo con chạy giỡn hết góc này đến góc khác, hai tai dựng đứng lên, cái đuôi ngoe nguẩy. → Nói với nhau bằng dấu phẩy.

c. Tuy gió chưa mạnh lắm nhưng cây trong vườn đã xạc xào rụng lá. → Nói với nhau bằng cặp kết từ “Tuy ... nhưng ...”.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm kết từ phù hợp thay cho mỗi

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động nhóm đôi, làm bài vào VBT (Gợi ý: *nhưng; còn; mà/ nhưng*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu ghép theo yêu cầu và chỉ ra cách nối các vế trong câu ghép

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa và hoàn thiện câu.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn tả người

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc kiểu bài nào? (Đáp án: *Tả người.*)
- Đối tượng mà em cần tả là ai? (Đáp án: *Một người thân trong gia đình em.*)

3.2. Thực hành lập dàn ý cho bài văn tả người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát, đọc các gợi ý.
- HS kết hợp trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:

- + Em chọn tả ai?
- + Người đó gần bó với em như thế nào?
- + Người đó có những đặc điểm nổi bật gì về ngoại hình?
- + Người đó có những hoạt động quen thuộc nào? Từ những hoạt động đó làm bật lên những điểm gì về tính tình?
- + Em có tình cảm, cảm xúc gì đối với người đó?
- + ...

Lưu ý:

- ① Xác định trình tự miêu tả phù hợp.
 - ② Dùng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm ngoại hình, tính tình, hoạt động của người chọn tả.
 - ③ Dùng từ, cụm từ khi nêu các ý, hạn chế diễn đạt thành câu hoàn chỉnh. GV khuyến khích HS mở rộng ý dựa vào những điều quan sát được.
- HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp (**Lưu ý:** HS có thể ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản.).
 - HS đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý (nếu cần).

3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý.
- HS rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện bài viết của mình.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Dựa vào bài đọc “Mùa xuân em đi trồng cây”, đóng vai phóng viên để phỏng vấn các bạn nhỏ tham gia trồng cây.
- HS thực hành đóng vai phóng viên và các bạn nhỏ để phỏng vấn về hoạt động, cảm xúc, mong ước khi tham gia trồng cây thông qua trò chơi “Phóng viên nhí”.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: RỪNG XUÂN (tiết 12 – 14, SHS, tr. 22 – 25)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn hỏi đáp được về màu sắc của các sự vật trong tự nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh khu rừng vào mùa xuân với nhiều sắc màu tuyệt đẹp.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, đất trời khi vào xuân.*
3. Luyện tập sử dụng cách nối các vế trong câu ghép.
4. Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả người.
5. Ghi lại được từ ngữ dùng để miêu tả lá cây trong bài đọc “Rừng xuân” mà em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip cảnh rừng vào mùa xuân (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “cây chùm bao”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, cùng bạn hỏi đáp về màu sắc của các sự vật trong tự nhiên (Gợi ý: *Bầu trời – xanh ngắt; biển cả – xanh thẳm;...*). → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Rừng xuân”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Rừng xuân

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng trong sáng, tươi vui, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của khu rừng, của thiên nhiên.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *bụ bẫm, lá ngoã non, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên:

• *Những lá sưa mỏng tang/ và xanh rờn như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch/ với những chùm hoa li ti/ và trắng như những hạt mưa bay.//;...*

• *Nắng đậm dần lên/ chiếu qua các tầng lá đủ màu sắc/ rọi xuống/ tạo ra một vùng ánh sáng mờ tỏ chỗ lam,/ chỗ hồng,/ có chỗ nắng chiếu vào những hạt sương/ toé lên những tia ngũ sắc/ ngời ngời như ta nhìn qua những ống kính vạn hoa.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *sưa* (loại cây gỗ nhỏ, tán thưa, hoa trắng và thơm, có thể được trồng làm cây cảnh quan đường phố, được xếp vào nhóm cây cần bảo vệ nghiêm ngặt); *ngoã* (loại cây thân gỗ, lá cây to, hình trái tim gần như tròn, quả ăn được); *quéo* (loại cây gần giống như cây xoài, mọc hoang, thân cây to, quả dẹt và cong như có mỏ, ăn được và có vị chua);...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “cây chùm bao”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Lá còi non – thoáng một chút xanh; lá sưa – mỏng tang và xanh rờn, như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch; lá ngoã – còn non, to như cái quạt lọc ánh sáng xanh mờ; lá cây quéo, cây vải, cây dâu da, cây đa, cây chùm bao – xanh sẫm đậm đặc.*

+ Câu 2: *Ngoài màu xanh, rừng xuân còn được miêu tả với những màu sắc khác, như: màu nâu hồng của những mầm cây bụi bẫm chưa có đủ chất diệp lục; những lá còi non mới thoáng một chút xanh vừa ra khỏi màu nâu vàng; những chùm hoa sưa li ti và*

trắng như những hạt mưa bay; những đốm lá già còn sót lại đỏ như những viên hồng ngọc; những chiếc lá già đốm vàng, đốm đỏ, đốm tím; những chùm hoa lại vàng lên chói chang như những ngọn lửa; ...

+ Câu 3: Lá sưa – lụa xanh, lá ngôã – cái quạt. Cách so sánh giúp sự vật trở nên sống động, gần gũi, dễ hình dung và có nét đặc trưng riêng biệt.

+ Câu 4: Vì ánh nắng rọi xuống tạo ra vùng ánh sáng mờ tỏ chỗ lam, chỗ hồng, có chỗ nắng chiếu vào những hạt sương toé lên những tia ngũ sắc ngời ngời như ta nhìn qua những ống kính vạn hoa, khiến bầu ánh sáng trở nên huyền ảo, diệu kì.

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Rừng xuân được tả trong bài thật đẹp, tràn ngập màu xanh với các sắc độ đậm nhạt khác nhau, nhờ cách miêu tả khéo léo, sinh động của tác giả mà khi đọc, ta cứ ngỡ cả khu rừng như đang hiện ra trước mắt.)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: Khu rừng mùa xuân như một ngày hội màu xanh với nhiều sắc độ đậm nhạt.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: Bầu ánh sáng huyền ảo của khu rừng.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Giọng trong sáng, tươi vui, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của khu rừng, của thiên nhiên.):

Rừng hôm nay/ như một ngày hội của màu xanh,/ màu xanh với nhiều sắc độ đậm nhạt,/ dày mỏng khác nhau.// Những mầm cây bu bẫm/ còn đang ở màu nâu hồng chưa có đủ chất diệp lục/ để chuyển sang màu xanh.// Những lá còi non/ mới thoáng một chút xanh vừa ra khỏi màu nâu vàng.// Những lá sưa mỏng tang/ và xanh ròn như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch/ với những chùm hoa li ti/ và trắng như những hạt mưa bay.// Những chiếc lá ngôã non/ to như cái quạt lọc ánh sáng xanh mờ mờ.// Tất cả những sắc xanh non tơ ấy/ in trên nền xanh sẫm đậm đặc/ của những tán lá già,/ của những cây quế,/ cây vải,/ cây dâu da,/ cây đa,/ cây chùm bao, ...//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép

2.1. Luyện tập nối các vế trong câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thực hiện yêu cầu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, làm bài vào VBT.

Gợi ý:

	Dùng dấu câu để nối các vế	Dùng kết từ để nối các vế
a.	Chị Mai nấu cơm, kho cá; tôi nhặt rau và quét nhà.	Chị Mai nấu cơm, kho cá còn tôi nhặt rau và quét nhà.
b.		Sáng nay, em đến trường và em sẽ đến thư viện để đọc sách.
c.	Mùa xuân đang về, các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.	Mùa xuân đang về nên các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.
d.	Luống này là hồng nhưng đỏ thắm, luống kia là thược dược rực rỡ.	Luống này là hồng nhưng đỏ thắm còn luống kia là thược dược rực rỡ.

Lưu ý: HS chọn sử dụng dấu câu hoặc kết từ để ghép các cặp câu. Không yêu cầu tất cả HS phải thực hiện cả hai cách.

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm kết từ và vế câu phù hợp thay cho ☼ để tạo thành câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật *Mảnh ghép* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

- Đường vào bản rất xa nên du khách đến tham quan phải đi từ sáng sớm.
- Những cây xoan đã lấm tấm nụ còn cây bàng đã xòe những chiếc lá non xanh đầy cành.
- Hội đua thuyền tổ chức vào thứ Bảy nhưng từ chiều thứ Sáu, các đội đua đã nô đùa tu tập bên bến sông.
- Tôi thích những món đồ chơi kết từ lá dừa nên mỗi khi có dịp gặp ai bán chúng, ba đều mua về cho tôi.)

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu về một loài vật em thích và chỉ ra cách nối các vế trong câu

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.

Lưu ý: HS viết theo suy nghĩ và cảm nhận cá nhân, GV có thể khuyến khích HS viết 2 – 3 câu ghép và nối các vế câu bằng nhiều cách.

- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn mở bài cho bài văn tả người

3.1. Nhận diện đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp trong bài văn tả người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc từng đề bài và các đoạn mở bài tương ứng.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để thực hiện BT.

(Đáp án:

- + *Mở bài trực tiếp: Đoạn văn 1a, đoạn văn 2b;*
- + *Mở bài gián tiếp: Đoạn văn 1b, đoạn văn 2a.)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi của GV:
 - + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 giới thiệu chung về người chọn tả; nhóm 2 nêu các sự vật, hiện tượng,... có liên quan để dẫn vào giới thiệu người chọn tả.)

- + Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài trong bài văn tả người?
- + ...

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.

Lưu ý: GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

3.2. Viết đoạn mở bài tả một người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chọn một trong hai cách để viết đoạn mở bài cho bài văn tả một người thân của em vào VBT.

- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi.
- HS đọc bài của bạn, nhận xét, chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm (nếu cần).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại 3 – 5 từ ngữ dùng để miêu tả lá cây trong bài đọc “Rừng xuân” mà em thích.*
- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động ở nhà, viết vào sổ tay Tiếng Việt (Gợi ý: *từ, nghĩa của từ, lí do mà em thích,...*).
- HS chia sẻ kết quả bằng kĩ thuật *Phòng tranh* hoặc trình bày ở *Góc Tiếng Việt/ Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm.*
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: BẦY CHIM MÙA XUÂN

(tiết 15 – 18, SHS, tr. 26 – 29)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một việc làm thể hiện sự gắn bó của con người với thiên nhiên mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kể về hoạt động của các thành viên gia đình nhân vật tôi trong vườn nhà vào những ngày đầu xuân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình yêu và sự gắn bó của gia đình nhân vật tôi với khu vườn và bầy chim mùa xuân, đó cũng là tình yêu và ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.*
3. Luyện tập sử dụng cách nối các vế trong câu ghép.
4. Viết được đoạn văn cho bài văn tả người.
5. Tìm được một thành ngữ phù hợp với nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân”; nêu được cách hiểu của em về thành ngữ vừa tìm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

- Hình ảnh hoặc video clip về hoạt động trồng cây; cho chim, sóc ngoài tự nhiên ăn; cứu hộ động vật;... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Anh tôi chợt dừng hát” đến hết.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một việc làm thể hiện sự gắn bó của con người với thiên nhiên mà em biết (Gợi ý: *Trồng cây; cho chim ngoài tự nhiên ăn; cứu hộ động vật hoang dã;...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Bầy chim mùa xuân”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Bầy chim mùa xuân

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả đặc điểm của bầy chim “Mùa Xuân”,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).
- + Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:
 - *Nhưng tôi xin mẹ cho đi chân đất/ bởi tôi thích cái cảm giác đất vườn ẩm ướt,/ mềm mại/ ôm lấy hai bàn chân thật dịu dàng.//;*
 - *Tôi đã luôn nghĩ rằng/ mọi cây cối trong vườn,/ mọi chiếc lá hay mỗi bông hoa,/ chúng đều biết vui buồn.//;*
 - *Bởi vì chúng chỉ trở về vào mùa xuân,/ làm tổ khắp vườn/ và rồi sẽ bay đi khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè chiếu xuống.//;...*
- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến “trời lên”.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến “vui buồn”.
 - + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Tháng Giêng gọi cho nhân vật tôi nhớ về những hạt cây vừa nảy mầm trên mặt đất. Chúng xanh tươi, non nớt, tuy run rẩy yếu đuối nhưng cũng đầy kiêu hãnh. Chúng xuyên qua những vụn đất để trời lên.*

+ Câu 2: *Những chi tiết cho thấy sự gắn bó của mọi người trong gia đình nhân vật tôi với khu vườn: Vào ngày đầu xuân, cả nhà ra vườn. Bạn nhỏ đi chân đất vì thích cái cảm giác đất vườn ẩm ướt, mềm mại ôm lấy hai bàn chân thật dịu dàng. Bố bạn nhỏ là người bỏ xuống nhát cuốc đầu tiên còn anh trai của bạn nhỏ thì hát. Bạn nhỏ ngồi thụp xuống dưới gốc cây hồng xiêm rất to và ngắm mấy cái hạt mầm. Cảm nhận cơn gió thổi qua tai, qua má và cho rằng mọi vật trong khu vườn đều có linh tính.*

+ Câu 3: *Bầy chim mùa xuân được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: trở về vào mùa xuân, làm tổ khắp vườn, bay đi khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè chiếu xuống, màu đỏ, đậu trên những vòm cây như quả chín.*

+ Câu 4: *Khi thấy bầy chim, gia đình nhân vật tôi đã rón rén trở về nhà, nhường cả khu vườn đang đậm chồi mới mát cho bầy chim ấy → thể hiện lòng quý mến đối với bầy chim và tình yêu thiên nhiên của gia đình bạn nhỏ.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Bầy chim màu đỏ trở về làm khu vườn xanh mượt thêm rực rỡ, thêm tươi vui và đầy sức sống. Chúng đậu trên những vòm cây xanh rì, từ xa trông chúng như những chùm quả chín mọng, đỏ ối...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của những mầm cây trong khu vườn.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Sự gắn bó của mọi người trong gia đình với khu vườn.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Vẻ đẹp của khu vườn khi bầy chim mùa xuân trở về.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả đặc điểm của bầy chim “Mùa Xuân”; giọng nhân vật anh trong sáng, nhỏ nhẹ; giọng nhân vật em thích thú, hồn nhiên;...)*):

Anh tôi chợt dừng hát,/ ngồi xuống bên cạnh tôi và thì thào://

– Này,/ anh vừa nhìn thấy đàn chim “Mùa Xuân” đấy.//

Tôi quay phắt sang://

– Thật ư?//

Một tay anh đưa lên miệng,/ tay kia anh chỉ cho tôi thấy.// Ôi chao,/ đúng là một đàn đến hàng trăm con,/ loài chim mà chúng tôi đặt tên là “Mùa Xuân”.// Bởi vì chúng chỉ trở về vào mùa xuân,/ làm tổ khắp vườn/ và rồi sẽ bay đi khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè chiếu xuống.// Chúng có màu đỏ.// Tất cả chúng đều có màu đỏ.// Chúng đâu trên những vòm cây như quả chín.//

Tôi nhìn thấy bố vẫy tay/ và chúng tôi rón rén trở về nhà,/ nhường cả khu vườn đang đâm chồi mướt mát cho bầy chim ấy.//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, viết 3 – 4 câu kể về hoạt động của bầy chim “Mùa Xuân” khi trở về khu vườn.*

– HS thực hành nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn chỉnh câu.

– HS viết câu vào sổ tay Tiếng Việt.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép

2.1. Xác định cách nối các vế trong câu ghép

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a.

+ *Vì cậu tôi mới trồng được vài năm nên những cây phi lao chỉ cao hơn đầu người một chút.*

+ Tuy ngọn cây chưa cao lắm nhưng lá kim đã ra xùm xoà.

b.

Vì câu tôi/ mới trồng vài năm nên những cây phi lao/ chỉ cao hơn đầu người

CN1

VN1

CN2

VN2

một chút.

Tuy ngọn cây/ chưa cao lắm nhưng lá kim/ đã ra xùm xoà.

CN1

VN1

CN2

VN2

c. Các vế trong từng câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ: “Vì ... nên ...”; “Tuy ... nhưng ...”.

d. Không tách mỗi vế câu trong từng câu ghép tìm được thành câu đơn. Vì mối quan hệ giữa các vế câu chặt chẽ, nếu tách thì câu sẽ không trọn ý.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm vế câu phù hợp thay cho ☼ để tạo thành câu ghép

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận theo nhóm đôi, tìm vế câu phù hợp thay cho ☼ để hoàn chỉnh các câu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. Mặc dù mưa rất lớn nhưng đoàn thuyền vẫn cập bến an toàn.

b. Nhờ rừng nguyên sinh được bảo vệ nên vùng này không bị lũ quét.

c. Tuy cây bàng này mới trồng năm ngoái nhưng cành lá đã sum sê, xanh biếc.

d. Vì đất vùng này rất màu mỡ nên hàng cây bạch đàn lớn nhanh trông thấy.)

– HS trao đổi bài làm trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn giới thiệu về một loài chim

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý và hoàn thiện bài làm.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn tả người

3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả ngoại hình hoặc tính tình, hoạt động của con người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Mảnh ghép*:
 - + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn a.
 - + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn b.

(Gợi ý:

Đoạn văn a:

- + Tác giả tả một số đặc điểm nổi bật của bé Bông:
 - Khuôn mặt: bầu bĩnh;
 - Má: phúng phính, căng mịn;
 - Đôi mắt: tròn xoe, long lanh;
 - Miệng: đỏ hồng, chúm chím (như nụ hoa đào);
 - Mái tóc: mềm, đen nhánh, tết thành hai bím nhỏ, lắc lư theo nhịp bước;
 - Làn da: trắng hồng.
- + Câu mở đầu và câu cuối của đoạn văn nêu nhận định và ấn tượng chung của tác giả về bé Bông.

Đoạn văn b:

- + Khi bà chải tóc và khi bà cười, tác giả quan sát được một số đặc điểm ngoại hình nổi bật:
 - Tóc: đen, dày kì lạ, phủ kín cả hai vai, xoã xuống ngực, xuống đầu gối;
 - Hai con ngươi: đen sẫm, nở ra, long lanh, dịu hiền;
 - Đôi mắt: ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui;
 - Đôi má: ngăm ngăm, nhiều nếp nhăn;
 - Khuôn mặt: tươi trẻ.
 - + Giọng nói: trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông.
 - + Tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho bà của mình thể hiện qua lời tả dịu dàng, tha thiết, dùng nhiều từ ngữ thể hiện cảm xúc như: khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, long lanh, dịu hiền khó tả,...
 - + Học được cách chọn tả những đặc điểm về ngoại hình, hoạt động của một người và cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ để miêu tả, thể hiện tình cảm, cảm xúc của em với người được chọn tả.)
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. *Viết đoạn văn tả đặc điểm ngoại hình hoặc tính tình, hoạt động của một người thân trong gia đình*

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát các lưu ý, kết hợp trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Người thân em chọn tả là ai?
 - + Em chọn tả ngoại hình hay tính tình, hoạt động của người đó?
 - + Em chọn tả những đặc điểm hoặc hoạt động nào? Vì sao?
 - + Em chọn sử dụng những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc giữa em và người đó?
 - + ...
- HS làm bài vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại bài làm của mình, chỉnh sửa để hoàn thiện (nếu cần).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. **VẬN DỤNG**

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm một thành ngữ phù hợp với nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân”.*
- HS nhớ lại nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân” và nghe GV hướng dẫn để tìm một thành ngữ phù hợp (Gợi ý: *Đất lành chim đậu,...*).
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nêu cách hiểu của em về thành ngữ tìm được.*
- HS trao đổi trong nhóm đôi, nêu cách hiểu về thành ngữ vừa tìm được và nghe bạn nhận xét.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: THIÊN ĐƯỜNG CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (tiết 19 – 21, SHS, tr. 30 – 32)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về lí do cần phải cần bảo tồn động vật, thực vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu nội dung của bài đọc: *Hi-ơ-lơ-vin là khu bảo tồn những loài động vật bản địa của nước Úc. Mọi người cần có ý thức trong việc bảo vệ, chăm sóc các loài động vật để đảm bảo sự đa dạng sinh học.*

3. Trao đổi được ý kiến với người thân *Trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi.*

4. Viết được đoạn kết bài cho bài văn tả người.

5. Viết được ba điều nên làm và ba điều không nên làm khi đến những khu bảo tồn động vật, thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video về đa dạng sinh học, sự tác động của sinh vật đến đời sống và sự biến đổi của môi trường (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip giới thiệu về Khu Bảo tồn Hi-ơ-lơ-vin (Úc) (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Mỗi năm” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi được với bạn về lí do cần phải bảo tồn động vật, thực vật (Gợi ý: *Đảm bảo sự đa dạng về giống loài; đảm bảo cân bằng sinh thái; cung cấp những lợi ích quan trọng về y học, nông nghiệp;...*), có thể kết hợp trình chiếu tranh ảnh, video clip về đa dạng sinh học (nếu có) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Thiên đường của các loài động vật hoang dã”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Thiên đường của các loài động vật hoang dã

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, tươi vui, nhấn giọng vào những thông tin quan trọng của khu bảo tồn.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *Hi-ơ-lo-vin, kăng-gu-ru, đin-gô,...*

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Thiên đường rừng rậm này có hơn 200 loài động vật hoang dã của Úc như/ gấu túi,/ kăng-gu-ru,/ thú mỏ vịt,/ chó đin-gô,/ gấu túi mũi trần,/ đà điểu, ...//;*

• *Những người yêu động vật/ có thể ghé thăm một số “bệnh nhân” đang hồi phục,/ xem bác sĩ thú y làm việc/ hoặc tận tình chữa trị cho những con vật bị ốm/ hay bị thương.//;*

• *Cũng ở đây,/ du khách còn được xem các chú vẹt/ phô diễn bộ lông lộng lẫy/ trong chương trình biểu diễn “Linh hồn của bầu trời” nổi tiếng/ hay chơi đùa cùng loài thú mỏ vịt duy nhất trên thế giới.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “đà điểu”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “bị thương”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết cho thấy Khu Bảo tồn Hi-ơ-lo-vin có quy mô lớn: diện tích hơn 30 héc-ta, động vật được sống trong môi trường rộng lớn và tươi xanh không khác tự nhiên; có hơn 200 loài động vật hoang dã của nước Úc đang sinh sống.*

+ Câu 2: *Đến khu bảo tồn, du khách và những người yêu động vật được trải nghiệm: chiêm ngưỡng loài chim săn mồi sải cánh trên bầu trời, ngắm đáng yêu của loài gấu túi đu ngủ trên cành cây, xem các chú vẹt phô diễn bộ lông lộng lẫy, chơi đùa cùng loài thú mỏ vịt duy nhất trên thế giới.*

+ Câu 3: *Đoạn 1: giới thiệu về Khu Bảo tồn Động vật hoang dã Hi-ơ-lo-vin; đoạn 2: những việc làm của đội ngũ chuyên gia, các y, bác sĩ để chăm sóc các loài động vật; đoạn 3: những trải nghiệm thú vị của du khách tại khu bảo tồn.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD:

• *Đối với động vật nói chung, khu bảo tồn tạo điều kiện cho chúng sống trong môi trường rộng lớn và tươi xanh không khác tự nhiên. Nhờ đó, các loài động vật ở đây được sinh trưởng và phát triển tốt, góp phần bảo vệ chúng khỏi những mối đe dọa bên ngoài và nguy cơ tuyệt chủng.*

• Đối với những con thú bị bệnh, bị thương hoặc mồ côi, đội ngũ chuyên gia, bác sĩ thú y và y tá của Trung tâm Sức khỏe Động vật hoang dã đã chăm sóc, chữa trị tận tình cho chúng, giúp chúng mau chóng hồi phục để tiếp tục sống và phát triển.

→ Thông qua những việc làm của Khu Bảo tồn Hi-ơ-lo-vin cho thấy tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc của con người đối với các loài động vật hoang dã bản địa. Nhờ vào những việc làm ấy, khu bảo tồn đã truyền cho các du khách đến tham quan nguồn cảm hứng trong việc bảo tồn động vật hoang dã.

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Đến ngắm loài gấu túi đu ngủ trên cành cây; xem các chú vẹt phô diễn bộ lông lộng lẫy;...

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Giới thiệu về Khu Bảo tồn Động vật hoang dã Hi-ơ-lo-vin.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: Những việc làm đội ngũ chuyên gia, các y, bác sĩ trong việc chăm sóc các loài động vật.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 3: Những trải nghiệm thú vị của du khách tại khu bảo tồn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Mỗi năm” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, nhấn giọng vào những thông tin và hoạt động đáng chú ý của khu bảo tồn.*):

Mỗi năm,/ đội ngũ chuyên gia,/ bác sĩ thú y và y tá của bệnh viện động vật/ đã chăm sóc cho hơn 1 500 cá thể động vật bản địa.// Những người yêu động vật có thể ghé thăm một số “bệnh nhân” đang hồi phục,/ xem bác sĩ thú y làm việc/ hoặc tận tình chữa trị cho những con vật bị ốm/ hay bị thương.//

Đến đây,/ du khách có dịp chiêm ngưỡng loài chim săn mồi sải cánh trên bầu trời,/ ngắm đáng vẻ đáng yêu của loài gấu túi đu ngủ trên cành cây,...// Cũng ở đây,/ du khách còn được xem các chú vẹt/ phô diễn bộ lông lộng lẫy/ trong chương trình biểu diễn “Linh hồn của bầu trời” nổi tiếng/ hay chơi đùa cùng loài thú mỏ vịt duy nhất trên thế giới.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Mỗi năm” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Trao đổi ý kiến với người thân *Trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi*

2.1. Xác định mục đích trao đổi

- HS xác định yêu cầu và trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Em có nguyện vọng gì?
 - + Vì sao em cần trao đổi với anh (chị) trước?
 - + Em muốn trao đổi với anh (chị) những nội dung gì?
 - + ...
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Xác định mục đích trao đổi

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý:
 - + Đưa ra và nêu rõ mục đích của mình để anh (chị) hiểu.
 - + Tìm các cách để giải đáp các thắc mắc, khó khăn mà anh (chị) đặt ra.
 - + ...
- HS phân vai, trao đổi các nội dung trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Dự đoán những khó khăn để có hướng giải đáp

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi, dự đoán những khó khăn mà anh (chị) đặt ra và tìm hướng giải đáp của bản thân. HS có thể chọn một trong các gợi ý để tìm hướng giải quyết:
 - + Nhà nhỏ, không phù hợp để có thêm vật nuôi hoặc cây trồng.
 - + Chăm sóc vật nuôi hoặc cây cối sẽ ảnh hưởng đến thời gian học bài, làm việc nhà.
 - + Khi em đi học sẽ không có ai giúp chăm sóc vật nuôi hoặc cây trồng.
 - + ...

Lưu ý: HS có thể ghi chép nhanh các thông tin bằng sơ đồ tư duy đơn giản.

- HS phân vai, trao đổi các nội dung trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS đóng vai, trao đổi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn kết bài cho bài văn tả người

3.1. Nhận diện đoạn kết bài mở rộng và đoạn kết bài không mở rộng trong bài văn tả người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc từng đề bài và các đoạn kết bài tương ứng.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để thực hiện BT.

(Đáp án:

+ *Kết bài không mở rộng: Đoạn văn 1a, đoạn văn 2b;*

+ *Kết bài mở rộng: Đoạn văn 2a, đoạn văn 1b.)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: *Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 nêu tình cảm, cảm xúc với người được tả; nhóm 2 liên hệ đến người, vật, việc,... có liên quan.*)

+ Theo em, có những cách nào để viết đoạn kết bài trong bài văn tả người?

+ ...

- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.

Lưu ý: GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn kết bài cho bài văn tả một người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chọn một trong hai cách để viết đoạn kết bài cho bài văn tả một người thân của em vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi.
- HS đọc bài của bạn, nhận xét, chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm (nếu cần).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết ba điều nên làm và ba điều không nên làm khi đến những khu bảo tồn động vật, thực vật.*

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ, viết những việc “nên làm” vào thẻ màu xanh, những việc “không nên” làm vào thẻ màu đỏ.

– HS đính các thẻ vào bảng nhóm và trang trí, chia sẻ ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: LỘC VỪNG MÙA XUÂN (tiết 22 – 25, SHS, tr. 33 – 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Tìm được từ ngữ miêu tả cây lộc vừng trong bức tranh minh hoạ bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp và sự gắn bó của cây lộc vừng Hồ Gươm đi cùng năm tháng*. Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Cần gìn giữ, bảo tồn những giá trị gắn liền với thời gian*.

– Tìm đọc được một bản tin về thiên tai, về việc làm ảnh hưởng đến môi trường, về một hoạt động bảo vệ môi trường; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Phát thanh viên nhí”: đọc và bày tỏ suy nghĩ sau khi đọc bản tin; ghi chép những thông tin chính về một bản tin được chia sẻ.

3. Luyện tập sử dụng cách nối các vế trong câu ghép.

4. Viết được bài văn tả người.

5. Chia sẻ được với người thân một vài thông tin thú vị về cây lộc vừng chín gốc ở Hồ Gươm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh hoặc video clip về cây lộc vừng chín gốc ở Hồ Gươm; sự tích trả gươm cho rùa thần của Lê Lợi (nếu có).

– HS mang tới lớp bản tin phù hợp với chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi hai khổ thơ cuối.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, tìm những từ ngữ miêu tả cây lộc vùng được vẽ trong bức tranh minh hoạ bài đọc (Gợi ý: *Gốc – to; thân – chia thành nhiều nhánh; hoa – đỏ chói; lá – xanh ngắt; ...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc “Lộc vùng mùa xuân”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Lộc vùng mùa xuân

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của cây lộc vùng và những sự kiện lịch sử,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *nhồi, trầm tích, dào dạt, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Trải bao giông gió/ bão bùng/

Cây cùng lịch sử/ soi chung mặt hồ//

Tán nhòa/ trong bóng vua xưa/

Dáng nghiêng kính cẩn/ như vừa trả gươm.//

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *mặt hồ* (chỉ Hồ Gươm (hồ Hoàn Kiếm)); *ngùi thom* (thể hiện sự lắng lọc của thời gian, của chiêm nghiệm bao thăng trầm lịch sử, ở đây ý nói hoa lộc vùng thom lẫm, từng trải chứ không rạo rức, hớn hở như những loài hoa khác); *hoài niệm* (tưởng nhớ về những gì qua đi đã lâu); *trầm tích* (chất do các vật thể trong nước sông, hồ, biển lắng đọng lâu ngày kết lại mà thành, nghĩa trong bài: cây lộc vùng đã có từ lâu đời, gốc cây rêu phong theo thời gian, như lắng lọc, kết tinh những nét đẹp truyền thống, văn hoá, lịch sử của dân tộc);...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những điểm đặc biệt của cây lộc vừng: Cây lộc vừng đã đứng đó từ rất lâu đời “Ngõ cùng tuổi với sương mù/ Xanh vờn từ thuở hoang vu đất này”.*

+ Câu 2: *Câu thơ gợi nhắc đến câu chuyện vua Lê Lợi trả kiếm cho rùa thần.*

Lưu ý: GV có thể kết hợp trình chiếu hình ảnh, video clip hoặc một số cụm từ gợi ý liên quan đến sự kiện để gợi nhắc cho HS.

+ Câu 3: *Hình ảnh của hoa lộc vừng: sắc hoa toả rỡ ràng; dây hoa thả những chuỗi cườm; chùm bông bay bay; gió vừa lướt qua thì Hồ Gươm đào dạt hoa mưa lộc vừng.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Em thích khổ thơ 2 vì ở khổ thơ này, cây lộc vừng được giới thiệu như một nhân chứng, cây đứng đó vững chãi theo dõi Thủ đô trải qua những thăng trầm của lịch sử,...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Hình ảnh và dáng vẻ cây lộc vừng gắn liền với các dấu mốc của thời gian.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp của cây lộc vừng khi ra hoa gợi nhắc về những kỉ niệm tuổi thơ → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa của bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của hoa lộc vừng.*):

Dây hoa/ thả những chuỗi cườm/
Gốc rêu trầm tích/ ngùi thom sẽ sàng//
Tương đâu/ mưa nắng/ cũ càng/
Sắc hoa vẫn toả/ rỡ ràng sớm nay.//

Hừng/ chùm bông phấn/ bay bay/
Lắng nghe/ hoài niệm/ đong đầy tuổi thơ//
Gió/ vừa nhắc chuyện ngày xưa/
Hồ Gươm/ dào dạt hoa mưa lộc vừng.//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp một đoạn hoặc cả bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề “Giữ mãi màu xanh”

1.2.1. Tìm đọc bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ đề “Giữ mãi màu xanh” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc ở các báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin:

- + Về bão, lũ, động đất,...
- + Về việc làm ảnh hưởng đến môi trường.
- + Về một hoạt động bảo vệ môi trường.
- + ...

– HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Ngày kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên bản tin, tên tác giả, thông tin chính, điều ấn tượng,...

– HS có thể trang trí *Ngày kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bản tin.

1.2.3. Chia sẻ về bản tin đã đọc

- HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Ngày kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Ngày kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về điều em ấn tượng nhất khi đọc bản tin, lí do ấn tượng; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về những thông tin mới,...
- HS bình chọn một số *Ngày kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Phát thanh viên nhí”

- HS thực hiện theo nhóm, đọc và bày tỏ suy nghĩ sau khi đọc bản tin.
- Mỗi nhóm HS bình chọn một “Phát thanh viên nhí” xuất sắc nhất.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép những thông tin chính về một bản tin được chia sẻ

– HS có thể ghi chép tóm tắt một vài thông tin chính về một bản tin được nghe bạn chia sẻ.

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép

2.1. Xác định các vế câu và cặp từ hô ứng trong câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Trời/ càng rét, thông/ càng xanh.

CN1 VN1 CN2 VN2

→ Cặp từ hô ứng “... càng ... càng ...”.

b. Thuyền/ chưa cập bến, dân làng/ đã ùa ra đón.

CN1 VN1 CN2 VN2

→ Cặp từ hô ứng “... chưa ... đã ...”.

c. Mặt trời/ vừa lên, nắng/ đã lấp lánh trên những con sóng.

CN1 VN1 CN2 VN2

→ Cặp từ hô ứng “... vừa ... đã ...”.

d. Tàu/ chạy đến đâu, đàn cá heo/ bơi theo đến đó.

CN1 VN1 CN2 VN2

→ Cặp từ hô ứng “... đâu ... đó”.)

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chọn cặp từ hô ứng phù hợp thay cho ☹

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Trời càng về chiều, nắng càng sẫm lại.

b. Trời nắng gắt bao nhiêu, muối khô nhanh bấy nhiêu.

c. Gió thổi về đâu, mây dạt về hướng đó.

d. Trời vừa rạng sáng, bà con đã ra đồng gặt lúa.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có cặp từ hô ứng

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn thiện nội dung câu.

- HS làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. Trời càng về chiều, không khí càng dịu mát.

b. Mùa xuân vừa đến, những cánh én đã chao liệng đầy trời.)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn tả người (Bài viết số 1)

3.1. Viết bài văn tả một người thân trong gia đình dựa vào dàn ý đã lập

- HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý ở BT 1.
- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào dàn ý đã lập và đoạn mở bài, đoạn kết bài đã viết ở các tiết trước để viết bài văn hoàn chỉnh.
 - + Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng.
 - + Khi viết bài văn tả người thân, có thể chọn một trong hai trình tự theo gợi ý.
 - + Phần thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn.
 - + Sử dụng từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh để bài viết thêm sinh động.
 - + ...
- HS thực hiện viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tự đọc lại bài viết, rà soát, chỉnh sửa các lỗi dùng từ, viết câu, chính tả,... (nếu có).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Chia sẻ với người thân một vài thông tin thú vị về cây lộc vừng chín gốc ở Hồ Gươm.

- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: HS sưu tầm hình ảnh và thông tin về cây lộc vừng chín gốc ở Hồ Gươm; chia sẻ với người thân một vài thông tin thú vị.
- HS dán ảnh và ghi chép một số thông tin thú vị mà em sưu tầm được vào sổ tay Tiếng Việt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: DƯỚI NHỮNG TÁN XANH (tiết 26 – 28, SHS, tr. 37 – 41)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về việc trồng và chăm sóc cây ở trường hoặc ở nhà em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thông tin về mục tiêu, tiêu chí công nhận Cây di sản Việt Nam và giới thiệu về Giàn Gừa – cây di sản đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Nâng cao ý thức tôn trọng tự nhiên; có trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo tồn cây di sản và các loài thực vật Việt Nam.*
3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Môi trường*.
4. Luyện tập quan sát, tìm được ý cho bài văn tả người.
5. Sưu tầm được tranh, ảnh và tìm hiểu thông tin về một vài Cây di sản Việt Nam; ghi lại được những thông tin chính về một cây di sản đã tìm hiểu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tỉ vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về Giàn Gừa và một số cây di sản ở các tỉnh, thành (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về việc trồng và chăm sóc cây ở trường hoặc ở nhà em → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Dưới những tán xanh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Dưới những tán xanh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng trong sáng, tươi vui, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở những thông tin, số liệu và từ ngữ chỉ đặc điểm của Giàn Già.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *chằng chịt*, ...

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Năm 2010,/ Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam/ đã khởi xướng việc tuyển chọn,/ công nhận Cây di sản Việt Nam.// ;*

• *Các cây gỗ lớn/ (trên 100 năm tuổi đối với cây trồng/ và trên 200 năm tuổi đối với cây tự nhiên)/ hoặc có giá trị về cảnh quan,/ môi trường,/ khoa học,/ văn hoá,/ lịch sử, .../ được công nhận là cây di sản.//;*

• *Năm 2013,/ Giàn Già nguyên sinh hơn 150 năm tuổi/ ở ấp Nhơn Khánh,/ xã Nhơn Nghĩa,/ huyện Phong Điền,/ thành phố Cần Thơ/ được ghi nhận là cây di sản đầu tiên/ ở Đồng bằng sông Cửu Long.//;*

• *Theo thời gian,/ những cành già in hằn vết tích chiến tranh/ vẫn âm thầm,/ vươn mình toả rợp bóng mát,/ những tán xanh vẫn rì rào khúc hát mến thương.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó: *xoăn xuyt* (bám lấy, quấn chặt lấy như không chịu rời),...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “mọi miền”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Tuyển chọn các cây gỗ lớn (trên 100 năm tuổi đối với cây trồng và trên 200 năm tuổi đối với cây tự nhiên) hoặc có giá trị về cảnh quan, môi trường, khoa học, văn hoá, lịch sử, ...*

+ Câu 2:

• Những chi tiết cho thấy Giàn Gà rất lớn: Giàn Gà nguyên sinh hơn 150 năm tuổi cao khoảng 15 mét; đến nay, do được bảo tồn, diện tích Giàn Gà đã lên tới 4 000 mét vuông.

• Những chi tiết cho thấy Giàn Gà rất đẹp: tán lá vươn rộng ra một vùng mênh mông xanh mát, đan quện xoắn xuýt; bộ rễ chằng chịt, giăng đầy trên mặt đất; hình dáng của giàn cây tạo nên một bức tranh độc đáo, hoang sơ và huyền bí;...

+ Câu 3: Nhờ được bảo tồn mà diện tích Giàn Gà đã được phục hồi lại sau những năm tháng bị chiến tranh tàn phá, từ 2 740 mét vuông diện tích Giàn Gà đã phát triển lên tới 4 000 mét vuông, những cành gà in hằn vết tích chiến tranh vẫn đâm chồi, vươn mình toả rợp bóng mát.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng (có thể kết hợp trình chiếu hình ảnh, video clip về Giàn Gà). VD: Gửi gắm thông điệp: Sức sống của Giàn Gà vô cùng mãnh liệt. Trải qua những năm tháng bom đạn, khói lửa chiến tranh, Giàn Gà vẫn tồn tại, vững vàng chứng kiến bao thời khắc lịch sử, ... Để rồi hôm nay, cây vươn lên phát triển mạnh mẽ, toả bóng mát, hát lên bài hát thân thương về vùng đất anh hùng; ...

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Tìm hiểu thông tin về cây di sản; chăm sóc cây cối ở địa phương; quay video clip để quảng bá, lan toả thông điệp bảo vệ cây di sản; ...)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Thông tin về mục tiêu và tiêu chí công nhận Cây di sản Việt Nam.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: Giới thiệu rõ nét các thông tin về Giàn Gà.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Đọc giọng trong sáng, tươi vui, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở những thông tin và những từ ngữ tả đặc điểm của Giàn Gà.):

Năm 2013,/ Giàn Gà nguyên sinh hơn 150 năm tuổi/ ở ấp Nhơn Khánh,/ xã Nhơn Nghĩa,/ huyện Phong Điền,/ thành phố Cần Thơ/ được ghi nhận là cây di sản đầu tiên/ ở Đồng bằng sông Cửu Long.// Giàn Gà cao khoảng 15 mét,/ tán lá vuôn rộng ra một vùng mênh mông xanh mát,/ đan quện xoắn xuýt như một tấm lưới khổng lồ.// Bộ rễ chằng chịt,/ giăng đầy trên mặt đất,/ trông như những con rắn.// Hình dáng của giàn cây tạo nên một bức tranh vô cùng độc đáo,/ hoang sơ và huyền bí.//

Những năm chiến tranh tàn phá,/ Giàn Gừa chỉ còn lại 2 740 mét vuông.// Đến nay,/ do được bảo tồn,/ diện tích Giàn Gừa đã lên tới 4 000 mét vuông.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông”.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ *Môi trường*

2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS quan sát nội dung ở các cột A, B, thảo luận nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* và thực hiện yêu cầu.
- HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: A1 – B3, A2 – B1, A3 – B4, A4 – B2).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS có thể đặt câu với mỗi từ ở cột A để hiểu rõ nghĩa (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Giải ô chữ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát ô chữ, đọc các gợi ý và thực hiện yêu cầu trong nhóm đôi (Đáp án: Hàng ngang: 1. MÁT MỀ; 2. KHÔNG KHÍ; 3. THÂN THIỆN; 4. BẢO TỒN; 5. RÁC THẢI; 6. NƯỚC; 7. GIỜ TRÁI ĐẤT; 8. BIỂN; 9. SÔNG – Từ khoá hàng dọc: MÔI TRƯỜNG).

- HS chơi trò chơi *Chung sức* để chữa bài trước lớp.
- HS đặt câu với từ khoá ở hàng dọc.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Kể tên việc làm thuộc mỗi nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ, có kết hợp quan sát tranh ảnh, video clip về các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường và gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

(Gợi ý:

a. Việc làm góp phần bảo vệ môi trường: trồng cây; tiết kiệm điện; phân loại và tái chế vật dụng đã qua sử dụng;...

b. Việc làm gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: vứt rác, đốt rác bừa bãi; chặt phá rừng; đánh bắt thủy hải sản quá mức;...)

- HS chia sẻ kết quả trước lớp theo kĩ thuật *Chúng em biết 3*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn kể về một việc làm góp phần bảo vệ cây xanh

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn góp ý và chỉnh sửa bài viết (nếu cần).
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả người

3.1. Tìm hiểu đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động của con người

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi.

(Gợi ý:

a. Những từ ngữ, hình ảnh tả ngoại hình của Hạng A Cháng trong đoạn đầu: ngực nở vòng cung; da đỏ như lim; bắp tay bắp chân rắn như trắc, như gụ; vóc dáng cao; vai rộng; người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng.

b. Đặc điểm ngoại hình của A Cháng khi cày ruộng: thân mình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi quia trái, lúc tạt phải theo đường cày uốn vòng theo hình ruộng bậc thang như một mảnh trăng lưỡi liềm. Lại có lúc được sà cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoải dài hoặc bấm những bước ngắn, gập gáp,...

c. Giúp người đọc hình dung rõ nét về vóc dáng khoẻ mạnh và vẻ đẹp, sự thành thực của Hạng A Cháng khi cày ruộng.)

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Quan sát và ghi chép những điều quan sát được về một người lao động vào lúc người đó đang làm việc

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Người lao động em chọn quan sát là ai?
 - + Người lao động em chọn tả có những điểm gì nổi bật về ngoại hình?
 - + Người đó có những đặc điểm gì về tính tình hoặc hoạt động, thói quen khiến em kính trọng hoặc khâm phục?

- + Em chọn những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc giữa em và người đó?
- + ...
- HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (**Lưu ý:** HS có thể ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản.)
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm tranh, ảnh và tìm hiểu thông tin về 1 – 2 Cây di sản Việt Nam.*
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: HS sưu tầm hình ảnh và thông tin về Cây di sản Việt Nam.
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Ghi lại những thông tin chính về một cây di sản em đã tìm hiểu.*
- HS dán ảnh, ghi chép một số thông tin chính về cây di sản vào bảng nhóm.
- HS trang trí bảng nhóm và chia sẻ bằng kỹ thuật *Phòng tranh* hoặc trình bày ở *Góc Tiếng Việt/ Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm.*
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chủ điểm 6. ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM

(Tuần 23 – 24 – 25 – 26)

Chủ điểm “Đất nước ngàn năm” hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: Kính trọng, biết ơn những người có công với Tổ quốc; tự hào về truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết trân trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ông cha; có những việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ các di sản văn hoá, làm cho đất nước ngày càng phát triển, văn minh hơn.*

BÀI 1: SỰ TÍCH CON RỒNG CHÁU TIÊN

(tiết 1 – 4, SHS, tr. 42 – 46)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn trao đổi được về thông tin, mục đích của lễ hội được nhắc đến trong câu ca dao; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Giải thích nguồn gốc của người Việt Nam*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi, tự hào về cội nguồn cao quý của người Việt Nam*.

3. Luyện tập về câu ghép.

4. Luyện tập lập được dàn ý cho bài văn tả người.

5. Kể được về một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về Lạc Long Quân, Âu Cơ và các con (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một số di tích lịch sử ở địa phương.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Sống với nhau” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Đất nước ngàn năm” (Gợi ý: *Ca ngợi truyền thống lịch sử – văn hoá kết tinh qua hàng ngàn năm và cảnh đẹp của đất nước ta.*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, cùng bạn trao đổi về lễ hội được nhắc đến trong câu ca dao (Gợi ý: *Câu ca dao nhắc đến hội Đền Hùng. Hội được tổ chức ở Khu di tích lịch sử Đền Hùng – tỉnh Phú Thọ nhằm mục đích tưởng nhớ công ơn của các Vua Hùng.*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Sự tích con Rồng cháu Tiên”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Sự tích con Rồng cháu Tiên

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật; giọng Lạc Long Quân trầm ấm, nghiêm trang, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Thần mình rồng,/ thường ở dưới nước,/ thỉnh thoảng lên sống trên cạn,/ sức khoẻ vô địch,/ có nhiều phép lạ.//;*

• *Nay/ ta đem năm mươi con xuống biển,/ nàng đưa năm mươi con lên núi,/ chia nhau cai quản các phương,/ khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau,/ đừng quên lời hẹn.//;*

• *Con trai vua gọi là Lang,/ con gái vua gọi là Mị Nương;/ khi cha mất thì ngôi được truyền cho con trưởng,/ mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương,/ không hề thay đổi.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *khôi ngô* (sáng sủa, thông minh); *con trưởng* (con cả, người con được sinh ra đầu tiên); *hiệu* (tên gọi của trí thức thời xưa thường tự đặt thêm cho mình bên cạnh tên vốn có, thường có ý nghĩa đẹp, thể hiện hoài bão của bản thân,...); *đồng bào* (từ dùng để gọi những người cùng một giống nòi, một dân tộc, một tổ quốc với mình nói chung, với hàm ý có quan hệ thân thiết như ruột thịt);...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “khỏe mạnh như thần”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Lạc Long Quân: vị thần mình rồng, sống ở dưới nước nhưng thỉnh thoảng lên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ,...; Âu Cơ: xinh đẹp tuyệt trần, sống ở vùng núi cao.*

+ Câu 2:

• *Chi tiết Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng: giải thích nguồn gốc của người Việt, những người dân trên đất nước Việt Nam đều chung một bào thai và đều là anh em một nhà. Từ đó, giúp HS hiểu thêm cách gọi “đồng bào”, hiểu lí do người Việt Nam ta thường tự hào xưng là con Rồng cháu Tiên.*

• *Chi tiết Lạc Long Quân và Âu Cơ dẫn các con chia nhau cai quản các phương: thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên, làm chủ các vùng đất mới và giải thích về xuất thân của các Vua Hùng, về nguồn gốc của nhà nước Văn Lang.*

+ Câu 3: HS kể tóm tắt câu chuyện bằng lời của mình, tập trung vào những sự việc chính, tránh đọc lại cả đoạn. VD: *Lạc Long Quân là vị thần mình rồng, sống ở dưới nước, có sức khoẻ vô địch và nhiều phép lạ. Âu Cơ là nàng tiên ở chốn non cao, xinh đẹp tuyệt trần. Hai người gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng. Ít lâu sau, Âu Cơ sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng lại nở ra trăm người con hồng hào, khoẻ mạnh. Khi các con đã lớn, Lạc Long Quân và Âu Cơ chia nhau, mỗi người đem theo năm mươi con đi cai quản các phương. Người con trưởng của họ sau này lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Nhấn nhủ chúng ta phải nhớ về nguồn gốc cao quý của dân tộc: con Rồng cháu Tiên; gọi niềm tự hào và tự tôn dân tộc; nhắc nhở chúng ta phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau; phải biết giữ gìn truyền thống đoàn kết của dân tộc.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu về Lạc Long Quân, Âu Cơ và cuộc gặp gỡ giữa cả hai, rồi họ kết thành vợ chồng và sinh được một trăm người con.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Cuộc chia tay giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ cùng với sự ra đời của nhà nước Văn Lang – nhà nước đầu tiên trong lịch sử nước ta.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng người kể chuyện thông thả, rành mạch; giọng Lạc Long Quân trầm ấm, nghiêm trang và tha thiết*):

Sống với nhau được ít lâu,/ Lạc Long Quân bàn với vợ://

– Ta/ vốn nòi rồng ở miền nước thẳm,/ nàng/ là dòng tiên ở chốn non cao.// Kê trên cạn,/ người dưới nước,/ tập quán khác nhau,/ khó mà ở cùng nhau lâu dài được.// Nay/ ta đem năm mươi con xuống biển,/ nàng đưa năm mươi con lên núi,/ chia nhau cai quản các phương,/ khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau,/ đùm bọc quên lời hẹn.//

Một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ/ sau này trở thành tổ tiên của người Việt.// Người con trưởng theo Âu Cơ/ được tôn lên làm vua,/ lấy hiệu là Hùng Vương,/ đóng đô ở đất Phong Châu,/ đặt tên nước là Văn Lang.// Con trai vua gọi là Lang,/ con gái vua gọi là Mi Nương;/ khi cha mất/ thì ngôi được truyền cho con trưởng,/ mười mấy đời truyền nối ngôi vua/ đều lấy hiệu là Hùng Vương,/ không hề thay đổi.//

Cũng bởi sự tích này mà về sau,/ người Việt ta thường tự hào xưng là con Rồng cháu Tiên/ và thân mật gọi nhau là đồng bào./

- HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 2.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi tìm những câu tục ngữ, ca dao nói về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc ta.*

– HS hoạt động nhóm 4, tìm những câu tục ngữ, ca dao là lời khuyên về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái (GV có thể hướng dẫn HS tìm ở nhà trước buổi học).

(Gợi ý: *Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao; Lá lành đùm lá rách; Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn; Khôn ngoan đối đáp người ngoài/ Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau;...*)

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về câu ghép

2.1. Ghép hai câu đơn thành một câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu theo kĩ thuật *Mảnh ghép*.

(Gợi ý:

	Dùng dấu câu	Dùng kết từ	Dùng cặp kết từ
a.	Mùa xuân đến, hoa mơ nở trắng rừng.	Mùa xuân đến nên hoa mơ nở trắng rừng.	Vì mùa xuân đến nên hoa mơ nở trắng rừng./ Nếu mùa xuân đến thì hoa mơ nở trắng rừng.
b.	Biển động, tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi trú đậu.	Biển động nên tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi trú đậu.	Vì biển động nên tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi trú đậu.
c.	Hạt cải được gieo xuống, đất phù sa và mưa xuân giúp chúng nảy mầm.	Hạt cải được gieo xuống thì đất phù sa và mưa xuân giúp chúng nảy mầm.	Nếu hạt cải được gieo xuống thì đất phù sa và mưa xuân giúp chúng nảy mầm.

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Đặt câu ghép dựa vào nội dung bài đọc “Sự tích con Rồng cháu Tiên”

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đặt câu theo suy nghĩ, cảm nhận cá nhân.
- HS làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. Lạc Long Quân sức khỏe vô địch còn Âu Cơ thì xinh đẹp tuyệt trần.

b. Vì sự tích trăm trứng nở trăm con nên người Việt ta thường tự hào xưng là con Rồng cháu Tiên.)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết đoạn văn giới thiệu về một di tích lịch sử

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS có thể kết hợp quan sát một số hình ảnh và làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả người

3.1. Xác định yêu cầu đề bài

- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:

- + Em chọn giới thiệu những điều gì về người lao động định tả?
- + Em chọn cách nào để tả người đó?
- + Người đó có những đặc điểm nổi bật nào về ngoại hình hoặc hoạt động tiêu biểu nào?
- + Khi thực hiện hoạt động, ngoại hình của người đó có gì đáng chú ý?
- + Người đó có thái độ ra sao với công việc và với mọi người?
- + Em lựa chọn những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc với người đó?
- + Em học được những điều gì từ người đó?
- + ...

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành lập dàn ý cho bài văn tả người

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (**Lưu ý:** HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về một người lao động đang làm việc và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những lưu ý khi lập dàn ý cho bài văn tả người.

3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm, thêm vào dàn ý đã lập

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để thêm vào dàn ý đã lập:

+ Từ ngữ tả ngoại hình, tính cách,...

+ Hình ảnh so sánh.

+ Từ ngữ thể hiện sự kính trọng, khâm phục.

+ ...

– HS rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện bài viết của mình (nếu có).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể về một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái mà em biết.*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, kể trong nhóm một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: NHỮNG CON MẮT CỦA BIỂN

(tiết 5 – 7, SHS, tr. 47 – 50)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về sự thú vị trong cách giới thiệu của các sự vật được nhắc đến trong câu thơ và nêu cách hiểu về “mắt của biển”; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu nội dung của bài đọc: *Những ngọn hải đăng không chỉ là người bạn đường đáng tin cậy trên biển cả mênh mông mà còn chứa đựng những giá trị về văn hoá, lịch sử đặc sắc và có sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách.*

3. Giới thiệu được một nét đẹp truyền thống của Việt Nam mà em ấn tượng.
4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn tả người.
5. Tìm hiểu, đóng vai và giới thiệu được thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về các ngọn hải đăng ở Việt Nam.
- Video clip về các vùng biển, nơi có các ngọn hải đăng (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống của Việt Nam (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Hải đăng Đại Lãnh” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về cách giới thiệu của các sự vật được nhắc đến trong câu thơ (Gợi ý: *Mắt của nhà là cửa sổ, mắt của ô tô là đèn pha; tưởng tượng được mắt của biển: mắt của biển là những ngọn hải đăng.*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Những con mắt của biển”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Những con mắt của biển

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng liên quan đến mỗi ngọn hải đăng.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *sừng sững, mệnh danh*,...

+ Luyện đọc một số câu dài, nhấn mạnh những thông tin quan trọng:

• *Những ngọn hải đăng có chức năng chính/ là đánh dấu các đường bờ biển/ hay bãi cạn nguy hiểm,/ dẫn lối/ đưa tàu thuyền vào bến đỗ an toàn.//;*

• *Với du khách,/ về đẹp/ hay những câu chuyện lịch sử,/ văn hoá/ của những ngọn hải đăng sừng sững giữa biển trời/ luôn là điều hấp dẫn,/ khơi gợi sự khám phá.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *mệnh danh* (gọi là); *Đông Nam Á* (khu vực phía đông nam của châu Á);...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “khơi gợi sự khám phá”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những ngọn hải đăng có chức năng chính là đánh dấu các đường bờ biển hay bãi cạn nguy hiểm, dẫn lối đưa tàu thuyền vào bến đỗ an toàn.*

+ Câu 2: *Những ngọn hải đăng có sức hấp dẫn, khơi gợi sự khám phá của du khách vì về đẹp và những câu chuyện lịch sử, văn hoá gắn với nó.*

+ Câu 3:

• *Hải đăng Đại Lãnh (còn gọi là hải đăng Mũi Điện): nằm ở huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên, một trong hai điểm đầu tiên đón bình minh trên đất liền ở Việt Nam;*

• *Hải đăng Kê Gà: nằm ở mũi Kê Gà, xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, khánh thành năm 1899, được mệnh danh là hải đăng cao nhất Việt Nam;*

• *Hải đăng Vũng Tàu: trên đỉnh núi Tao Phùng ở thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được xây dựng từ năm 1862, là ngọn hải đăng cổ kính nhất Việt Nam và Đông Nam Á.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Ấn tượng với ngọn hải đăng Vũng Tàu vì nét cổ kính, lâu đời của nó,...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu chung về chức năng và giá trị của các ngọn hải đăng đặc biệt là ở Việt Nam.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Giới thiệu những nét đặc sắc của ba ngọn hải đăng: Đại Lãnh, Kê Gà, Vũng Tàu → rút ra nội dung của bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc của đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ những thông tin quan trọng của mỗi ngọn hải đăng.*):

Hải đăng Đại Lãnh/ hay còn gọi là hải đăng Mũi Điện/ nằm ở huyện Đông Hoà/ tỉnh Phú Yên.// Đây là một trong hai điểm đón bình minh đầu tiên trên đất liền/ ở lãnh thổ Việt Nam.//

Hải đăng Kê Gà nằm ở mũi Kê Gà/ xã Tân Thành/ huyện Hàm Thuận Nam/ tỉnh Bình Thuận.// Ngọn hải đăng này được khánh thành năm 1899/ được ghi nhận là ngọn hải đăng cao nhất Việt Nam.//

Hải đăng Vũng Tàu trên đỉnh núi Tào Phùng/ ở thành phố Vũng Tàu/ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu/ được ghi nhận là một trong những ngọn hải đăng cổ kính nhất Việt Nam và Đông Nam Á.// Lịch sử ghi lại/ công trình này được xây dựng từ năm 1862.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu về một nét đẹp truyền thống

2.1. Chia sẻ về một lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống của Việt Nam mà em ấn tượng

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS giới thiệu trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý:

+ Em ấn tượng với lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống nào của Việt Nam? (Gợi ý: *Lễ hội Cầu ngư, món phở, áo dài, ...*)

+ Vì sao em ấn tượng với lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống ấy? (Gợi ý: *Lễ hội Cầu ngư được tiến hành với nghi thức trang nghiêm, thành kính,...; Phở là món ăn rất phổ biến trên khắp mọi miền đất nước, hương vị đậm đà,...; Áo dài là trang phục làm nổi bật nét dịu dàng, duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam; ...*)

Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng tranh, ảnh, video clip,... để nội dung giới thiệu thêm sinh động, lôi cuốn.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Đóng vai, giới thiệu về một lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống với du khách nước ngoài

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các lưu ý.

– HS hoạt động trong nhóm lớn, kết hợp với nội dung ở BT 1, thực hiện yêu cầu.

– Các nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Ghi lại những điều em ấn tượng về lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống được giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động cá nhân, ghi chép những điều ấn tượng vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn tả người (Bài viết số 1)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả người:

- Ưu điểm
- Hạn chế
- ...

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo bài văn; cách chọn lọc chi tiết; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh;...).

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết dựa vào các gợi ý:

- Những điều học được ở bài viết của bạn: cách mở bài gây ấn tượng; cách quan sát, chọn lọc chi tiết để tả; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh; trình tự miêu tả hợp lí; cách bày tỏ cảm xúc,...
- Những nội dung có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn: thay thế từ ngữ, hình ảnh; sử dụng biện pháp so sánh;...

3.4. Viết lại một đoạn trong bài đã viết

- HS chọn một đoạn trong bài viết và viết lại vào VBT theo hướng thay thế một số từ ngữ hoặc thêm vào 1 – 2 hình ảnh so sánh.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm hiểu thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học: Tìm hiểu thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam (có thể tìm kiếm trên internet kết hợp sưu tầm tranh, ảnh hoặc video clip (nếu có)).

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Đóng vai, giới thiệu với du khách về một ngọn hải đăng đã tìm hiểu.*

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, dựa vào những thông tin đã tìm hiểu theo yêu cầu của hoạt động 1, đóng vai hướng dẫn viên để giới thiệu về một ngọn hải đăng.

Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng tranh ảnh, video minh hoạ.

– 1 – 2 nhóm HS đóng vai, giới thiệu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: NGÀN LỜI SỬ XANH (tiết 8 – 11, SHS, tr. 51 – 55)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được những điều em biết về Thủ đô Hà Nội dựa vào gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Phố phường Hà Nội vừa tràn đầy hương sắc, vừa chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hoá vô cùng lớn lao. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Ngợi ca, tự hào về vẻ đẹp và những giá trị quý báu của phố phường ở Thủ đô Hà Nội.*

– Tìm đọc được bài thơ, bài ca dao, lời bài hát về lịch sử dựng nước và giữ nước, về cảnh đẹp của đất nước và về truyền thống văn hoá của dân tộc; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Nghệ sĩ nhí”: đọc và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát; ghi chép được những điều tâm đắc về bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát được chia sẻ.

3. Luyện tập sử dụng câu đơn và câu ghép.

4. Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả người.

5. Tìm hiểu được thêm thông tin và giới thiệu về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về phố phường Hà Nội (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi khổ thơ thứ hai, thứ ba, thứ tư.

– Thông tin, tranh, ảnh về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh” (Tháp Bút, Hồ Tây, Quảng trường Ba Đình).

– HS mang tới lớp bài thơ, bài cao dao hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ 2 – 3 điều em biết về Thủ đô Hà Nội (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip (nếu có)) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc “Ngàn lời sử xanh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Ngàn lời sử xanh

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, thiết tha, trù mên; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc trưng của phố phường Hà Nội và sự kiện được nhắc đến trong bài thơ, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *nâng niu, lòng lộng, ...*

+ Luyện đọc một số câu thơ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật:

Xuân về/ trên khắp phố mình/

Nắng đem áo mới,/ đẹp xinh rạng ngời//

Bạn bè/ sánh bước dạo chơi/

Cùng nghe phố kể/ ngàn lời sử xanh.//

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó: *Tây Hồ* (tên một hồ nước ở Thủ đô Hà Nội); *Tháp Bút* (ngọn tháp bằng đá cao năm tầng ở gần bên Hồ Gươm; đỉnh tháp là một ngòi bút chỉ lên trời xanh có khắc dòng chữ Hán, nghĩa là “viết lên trời xanh”);...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ ba, thứ tư.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Con phố sau cơn mưa mùa xuân đẹp như một bức tranh, tràn đầy hương sắc của cỏ cây, hoa lá.*

+ Câu 2: *“Trang sách yêu thương” nhắc đến những địa danh: Tây Hồ, Tháp Bút, chùa Trấn Vũ, phố Hàng Ngang, Ba Đình. Những địa danh này được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: Tây Hồ – biếc, mặt gương; Tháp Bút – đề thơ; chùa Trấn Vũ – chuông chùa còn vang; phố Hàng Ngang – nơi Bác viết bản sử vàng nước ta (Tuyên ngôn Độc lập); Ba Đình – lòng lòng cờ hoa.*

+ Câu 3: *Khổ thơ 4 gợi nhớ về sự kiện Bác Hồ soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang. Bản Tuyên ngôn Độc lập được đọc ở quảng trường Ba Đình vào ngày 02/9/1945 → sự kiện này khẳng định quyền độc lập, tự do của Việt Nam, đưa nước ta lên một vị thế mới, ngang hàng với các quốc gia trên thế giới,...*

+ Câu 4: *Hình ảnh phố phường được tả trong khổ thơ cuối giúp em cảm nhận được vẻ đẹp của Thủ đô Hà Nội trong ngày xuân mới tràn ngập niềm vui và niềm tự hào của các bạn nhỏ khi dạo chơi trên những con phố gắn với những sự kiện lịch sử của dân tộc.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *sử xanh* (nghĩa trong bài: truyền thống lịch sử vẻ vang, rất đáng tự hào của dân tộc – cách nói khái quát);...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của phố phường Hà Nội sau cơn mưa mùa xuân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Những con phố Hà Nội gắn liền với những địa danh, sự kiện lịch sử.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Niềm hân hoan pha lẫn sự tự hào của các bạn khi dạo chơi trên những con phố lịch sử lúc xuân sang → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, thiết tha, thể hiện sự tự hào, yêu mến; nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh miêu tả địa danh, sự kiện lịch sử.*):

Sáng bình/ trang sách yêu thương/
Soi lên/ biếc cả mắt gương Tây Hồ//
Trời xanh/ Tháp Bút đề thơ/
Chuông chùa Trần Vũ/ đến giờ còn vang./

Tìm về/ giữa phố Hàng Ngang/
Bác Hồ/ viết bản sử vàng nước ta//
Tự do/ độc lập/ muôn nhà/
Mùa thu/ lông lông cờ hoa/ Ba Đình./

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp một đoạn hoặc cả bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Đất nước ngàn năm”

1.2.1. Tìm đọc bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ, bài ca dao, lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát:

+ Về lịch sử dựng nước, giữ nước (Gợi ý: *Qua Thập Thình – Nguyễn Bùi Vợi; Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ – Nguyễn Khoa Điềm; ...*).

+ Về truyền thống văn hoá của dân tộc (Gợi ý: *Xuân về Y Tý – Hoài Khánh; Trước công trời – Nguyễn Đình Ảnh; ...*).

+ Về cảnh đẹp của đất nước (Gợi ý: *Đất nước – Nguyễn Đình Thi; Cao Bằng – Trúc Thông; ...*).

+ ...

– HS chuẩn bị bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc: tên bài thơ, bài ca dao hoặc bài hát; tên tác giả; hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá; tình cảm, cảm xúc;...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ, bài ca dao hoặc bài hát.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát đã đọc

– HS đọc bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát, trao đổi với bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá mà em thích; tình cảm, cảm xúc của em về hình ảnh đó;...
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Nghệ sĩ nhí”

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS thi trong nhóm: Đọc và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát.
- Mỗi nhóm chọn 1 – 2 HS thi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép những điều tâm đắc

- HS nhớ lại những điều tâm đắc về một bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát được nghe bạn chia sẻ mà em thích.
- HS ghi chép lại những điều tâm đắc vào sổ tay:

+ Nội dung	+ Ý nghĩa
+ Hình thức	+ ...
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về câu đơn và câu ghép

2.1. Xác định câu đơn, câu ghép và chỉ ra cách nối các vế câu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. Câu đơn:

① Mùa hè/ đi qua những nương ngô, để lại vô số đốm nắng lấm tấm.

CN

VN

③ Nắng hè/ hong khô những giọt mưa rào vội vã trên mấy cánh hoa sim tím ngát.

CN

VN

Câu ghép:

② Lá ngô/ bông xanh đậm đà và những khóm hoa đại/ bắt đầu khoe cánh mỏng.

CN1

VN1

CN2

VN2

④ Trong những khe đá nhỏ, lũ cá suối/ mải mê đuổi theo bóng nắng, lũ cua/ rủ nhau

CN1

VN1

CN2

VN2

ngó ra khỏi cửa hang.

b. Các vế trong câu ② nối với nhau bằng kết từ “và”; các vế trong câu ④ nối với nhau bằng dấu phẩy.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Ghép hai câu đơn thành một câu ghép

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. Mưa càng lớn, nước sông càng dâng cao./ Mưa lớn bao nhiêu, nước sông dâng cao bấy nhiêu.

b. Gà mẹ tíc tíc đi đến đâu, đàn gà con lon ton chạy theo đến đấy (đó).

c. Tiếng trống vừa vang lên, các bạn học sinh đã xếp hàng ngay ngắn.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết đoạn văn nói về nội dung của bức tranh

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS quan sát bức tranh, làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả người

3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả hoạt động, qua đó làm nổi bật đặc điểm ngoại hình

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để tìm hiểu đoạn văn.

(Gợi ý:

a. Ngoại hình và trang phục khi làm việc của bác Tâm: đi một đôi găng tay bằng vải rất dày; tay bác y như tay một người khổng lồ; đội nón khăn trùm gần kín mặt, chỉ để hở mỗi cái mũi và đôi mắt;...

b. Hoạt động khi làm việc của bác Tâm: khéo léo xếp những viên đá bọc nhựa đường vào chỗ trống; đập búa đều đều vào những viên đá để chúng ken chắc vào nhau; hai tay đưa lên, hạ xuống nhịp nhàng;...

c. Sự vất vả khi làm việc của bác Tâm: mảnh áo ướt đầm mồ hôi ở lưng bác; cứ loang ra mãi;...

d. Qua cách miêu tả, người viết thể hiện sự tôn trọng, kính mến của mình đối với bác Tâm và công việc của bác.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả hoạt động quen thuộc của một người lao động khi đang làm việc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:

+ Em chọn tả hoạt động nào của người đó?

+ Khi thực hiện hoạt động đó, đặc điểm ngoại hình của người được tả có gì đáng chú ý?

+ Em chọn những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc giữa em và người đó?

+ ...

– HS làm bài vào VBT.

– HS đọc lại, điều chỉnh và hoàn thiện đoạn văn của mình.

– 1 – 2 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Trao đổi về đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động nhóm, trưng bày bài viết theo kĩ thuật *Phòng tranh*.

– HS trao đổi những điều em thích ở đoạn văn của bạn và những điều em muốn chỉnh sửa ở đoạn văn đã viết.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm hiểu thêm thông tin và nói 2 – 3 câu giới thiệu về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh”.*
- HS chuẩn bị trước ở nhà thông tin về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc.
- HS thực hành nói trong nhóm đôi hoặc nhóm 4 để giới thiệu về một địa danh (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị từ trước).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: VỊNH HẠ LONG (tiết 12 – 14, SHS, tr. 56 – 59)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kể được tên các bãi biển, hòn đảo,... trên đất nước ta mà em biết, nói được một vài thông tin về một bãi biển, hòn đảo,... vừa kể tên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bốn mùa, Hạ Long được bao phủ bởi một màu xanh đậm thắm. Nhưng vào mỗi mùa, Hạ Long vẫn có những nét riêng biệt, hấp dẫn mọi người. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Cảnh vật tươi đẹp và khí hậu mát mẻ đã mang lại cho Hạ Long sức hấp dẫn, nét cuốn hút riêng.*
3. Nhận diện được biện pháp điệp từ, điệp ngữ.
4. Luyện tập viết được bài văn tả người.
5. Suu tầm được tranh ảnh, thông tin,... về vịnh Hạ Long và sử dụng tranh ảnh sưu tầm được để giới thiệu vịnh Hạ Long với bạn bè, người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về vịnh Hạ Long.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về bãi biển, hòn đảo,... trên đất nước ta (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tuy bốn mùa là vậy” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS làm các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thi kể tên bãi biển, hòn đảo,... trên đất nước ta mà em biết, nói 1 – 2 câu về một bãi biển, hòn đảo,... vừa kể tên (có thể kết hợp quan

sát tranh, ảnh hoặc video clip (nếu có)) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Vịnh Hạ Long”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Vịnh Hạ Long

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng nhẹ nhàng, tha thiết, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu xanh và đặc điểm vào mỗi mùa ở Hạ Long, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *phần phật, sáng khoái, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của tác giả:

• *Ngọn gió/ lúc êm ả như ru,/ lúc phần phật như quạt,/ mang cái trong lành,/ cái tươi mát của đại dương vào đất liền,/ làm sáng khoái tâm hồn ta.//;*

• *Trong tiếng gió thổi,/ ta nghe tiếng thông reo,/ tiếng sóng vỗ,/ tiếng ve ran/ và cả tiếng máy,/ tiếng xe,/ tiếng cần trục từ trên các tầng than,/ bên cảng vọng lại.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó: *sáng khoái* ((tinh thần) tỉnh táo, phần chấn hân lên); *cần trục* (cần cầu);...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “cũng phơi phới”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “tâm hồn ta”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vì Hạ Long được bao phủ bởi màu xanh biếc của biển, xanh lam của núi, xanh lục của trời. Những màu xanh này như trường cửu, bát ngát, trẻ trung và phơi phới.*

+ Câu 2: *Mỗi mùa, Hạ Long hấp dẫn lòng người bởi: mùa xuân – mùa sương và cá mực; mùa hè – mùa gió nồm nam và cá ngừ, cá vược; mùa thu – mùa trăng biển và tôm he.*

+ Câu 3: *Theo tác giả, Hạ Long quyến rũ hơn cả vào mùa hè vì lúc này có những cơn gió thổi từ ngoài biển vào, có cảm giác như đi trước của gió. Ngọn gió lúc êm ả như*

ru, lúc phần phật như quạt, mang cái trong lành, cái tươi mát của đại dương vào đất liền, làm sáng khoái tâm hồn.

+ Câu 4: Những âm thanh nghe được là “âm thanh của sự sống trăm ngả tụ về” vì có âm thanh của biển (sóng vỗ), của núi (thông reo), hoạt động của con người (tiếng máy, tiếng xe, tiếng cần trục),... như tụ về vịnh Hạ Long rồi theo gió ngân lên vang vọng.

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Hạ Long hấp dẫn bởi có nhiều nét riêng biệt. Vì mỗi mùa Hạ Long khoác lên mình một chiếc áo khác nhau, mang theo những nét đặc trưng riêng nên có thể chiều lòng tất cả các du khách khi có dịp đặt chân đến nơi đây để tham quan, du lịch,...)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Bốn mùa, Hạ Long được bao phủ bởi một màu xanh đậm thắm.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: Vào mỗi mùa trong năm, Hạ Long có những nét riêng biệt, hấp dẫn mọi người.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: Âm thanh của sự sống từ trăm ngả theo tiếng gió tụ về, ngân lên vang vọng.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2, 3 và xác định giọng đọc hai đoạn này (Gợi ý: Đọc giọng nhẹ nhàng, tươi vui, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động và các loại âm thanh.):

Tuy bốn mùa là vậy,/ nhưng mỗi mùa Hạ Long lại có những nét riêng biệt,/ hấp dẫn lòng người.// Mùa xuân của Hạ Long là mùa sương và cá nục.// Mùa hè của Hạ Long là mùa gió nồm nam và cá ngừ,/ cá vược.// Mùa thu của Hạ Long là mùa trăng biển và tôm he.// Song/ quyến rũ hơn cả vẫn là mùa hè của Hạ Long.// Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long/ ta có cảm giác như đi trước cửa gió.// Ngọn gió lúc êm ả như ru,/ lúc phần phật như quạt,/ mang cái trong lành,/ cái tươi mát của đại dương vào đất liền,/ làm sáng khoái tâm hồn ta.//

Trong tiếng gió thổi,/ ta nghe tiếng thông reo,/ tiếng sóng vỗ,/ tiếng ve ran/ và cả tiếng máy,/ tiếng xe,/ tiếng cần trục từ trên các tầng than,/ bến cảng vọng lại.// Những âm thanh của sự sống trăm ngả tụ về,/ theo gió/ ngân lên vang vọng.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2, 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Biện pháp điệp từ, điệp ngữ

2.1. Nhận diện biện pháp điệp từ, điệp ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, làm bài vào VBT, chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm.

Đáp án:

	Từ ngữ được dùng lặp lại	Tác dụng
a.	<i>Hạt gạo làng ta</i>	<i>nhấn mạnh</i>
	<i>Có</i>	<i>liệt kê</i>
b.	<i>đây; là của chúng ta</i>	<i>khẳng định</i>
	<i>Những</i>	<i>liệt kê</i>

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về biện pháp điệp từ, điệp ngữ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Tìm và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

Đáp án:

	Điệp từ, điệp ngữ	Tác dụng
a.	<i>Tiếng</i>	<i>liệt kê</i>
b.	<i>Lá xanh, bông trắng, nhụy vàng</i>	<i>nhấn mạnh</i>

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm từ ngữ phù hợp thay cho các ☘ và nêu tác dụng

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm đôi, chọn từ phù hợp thay cho các ☘ trong đoạn văn.

(Đáp án:

a. *long lanh*

b. *long lanh, là; tác dụng: nhấn mạnh và liệt kê*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết bài văn tả người (Bài viết số 2)

3.1. Xác định yêu cầu của đề bài

- HS đọc đề bài và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:
 - + Đề bài yêu cầu bài văn thuộc kiểu bài nào? (Đáp án: *Tả người.*)
 - + Bài văn yêu cầu tả ai? (Đáp án: *Một người lao động đang làm việc.*)
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết bài văn tả một người lao động đang làm việc

- HS xác định yêu cầu BT 1.
- HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát sơ đồ gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Bài văn tả người thường gồm mấy phần? (Đáp án: *Ba phần: mở bài, thân bài, kết bài*)
 - + Nhiệm vụ của mỗi phần là gì?
(Đáp án:
 - *Mở bài: Giới thiệu người định tả;*
 - *Thân bài: Miêu tả người được chọn tả;*
 - *Kết bài: Bày tỏ tình cảm, cảm xúc với người được tả.*)
 - + Có mấy cách để thực hiện bài văn tả người? Đó là những cách nào?
(Đáp án:
 - *Cách 1: Tả một vài đặc điểm nổi bật về ngoại hình → Tả những điểm nổi bật về hoạt động, tính tình của người đó thể hiện qua công việc.*
 - *Cách 2: Tả một vài hoạt động tiêu biểu, qua đó làm nổi bật đặc điểm ngoại hình, tính cách.*)

+ ...

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS thực hiện viết bài vào VBT.

3.3. Đọc lại và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS đọc lại bài viết, chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết bằng cách:
 - + Chỉnh sửa trình tự miêu tả.

- + Thêm vào bài văn những từ ngữ gợi tả.
- + Thêm vào bài văn những hình ảnh so sánh.
- + Thêm vào bài văn những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc kính trọng, khâm phục.
- + ...
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... về vịnh Hạ Long.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học khoảng một tuần:
 - + Sưu tầm tranh, ảnh theo yêu cầu của hoạt động.
 - + Tìm hiểu thêm một vài thông tin về vịnh Hạ Long (có thể tìm kiếm trên internet).
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Sử dụng tranh ảnh sưu tầm được để giới thiệu với bạn bè, người thân,... về vịnh Hạ Long.*
- HS sử dụng tranh ảnh, thông tin về vịnh Hạ Long đã sưu tầm, hoạt động trong nhóm 4, giới thiệu với bạn về vịnh Hạ Long.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: ÔNG TRẠNG NỒI (tiết 15 – 18, SHS, tr. 60 – 64)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nêu được một số việc làm thể hiện sự quan tâm đến hàng xóm láng giềng; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ông Trọng Nồi là người xem trọng tình nghĩa, không quên ơn những người đã giúp mình trong những lúc khó khăn.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi một nét đẹp trong ứng xử của người Việt Nam: trọng tình, trọng nghĩa.*
3. Luyện tập sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.
4. Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.
5. Tìm đọc được truyện về một vị trạng nguyên của nước ta và chia sẻ được suy nghĩ về vị trạng nguyên đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về việc làm góp phần bảo vệ môi trường (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Về đến nơi” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nêu 1 – 2 việc làm thể hiện sự quan tâm đến hàng xóm láng giềng (Gợi ý: *thăm hỏi hàng xóm khi có chuyện không vui; giúp đỡ hàng xóm khi gặp khó khăn;...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ông Trọng Nồi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ông Trọng Nồi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, chậm rãi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảm xúc của nhân vật; giọng quan trọng khiêm nhường, từ tốn; giọng nhà vua chậm rãi, uy nghiêm; giọng người hàng xóm ngạc nhiên;...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *miệt mài, ban thưởng,...*

+ Luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Hồi đó,/ vì bận ôn thi/ không có thời gian đi kiếm gạo,/ nên tôi đã mượn nồi của nhà ông/ để ăn vét cơm cháy trong mấy tháng trời.//;*

• *Vị trạng nguyên trẻ tuổi ấy/ chính là Tô Tịch,/ một người học giỏi/ nổi tiếng/ thời trước của nước ta.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “khi đem trả”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “đúc bằng vàng”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Chàng trai nhà nghèo, sống bằng nghề kiếm củi nhưng rất thông minh, ham học.*

+ Câu 2: *Quan trạng xin nhà vua một cái nồi nhỏ. Vì muốn tặng cái nồi để báo đáp một phần công ơn của người hàng xóm đã cho mình mượn nồi để ăn vét cơm cháy trong suốt mấy tháng ôn thi.*

+ Câu 3: *Vì quan trạng vừa thông minh, ham học lại là người có nghĩa, có tình, biết ghi nhớ công ơn của người đã từng giúp đỡ mình.*

+ Câu 4: HS kể tóm tắt câu chuyện bằng lời của mình, tránh việc đọc lại cả đoạn.
VD: *Ngày xưa, ở một làng nọ có một chàng trai nghèo nhưng rất thông minh, ham học. Nghe tin nhà vua mở khoa thi, chàng miệt mài đèn sách đến nỗi không có thời gian đi kiếm củi, lấy tiền đóng gạo. Đến bữa, chờ người hàng xóm ăn xong, chàng lại sang mượn nồi về, vét chút cơm cháy còn lại để ăn cho đỡ đói. Nhờ thế, khoa thi năm đó, chàng đỗ trạng nguyên. Thi đỗ, quan trạng chỉ xin nhà vua một cái nồi nhỏ làm quà để tạ ơn người hàng xóm. Việc làm của quan trạng khiến ai ai cũng cảm phục và xúc động. Cũng từ đó, nhân dân yêu quý gọi quan trạng là Trạng Nồi.*

+ Câu 5: HS có thể nêu những câu tục ngữ khác nhau nhưng đảm bảo giải thích được lí do phù hợp. VD: “*Có chí thì nên*” vì chàng trai biết vượt qua hoàn cảnh nghèo khó để thi đỗ; “*ăn quả nhớ người trồng cây*” vì quan trạng dù đỗ đạt, thành tài nhưng cũng không quên người đã giúp đỡ mình; ...)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *quà mọn* (món quà đơn giản, không đáng kể gì – cách nói khiêm tốn);...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Chàng học trò nghèo mãi lo chuyện đèn sách, phải mượn nồi của người hàng xóm để ăn vét cơm cháy.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Chàng học trò nghèo đỗ trạng nguyên, xin nhà vua một cái nồi nhỏ làm quà tạ ơn người hàng xóm.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Người hàng xóm và dân làng xúc động, cảm phục trước nghị lực và tấm lòng của quan trạng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Giọng người kể chuyện chậm rãi, thông thả, giọng quan trạng từ tốn, nhã nhặn; giọng người hàng xóm ngạc nhiên, bất ngờ; nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của các nhân vật; ...):

Về đến nơi,/ quan trạng chào hỏi,/ cảm ơn dân làng,/ rồi cảm chiếc nôi đi đến nhà hàng xóm.// Thấy quan trạng đến,/ chủ nhà vội vàng ra chào,/ đón vào nhà.// Quan trạng nói:/

– Thưa ông,/ tôi xin biếu ông chiếc nôi nhà vua ban cho/ để tạ ơn.// Nhờ ông có lòng giúp đỡ,/ tôi mới được như ngày nay.//

Nghe quan trạng nói,/ người hàng xóm nghĩ thầm:/ “Cho mượn nôi thì có gì mà quan trạng phải trả ơn to đến thế!”.// Như đoán biết ý nghĩ của ông,/ quan trạng thong thả:/

– Hồi đó,/ vì bận ôn thi/ không có thời gian đi kiếm gạo,/ nên tôi đã mượn nôi của nhà ông để ăn vét cơm cháy/ trong mấy tháng trời.// Nay đã đỗ đạt,/ tôi có chút quà mọn để trả ơn.//

Chủ nhà và dân làng rất xúc động,/ cảm phục gương hiếu học/ và lòng biết ơn của quan trạng.//

Vị trạng nguyên trẻ tuổi ấy/ chính là Tô Tịch,/ một người học giỏi/ nổi tiếng thời trước của nước ta.// Dân gian yêu mến/ gọi ông là Trạng Nôi.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài (nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài).

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết 4 – 5 câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em về một nhân vật trong bài đọc “Ông Trạng Nôi”.*

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về một nhân vật trong bài đọc (Gợi ý: ông trạng, người hàng xóm, ...).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về biện pháp điệp từ, điệp ngữ

2.1. Xác định và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm đôi, xác định và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ có trong bài thơ, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

+ *Có. Tác dụng: liệt kê những sự vật, sự việc xung quanh nhà em.*

+ *Chẳng đâu. Tác dụng: khẳng định nhằm khắc sâu tình cảm của bạn nhỏ với ngôi nhà của mình.)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chọn một từ phù hợp trong khung thay cho các ❄

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án: *a. trông; b. Tác dụng: liệt kê những mong mỏi của người nông dân trong lao động, sản xuất.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Xác định và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 3a.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án: *Em yêu: liệt kê, thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn nhỏ với ngôi nhà của mình.*).

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3b.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc

3.1. Nhận diện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc

– HS xác định yêu cầu BT 1.

– HS đọc đoạn văn, trao đổi trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

a. Câu văn mở đầu khẳng định cảm xúc của bạn Ngân Anh về việc được tham gia “Ngày hội trồng cây” ở trường.

b. Các câu văn:

+ *Thể hiện cảm xúc của các bạn khi tham gia sự việc: Khuôn mặt các bạn ửng hồng, mồ hôi lấm tấm nhưng không ai thấy mệt. Có lẽ, mỗi bạn đều có những niềm vui riêng.*

+ *Nói về niềm vui, ý nghĩa của sự việc đó đối với các bạn: Vui vì thực hiện được một hoạt động có ý nghĩa; vui vì có thêm một kỉ niệm đẹp với cô giáo và bạn bè; vui khi nghĩ đến ngày những cây con được vun trồng hôm nay sẽ lớn, toả bóng ngát xanh; những cây ấy sẽ rì rào kể biết bao điều thân thương của chúng em dưới mái trường mến yêu này.*

c. *Câu cuối đoạn văn nói về ý nghĩa của việc trồng cây trong tương lai: Và những cây ấy sẽ rì rào kể biết bao điều thân thương của chúng em dưới mái trường mến yêu này.)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Chia sẻ tình cảm, cảm xúc về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc các gợi ý, chia sẻ trong nhóm nhỏ về việc làm góp phần bảo vệ môi trường (có thể kết hợp quan sát tranh ảnh, video clip về một số hoạt động).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm đọc truyện về một vị trạng nguyên của nước ta.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học khoảng một tuần: Tìm đọc truyện theo yêu cầu của hoạt động.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Chia sẻ suy nghĩ của em về vị trạng nguyên đó.*

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, chia sẻ truyện về một vị trạng nguyên ở nước ta đã chuẩn bị.

– HS viết một vài từ ngữ nêu suy nghĩ của em về vị trạng nguyên vào giấy.

– HS chia sẻ một vài thông tin về vị trạng nguyên và suy nghĩ về vị trạng nguyên đó trong nhóm nhỏ.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: MỘT BẢN HÙNG CA (tiết 19 – 21, SHS, tr. 65 – 68)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Bày tỏ được suy nghĩ của em về câu thơ của nhà thơ Tố Hữu; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ đã tái hiện lại không khí hào hùng và chiến thắng vẻ vang của quân và dân ta.*
3. Giới thiệu được một di tích hoặc danh lam thắng cảnh.
4. Tìm được ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.
5. Chia sẻ được cảm xúc của em về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về Chiến dịch Điện Biên Phủ (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Thiết kế mái nhà vòm” đến “quân và dân ta”.
- Tranh, ảnh, video clip về một di tích hoặc danh lam thắng cảnh (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ về câu thơ của nhà thơ Tố Hữu (Gợi ý: *Sau những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ, chiến thắng Điện Biên Phủ được xem là một mốc son chói lọi, rất đáng tự hào của dân tộc ta.*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Một bản hùng ca”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Một bản hùng ca

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV hoặc HS đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ thông tin về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ.*)
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *khốc liệt, Đờ Ca-xơ-ri,...*

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ/ tại Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên/ được vẽ bằng chất liệu sơn dầu/ theo một vòng tròn với đường kính 42 mét,/ chiều dài 132 mét,/ chiều cao 20,5 mét.//;*

• *Vòng ngoài/ là bầu trời bom đạn rực lửa,/ tái hiện liên hoàn/ bốn trường đoạn lịch sử của chiến dịch://;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *Him Lam* (nằm ở tỉnh Điện Biên, trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, nơi đây được chọn để đặt căn cứ của quân Pháp, nhằm bảo vệ cho cứ điểm Điện Biên Phủ); *Đờ Ca-xơ-ri* (tên tướng chỉ huy quân đội Pháp trong Chiến dịch Điện Biên Phủ);...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “chiều cao 20,5 mét”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “quân và dân ta”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Chất liệu: sơn dầu; bố cục: vòng tròn; kích thước: chiều dài 132 mét, chiều cao 20,5 mét và đường kính 42 mét; bức tranh được đặt tại Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ.*

+ Câu 2: *Hình ảnh bầu trời trong xanh thể hiện cho khát vọng hoà bình.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng và giải thích lí do vì sao thích trường đoạn đó. VD:

• Trường đoạn “Toàn dân ra trận” ghi lại hình ảnh từng đoàn dân, quân thô hàng cung cấp lương thực cho tiền tuyến;

• Trường đoạn “Khúc dạo đầu hùng tráng” với điểm nhấn là trận Him Lam mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ;

• Trường đoạn “Cuộc đối đầu lịch sử” tái hiện lại sự khốc liệt của chiến trường năm xưa;

• Trường đoạn “Chiến thắng Điện Biên” tái hiện hình ảnh bộ đội cầm cờ đỏ sao vàng trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xơ-ri.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Chiến dịch Điện Biên Phủ là sự kiện cách mạng có giá trị và ý nghĩa rất lớn với dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của*

chiến dịch đã ghi một dấu ấn to lớn vào lịch sử trong nước và ngoài nước, còn được gọi là “chiến thắng lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh chống thực dân giải phóng dân tộc và chứng minh sức mạnh của dân tộc Việt Nam.)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Chất liệu, bố cục và kích thước của bức tranh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Giới thiệu bốn trường đoạn trong bức tranh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Ý nghĩa của bức tranh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ nội dung của các trường đoạn.*):

Thiết kế mái nhà vòm của bức tranh/ là hai bầu trời.// Vòng trong là bầu trời trong xanh/ thể hiện khát vọng hoà bình.// Vòng ngoài là bầu trời bom đạn rục rủa,/ tái hiện liên hoàn bốn trường đoạn lịch sử của chiến dịch://

Trường đoạn “Toàn dân ra trận”/ với hình ảnh từng đoàn dân,/ quân thô hàng,/ trèo non lội suối/ cung cấp lương thực cho tiền tuyến.//

Trường đoạn “Khúc dạo đầu hùng tráng”/ với điểm nhấn là trận Him Lam/ mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ.//

Trường đoạn “Cuộc đời đầu lịch sử”/ cho thấy sự khốc liệt của chiến trường năm xưa/ với hình ảnh hầm hào,/ dây thép gai/ và hình ảnh quả bom phá phát nổ trên đồi A1.//

Trường đoạn “Chiến thắng Điện Biên”/ tái hiện hình ảnh bộ đội cầm cờ đỏ sao vàng/ trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri,/ khẳng định chủ quyền/ và chiến thắng vẻ vang/ của quân và dân ta.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu về một di tích hoặc danh lam thắng cảnh

2.1. Giới thiệu di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh của Việt Nam

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các gợi ý, chia sẻ trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu dựa vào gợi ý:
+ Em biết những di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh nào của Việt Nam?

+ Em sẽ giới thiệu những điều gì về di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh đó?

- Tên
- Cảnh vật
- ...
- Địa chỉ
- Con người

Lưu ý: HS cần chọn lọc nội dung để giới thiệu; có thể sử dụng tranh ảnh, video clip hoặc sơ đồ minh hoạ để hỗ trợ; kết hợp ngữ điệu khi nói, cử chỉ, điệu bộ,... phù hợp để bài nói thêm sinh động.

– 1 – 2 HS giới thiệu trước lớp.

– HS còn lại lắng nghe, quan sát và nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí:

- + Nội dung giới thiệu
- + Trình tự giới thiệu
- + Hình thức giới thiệu: giọng nói, cử chỉ, điệu bộ;...
- + Sử dụng tranh ảnh, sơ đồ,... khi giới thiệu
- + ...

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Trao đổi những việc cần làm để giữ gìn các di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của BT (Gợi ý: *Không giẫm đạp, leo trèo lên các di tích; không viết, vẽ lên các công trình; tìm hiểu, chia sẻ thông tin về các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử để mọi người biết đến;...*).

– 1 – 2 nhóm HS trao đổi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc

3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc

– HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1.

– HS nghe một vài gợi ý của GV để thực hiện hoạt động:

- + Xác định việc làm góp phần bảo vệ môi trường (Gợi ý: *Tắt đèn để hưởng ứng*

“Giờ Trái Đất”; *Hưởng ứng cuộc vận động “Sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường”*;...) → ghi lại thông tin chính để giới thiệu việc làm.

+ Nhớ lại và ghi tóm tắt các sự việc chính về việc làm.

+ Ghi tóm tắt kết quả, ý nghĩa của việc làm đó.

+ Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em về việc làm đó.

+ Bày tỏ suy nghĩ, nguyện vọng của em sau khi thực hiện hoặc chứng kiến việc làm.

+ ...

– HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ, nhận xét, góp ý trong nhóm.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (**Lưu ý:** HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về việc làm và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. *Viết câu giới thiệu việc làm góp phần bảo vệ môi trường*

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc lại nội dung ở BT 1, làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm, chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ với bạn bè hoặc người thân cảm xúc của em về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ.*

– HS có thể đọc lại bài đọc hoặc quan sát tranh ảnh, video clip (nếu có) để thực hiện yêu cầu.

– HS ghi nhanh vào giấy từ ngữ thể hiện cảm xúc của bản thân, chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: VIỆT NAM (tiết 22 – 25, SHS, tr. 69 – 73)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn những điều mà bản thân tự hào về đất nước Việt Nam; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thiên nhiên, cảnh vật và con người ở mọi nơi trên đất nước Việt Nam đều hiện lên với vẻ đẹp tuyệt vời. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Ca ngợi vẻ đẹp và khẳng định niềm tự hào của tác giả đối với quê hương, đất nước.*

– Tìm đọc được bài văn về một làng nghề hoặc một lễ hội, về một khu di tích lịch sử hoặc một nét đẹp truyền thống, ca ngợi cảnh đẹp của đất nước; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Hướng dẫn viên nhí”: giới thiệu về địa danh, lễ hội,... được nhắc đến trong bài văn; ghi chép tóm tắt nội dung bài văn được chia sẻ bằng sơ đồ.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng dấu gạch ngang.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn tả người.

5. Tìm được từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên hoặc ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi khổ thơ cuối.
- Tranh, ảnh, video clip về các địa danh được nhắc đến trong bài thơ (nếu có).
- HS mang tới lớp bài văn phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những điều mà em tự hào về đất nước Việt Nam (kết hợp quan sát tranh, ảnh, video clip về cảnh vật, con người, âm nhạc, ẩm thực, trang phục,... của Việt Nam (nếu có)) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Việt Nam”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Việt Nam

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng trong sáng, tha thiết, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ địa danh, tả sự vật, thể hiện cảm xúc của tác giả, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *mỡ màng*, ...

+ Luyện đọc một số câu thơ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật:

*Có nơi đâu/ đẹp tuyệt vời/
Như sông,/ như núi,/ như người Việt Nam!//
Đầu trời/ ngất đỉnh Hà Giang,/
Cà Mau mũi đất/ mỡ màng phù sa.//
Trường Sơn:/ chí lớn ông cha,/
Cửu Long:/ lòng mẹ bao la sóng trào.//*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *bốn ngàn năm* (nghĩa trong bài: chỉ nước ta có bề dày lịch sử, không có ý nói con số cụ thể); *cơ đồ* (sự nghiệp lớn và vững chắc);...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Đất nước Việt Nam hiện lên với lời khẳng định “đẹp khắp trăm miền”, “bốn mùa một sắc trời riêng” với những xóm làng, đồng ruộng, rừng cây, với những ngọn núi cao, dòng sông đầy nắng; với những vườn cây hàng hàng, trái cây sum sê, đủ sắc màu: xoài biếc, cam vàng, dừa nghiêng, cau thẳng, ...*

+ Câu 2: *Khổ thơ 2 nhắc đến và tả những địa danh:*

- *Hà Giang: Đầu trời ngất đỉnh.*
- *Cà Mau: mũi đất mỡ màng phù sa.*
- *Dãy Trường Sơn: chí lớn ông cha.*
- *Sông Cửu Long: lòng mẹ bao la.*

+ Câu 3: *Khổ thơ cuối khẳng định niềm tự hào, sự tự do và ca ngợi bề dày truyền thống lịch sử, văn hoá của con người Việt Nam qua hàng ngàn năm xây dựng cơ đồ; khổ thơ cũng là tiếng gọi đất nước đầy tự hào, trù mên nhưng cũng không kém phần mạnh mẽ, hiên ngang của người Việt Nam.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước nồng nàn, tha thiết của tác giả, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống trên đất nước Việt Nam.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp của sự tự do và truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời của người Việt Nam.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong sáng, tha thiết, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả con người và bề dày truyền thống dân tộc, ...*):

Mặt người/ sáng ánh tự hào,/

Dáng đi/ cũng lấp lánh màu tự do.//

Bốn ngàn năm/ dựng cơ đồ/

Vạn năm/ từ thuở ấu thơ loài người.//

Ơi Việt Nam!/// Việt Nam ơi!///

Việt Nam!/// Ta gọi tên Người thiết tha.//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm cả bài thơ (hoạt động này có thể thực hiện ngoài giờ).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Đất nước ngàn năm”

1.2.1. Tìm đọc bài văn

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên trang thông tin của trường, trên internet một bài văn:

+ Về một làng nghề hoặc một lễ hội (Gợi ý: *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân – Minh Nhương; Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên – Cổng thông tin Thừa Thiên Huế;...*).

+ Về một di tích lịch sử hoặc một nét đẹp truyền thống (Gợi ý: *Phong cảnh đền Hùng – Đoàn Minh Tuấn; Tà áo dài Việt Nam – Trần Ngọc Thêm;...*).

+ Ca ngợi cảnh đẹp của đất nước (Gợi ý: *Cửa Tùng – Thuy Chương; Kì diệu rừng xanh – Nguyễn Phan Hách;...*).

+ ...

– HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên tác giả, hình ảnh so sánh hoặc nhân hóa, nội dung chính,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài văn.

1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc

– HS trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về nội dung chính, hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá của bài văn.

– Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Hướng dẫn viên nhí”

– HS xác định yêu cầu của BT.

– HS thi trong nhóm: Giới thiệu về địa danh, lễ hội,... được nhắc đến trong bài văn đã đọc.

– Mỗi nhóm chọn 1 – 2 HS thi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép tóm tắt nội dung bài văn được chia sẻ bằng sơ đồ

– HS nhớ lại nội dung của một bài văn đã được bạn chia sẻ mà em thích.

– HS ghi chép tóm tắt nội dung bài văn đó bằng sơ đồ phù hợp vào sổ tay Tiếng Việt.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp bằng kĩ thuật *Phòng tranh*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Dấu gạch ngang

2.1. Xác định và nêu tác dụng của dấu gạch ngang

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

- Nói các từ ngữ trong một liên danh.*
- Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu (cho “Ja Aok”).*
- Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.*
- Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Xác định vị trí của dấu gạch ngang

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ và trả lời câu hỏi (Đáp án: *Dấu gạch ngang được đặt giữa bộ phận dùng để chú thích, giải thích với bộ phận được chú thích, giải thích.*).

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về dấu gạch ngang.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

- Quảng Bình – quê hương thứ hai của tôi – đang hằng ngày đổi mới.*
- Vỏ cây trầu – còn gọi là cây dầu sơn – được dùng làm thuốc để chữa đau nhức răng.*
- Mỗi năm, vịnh Hạ Long – một trong những danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam – đón hàng triệu lượt khách du lịch trong nước và quốc tế.*
- Thánh địa Mỹ Sơn – di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam – được phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1999.*

→ Dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích với bộ phận được chú thích, giải thích.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu giới thiệu một cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn tả người (Bài viết số 2)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một người lao động đang làm việc:

- Ưu điểm
- Hạn chế
- ...

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (sắp xếp ý; chọn lọc chi tiết; sử dụng từ ngữ, hình ảnh;...).

3.3. Trao đổi những điều học được từ bài viết của bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia sẻ bài viết trong nhóm theo kỹ thuật *Phòng tranh*.
- HS viết vào nháp những điều học được từ bài viết của bạn.

3.4. Viết lại một đoạn văn cho hay hơn

- HS xác định yêu cầu BT 4.
- HS quan sát các gợi ý, chọn một đoạn trong bài viết và viết lại vào VBT dựa vào các gợi ý:
 - + Thay thế từ ngữ, hình ảnh đã sử dụng.
 - + Mở rộng ý miêu tả ngoại hình, tính cách.
 - + Sử dụng biện pháp so sánh.
 - + ...
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS trưng bày bài viết, dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi tìm từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên hoặc ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.*
- HS hoạt động theo nhóm, viết nhanh các từ ngữ vào bảng nhóm (kết hợp quan sát tranh ảnh, video clip (nếu có)).
- Các nhóm HS thi tìm từ ngữ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: TRANH LÀNG HỒ (tiết 26 – 28, SHS, tr. 74 – 77)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về đề tài của các bức tranh minh họa trong bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tranh làng Hồ chứa tình yêu cuộc sống, sự tài hoa, tinh tế của những nghệ nhân dân gian.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Yêu quý, trân trọng, gìn giữ tranh làng Hồ nói riêng và những di sản văn hoá của dân tộc nói chung.*
3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Đất nước*.
4. Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.
5. Giới thiệu được với người thân một bức tranh Đông Hồ mà em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Kĩ thuật tranh làng Hồ” đến hết.
- Tranh, ảnh, video clip giới thiệu về tranh làng Hồ (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát các bức tranh minh họa trong bài đọc và trao đổi với bạn về đề tài của các bức tranh (Gợi ý: *Các bức tranh vẽ những gì?*)

Mỗi người/ con vật có những hoạt động gì? Màu sắc của các bức tranh có gì ấn tượng?
→ *Chủ đề của các bức tranh là gì?*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tranh làng Hồ”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Tranh làng Hồ

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng nhẹ nhàng, thiết tha, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu lên tình cảm, nhận xét, đánh giá về tranh làng Hồ,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *thuần phác, khoáy, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của tác giả:

• *Mỗi lần Tết đến,/ đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ/ giải trên các lễ phở Hà Nội,/ lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn/ đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.//;*

• *Phải yêu mến cuộc đời tròng trọt,/ chăn nuôi lắm/ mới khắc được những tranh lợn ráy/ có những khoáy âm dương rất có duyên,/ mới vẽ được những đàn gà con tung bừng/ như ca múa bên gà mái mẹ.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *tranh tố nữ* (tranh vẽ người con gái đẹp); *tranh lợn ráy* (tranh vẽ con lợn bên bụi ráy – loại cây gần giống với cây khoai sọ, dùng làm thức ăn cho lợn); *khoáy âm dương* (khoáy vẽ trên mình con lợn trong tranh, hình tròn, giữa có nét cong như chữ S chia hình tròn thành hai mảnh – một mảnh màu sáng (dương) và một mảng màu tối (âm));...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “gà mái mẹ”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi xem tranh làng Hồ, tác giả cảm thấy càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh, tươi vui và thấm thía một nỗi biết ơn, khâm phục đối với các nghệ nhân.*

+ Câu 2: *Vì màu sắc trong tranh làng Hồ được tạo ra một cách rất tỉ mỉ, sáng tạo: màu đen rất Việt Nam, đen không pha bằng thuốc mà luyện bằng bột than của những chất liệu gần gũi của đồng quê; màu trắng điệp càng ngắm càng ưa nhìn: những hạt cát của điệp trắng nhấp nháy muôn ngàn hạt phấn;...*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Cuộc sống thuần phác, mộc mạc, giản dị; đời sống tinh thần phong phú; yêu lao động, yêu mến cuộc đời tròng trọt, chăn nuôi;...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Vì những người nghệ sĩ đã mang vào những bức tranh với một cách nhìn về cuộc sống thật thuần phác, càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh, tươi vui và đưa nghệ thuật đến gần với đời sống hơn.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Tình cảm, cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về tranh làng Hồ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Suy nghĩ của tác giả về kĩ thuật tranh làng Hồ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng nhẹ nhàng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ chất liệu, cách tạo màu cho tranh làng Hồ.*):

Kĩ thuật tranh làng Hồ/ đã đạt đến sự trang trí tinh tế:// những bộ tranh tổ nữ áo màu,/ quần hoa chanh nền đen lĩnh/ của một thứ màu đen rất Việt Nam.// Màu đen không pha bằng thuốc/ mà luyện bằng bột than/ của những chất liệu/ gợi nhắc thiết tha đến đồng quê đất nước:// chất rom bếp,/ than của cỏi chiếu/ và than của lá tre mùa thu rụng lá.// Cái màu trắng điệp cũng là một sự sáng tạo/ góp phần vào kho tàng màu sắc của dân tộc/ trong hội họa. Màu trắng ấy/ càng ngắm càng ưa nhìn:// những hạt cát của điệp trắng/ nhấp nháy muôn ngàn hạt phấn/ làm tăng thêm vẻ thâm thúy cho khuôn mặt,/ tăng thêm sống động cho dáng người trong tranh.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Đất nước

2.1. Tìm từ đồng nghĩa với từ “đất nước”

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Đáp án: *nước nhà, non sông*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm từ ngữ phù hợp để thay cho từ in đậm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn* (Gợi ý: *a. mùi sông, non sông; b. Đất nước; c. Nhân dân*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm từ ngữ ca ngợi phẩm chất hoặc truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm từ ngữ ca ngợi phẩm chất hoặc truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

- + *Ca ngợi phẩm chất: thật thà, dũng cảm, kiên cường, ...*
- + *Ca ngợi truyền thống: đoàn kết, nhân ái, hiếu học, yêu nước, ...)*

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn nói về một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc

3.1. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường

- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1.

- HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý.
- HS thực hiện viết bài vào VBT.
- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS đọc lại bài viết, chỉnh sửa bài viết dựa vào gợi ý: sắp xếp ý, dùng từ, viết câu, chính tả,...

3.2. Chia sẻ trong nhóm, nhận xét bài làm của bạn và hoàn chỉnh đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc các gợi ý, chia sẻ bài làm trong nhóm.
- HS nghe bạn nhận xét và chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).
- 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Bình chọn trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chia sẻ bài viết theo kĩ thuật *Phòng tranh*.
- HS quan sát bài viết của bạn, tiến hành bình chọn đoạn văn dựa vào các tiêu chí:
 - + Đoạn văn chọn được việc làm có ý nghĩa.
 - + Đoạn văn giàu cảm xúc.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm hiểu và giới thiệu với người thân về một bức tranh Đông Hồ mà em thích.*
- HS tìm hiểu về một bức tranh Đông Hồ (có thể tìm kiếm thông tin trên sách, báo hoặc internet).
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: Giới thiệu với người thân một bức tranh Đông Hồ mà em thích.
- Một nhóm HS làm mẫu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Tuần “Ôn tập giữa học kì II” tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn tập các bài học ở các chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” và “Đất nước ngàn năm”.

TIẾT 1 (SHS, tr. 78 – 79)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

– HS xác định yêu cầu BT 1.

– Nhóm 4 hoặc từng HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài “Tháng Năm”.

+ Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến “ấp nằng xoè ra” và trả lời câu hỏi: Tháng Năm có những gì đẹp? (Gợi ý: *Tháng Năm đẹp vì cảnh sắc thiên nhiên: cánh diều no gió vút cao; ve kêu râm ran; hoa phượng rực hồng; mùa gặt rom phơi lấp cả đường làng; chim kêu; cá bơi rợp mặt sông; hạt ngô vừa gieo đã xanh mẫm;... và hài hoà với hoạt động của con người: mồ hôi ướt vai áo; ướt cả thóc vàng; dấu chân thênh thang; bàn tay ấp nằng xoè ra;...*)

+ Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến “ấp nằng xoè ra” và trả lời câu hỏi: Cảnh vật và con người trong đoạn thơ được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: *Cảnh vật và con người trong đoạn thơ được tả bằng các từ ngữ, hình ảnh: cánh diều no gió; ve kêu râm ran; hoa phượng rực hồng; cá bơi rợp mặt sông; dấu chân thênh thang; bàn tay ấp nằng;...*)

+ Phiếu số 3: Đọc đoạn từ “Tháng Năm chim kêu ngoài bãi” đến hết và trả lời câu hỏi: Hình ảnh bàn tay xoè ra có những gì đáng yêu? Vì sao? (Gợi ý: *Về đáng yêu của hình ảnh “bàn tay xoè ra”: gợi hình ảnh bàn tay xinh xắn của những bạn nhỏ vào những ngày hè. Các bạn đang chơi trò chơi “ấp nằng”, khi bàn tay “xoè ra” sẽ trông như những nụ, những bông hoa xinh xắn. Những bàn tay còn “xoè ra” cào cào, muôm muôm, “chú để cánh mềm” – những người bạn nhỏ thân thương của tuổi thơ,...*)

+ Phiếu số 4: Đọc đoạn từ “Tháng Năm chim kêu ngoài bãi” đến hết và trả lời câu hỏi: Khổ thơ cuối bài nói lên điều gì? (Gợi ý: *Khổ thơ nói lên sự gắn bó của tháng Năm với tuổi thơ. Tháng Năm như người bạn, làm ô che nắng cho các bạn, cùng các bạn chuẩn bị hành trang cho những bài học bổ ích, thú vị trong ngày hè sôi động.*)

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng *bông hoa cảm xúc*.

2. Chia sẻ về bài đọc

- HS xác định yêu cầu BT 2a.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ về những hình ảnh mà em thích trong bài thơ “Tháng Năm” (HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng và giải thích lí do vì sao).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS đọc yêu cầu BT 2b.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong bài thơ “Tháng Năm”.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp (Gợi ý: *Điệp ngữ “Tháng Năm” có tác dụng liệt kê những vẻ đẹp đặc biệt của con người và cảnh vật trong tháng Năm; điệp ngữ “xoè ra” có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp, niềm vui của những trò chơi mà các bạn nhỏ tham gia.*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 (SHS, tr. 79 – 80)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về câu đơn và câu ghép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về câu đơn và câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

- ① Đêm nay, *sư đoàn* / *vượt sông Đà Rằng* để tiến về giải phóng vùng đồng bằng ven
CN VN

biển Phú Yên.

- ② *Trăng / đang lên, mắt sông / lấp loá ánh vàng.*
CN 1 VN 1 CN 2 VN 2

- ③ *Núi Trùm Cát / dựng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thâm uy nghiêm,*
CN VN

trầm mặc.

④ Dưới ánh trăng, dòng sông/ sáng rực lên và những con sóng nhỏ/ lẫn lẫn, gợn

CN 1 VN 1

CN 2

VN 2

đều, mon man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

⑤ Sau một ngày ồn ào náo động, đêm/ đang lắng dần, không gian/ như loăng ra,

CN 1 VN 1

CN 2

VN 2

thấm đượm hơi sương, thoảng chút ngọt ngào của hương cây, hương cỏ.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 1b và 1c.

– HS thực hiện BT theo nhóm nhỏ.

(Đáp án:

+ Câu đơn: ①, ③

+ Câu ghép:

• ②, ⑤ – cách nối các vế câu ghép: dấu phẩy.

• ④ – cách nối các vế câu ghép: kết từ “và”.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Đặt câu ghép theo yêu cầu

– HS xác định yêu cầu BT 2.

– HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a.

+ Nói về sự thay đổi của cảnh vật vào tháng Năm: Vào tháng Năm, ve mới bắt đầu kêu râm ran, những chùm hoa phượng đã vội rực hồng.

+ Nói về ý nghĩa của tháng Năm đối với bạn nhỏ: Tháng Năm toả ra như những chiếc ô, mây che nắng cho các bạn học bài.

b.

+ Ở câu ghép thứ nhất các vế trong câu được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng ... mới ... đã ...

+ Ở câu ghép thứ hai các vế trong câu được nối với nhau bằng dấu phẩy.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Viết đoạn văn nói về cuộc sống thanh bình ở quê hương em

– HS xác định yêu cầu BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 80 – 81)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ và dấu gạch ngang.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án: *a. Việt Nam – khẳng định tình yêu quê hương đất nước; b. Thoắt cái – liệt kê, nhấn mạnh sự thay đổi nhanh chóng của cảnh vật.*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về tác dụng của dấu gạch ngang

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

a. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

b. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Viết đoạn văn theo yêu cầu

- HS xác định yêu cầu BT 3.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 81)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một ngày hội được tổ chức ở trường em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh về một ngày hội được tổ chức ở trường em (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh về một ngày hội của những năm trước):
 - + Giới thiệu về ngày hội: tên, địa điểm, thời gian tổ chức,...
 - + Có những hoạt động nào diễn ra trong ngày hội?
 - + Em có cảm xúc như thế nào khi tham gia ngày hội?
 - + Em có ấn tượng gì về ngày hội?
 - + Mong muốn, suy nghĩ của em sau khi tham gia ngày hội là gì?
 - + ...
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 82 – 83)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn tả người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh, video clip về thầy giáo hoặc cô giáo mà em chọn tả (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS xác định yêu cầu đề bài và quan sát các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại thầy giáo hoặc cô giáo mà em chọn tả:
 - + Em chọn tả thầy giáo hoặc cô giáo nào?

- + Thầy giáo hoặc cô giáo dạy môn nào hay chủ nhiệm lớp nào?
- + Ngoại hình của thầy giáo hoặc cô giáo đó có gì nổi bật?
- + Hoạt động, tính cách của thầy giáo hoặc cô giáo có gì đáng chú ý?
- + Thầy giáo hoặc cô giáo đã gắn bó với em như thế nào (học tập, vui chơi,...)?
- + Em có tình cảm, cảm xúc gì với thầy giáo hoặc cô giáo?
- + Em mong ước điều gì cho thầy giáo hoặc cô giáo?
- + ...

Lưu ý: GV khuyến khích HS chọn lựa từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh phù hợp và trình tự quan sát phù hợp để mở rộng, phát triển ý.

- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thành bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 VÀ TIẾT 7 (SHS, tr. 83 – 84)

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài “Sự tích cây chuối”.
2. Viết được bài văn tả một em bé đang tuổi tập nói, tập đi hoặc bài văn tả một người hàng xóm mà em yêu quý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kỹ năng đọc

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kỹ năng đọc hiểu qua hoạt động đọc hiểu văn bản “Sự tích cây chuối”:

- HS đọc thầm văn bản “Sự tích cây chuối” và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).
- HS trả lời câu hỏi, thực hiện các BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

(Đáp án:

- a. Để Thần chăm giải cho những giống cây mới.
- b. Từ vẻ đẹp và tình yêu dành cho con.
- c. Thơm ngọt như mùi sữa và mật.

d. Vì nó vừa đẹp vừa mang đầy tình thương con trẻ.

e. của, để

g. Nó

h. HS trả lời theo cảm nhận và suy nghĩ riêng. VD: *Giống cây vừa đẹp, bụ bẫm như con vừa có quả thơm ngon nuôi con chóng lớn → Vì từ những đặc điểm của cây mà thấy được tình thương con của Tiêu Ly.*

i. HS trả lời theo cảm nhận và suy nghĩ riêng. VD: *Ca ngợi việc tìm ra giống cây mới vừa đẹp vừa chan chứa tình thương yêu dành cho con cái.*

k. HS trả lời theo cảm nhận và suy nghĩ riêng. VD: *“Giống cây đặc biệt”, “Giống cây đoạt giải Nhất”,...*

l. HS trả lời theo cảm nhận và suy nghĩ riêng. VD: *Thân cây tròn trĩnh, lá cây to và trông giống như những chiếc lông chim khổng lồ.)*

B. Đánh giá kỹ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kỹ năng viết qua hoạt động viết:

- HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.
- HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.
- HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học.

Chủ điểm 7. KHÚC CA HOÀ BÌNH

(Tuần 28 – 29 – 30 – 31)

Chủ điểm “Khúc ca hoà bình” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm: cảm nhận được niềm hạnh phúc khi được sống trong một thế giới hoà bình, có ý thức gìn giữ hoà bình và kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ hoà bình cho thế giới. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, chia sẻ; biết trân trọng, giữ gìn những giá trị cuộc sống; biết sống đoàn kết, thân thiện với mọi người và thiên nhiên; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân với bản thân, gia đình và cộng đồng;...*

BÀI 1: VÌ ĐẠI DƯƠNG TRONG XANH

(tiết 1 – 4, SHS, tr. 85 – 89)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được suy nghĩ của em sau khi quan sát các bức tranh minh hoạ bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cuộc trò chuyện giữa hai nàng tiên cá và thuyền trưởng Sáng Suốt sau trận đấu với phù thủy U Mê*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tình yêu hoà bình giữa muôn loài, cần chung sống đoàn kết, yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau*.

3. Luyện tập sử dụng được dấu gạch ngang.

4. Nhận diện được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

5. Tưởng tượng, viết được câu tả vẻ đẹp của đại dương trong đoạn kịch “Vì đại dương trong xanh” sau khi cuộc chiến giữa hai dòng họ tiên cá kết thúc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen: – Thuyền trưởng” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu, phiếu học tập để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Khúc ca hoà bình” (Gợi ý: *Thông điệp về tình yêu thương, tình hữu nghị và ước mơ về một cuộc sống hoà bình,...*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn suy nghĩ của em khi quan sát các bức tranh minh hoạ bài đọc (Gợi ý: *Tranh vẽ hai nàng tiên cá, những người thủy thủ và các sinh vật biển; hai nàng tiên cá cứu bác thủy thủ;...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Vì đại dương trong xanh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Vì đại dương trong xanh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật; giọng thuyền trưởng trầm ổn, hiền hoà, bộc lộ sự quan tâm, tình cảm chân thành; giọng hai nàng tiên cá nhỏ nhẹ, tình cảm, tràn đầy sự biết ơn và lạc quan vào tương lai.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài thuật lại nội dung câu chuyện:

• *Xưa kia, / giữa Tiên Cá Đen và Tiên Cá Trắng / thường xảy ra những trận chiến / để tranh giành quyền thống trị đại dương.//;*

• *Đoạn trích dưới đây / thuật lại cuộc trò chuyện / giữa hai nàng tiên cá với thuyền trưởng Sáng Suốt.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *hải trình* (hành trình theo đường biển,...);...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “sinh vật biển”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “vào lòng đại dương”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vì để tranh giành quyền thống trị đại dương.*

+ Câu 2: *Tiên Cá Trắng đã cầu nguyện tổ tiên để cứu lấy thuyền trưởng Sáng Suốt vì thuyền trưởng đã dũng cảm bảo vệ họ trước phù thủy U Mê.*

+ Câu 3: *Thuyền trưởng nói với hai nàng tiên cá hãy cùng nhau chăm lo cho những sinh vật biển đáng yêu và mong muốn được nhìn thấy hai nàng tiên cá nắm tay nhau hát vang khúc ca hoà bình → Lời nói đó thể hiện ước mong về một cuộc sống hoà bình, không có chiến tranh.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Em cảm động khi thấy Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen nắm tay nhau cùng hát vang khúc ca hoà bình, nhờ thuyền trưởng Sáng Suốt đã dũng cảm chiến đấu để giúp hai nàng tiên cá hiểu ra: hoà bình vốn rất đáng quý...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Hai nàng tiên cá sẽ cùng nhau chăm sóc các sinh vật biển, cùng nhau bảo vệ đại dương được bình yên,...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu về hoàn cảnh của hai nàng tiên cá và phù thủy U Mê, thuyền trưởng Sáng Suốt.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Nàng tiên cá cầu nguyện tổ tiên cứu lấy thuyền trưởng Sáng Suốt.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Điều mong muốn về một thế giới hoà bình của thuyền trưởng Sáng Suốt.*

+ HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật; giọng thuyền trưởng trầm ổn, hiền hoà, bộc lộ sự quan tâm, tình cảm chân thành; giọng hai nàng tiên cá nhỏ nhẹ, tình cảm, tràn đầy sự biết ơn.*):

Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen:// – Thuyền trưởng đã cùng những người anh em/
tiêu diệt phù thủy để cứu hai dòng họ tiên cá.//
Chúng tôi cảm ơn nhiều lắm!//

Thuyền trưởng Sáng Suốt:// – Không cần cảm ơn ta.// Hãy cùng nhau chăm
lo cho những sinh vật biển đáng yêu này!//

Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen:// – (Nắm tay nhau)/ Từ nay,/ chúng tôi sẽ luôn
đoàn kết/ để giữ gìn đại dương trong xanh.//

Thuyền trưởng Sáng Suốt:// – Ngay bây giờ,/ chúng ta phải tiếp tục hải trình
của mình.// Chúng ta mong muốn sẽ mang theo
một kỉ niệm đẹp:// đó là đã tân mắt thấy Tiên Cá
Trắng và Tiên Cá Đen/ nắm tay nhau cùng hát
vang khúc ca hoà bình!//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Phân vai đọc hoặc diễn lại đoạn kịch “Vĩ đại dương trong xanh”*.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động theo nhóm (GV có thể tổ chức cho HS diễn lại đoạn kịch theo nhóm 3. HS phân vai, tập dượt và trình diễn.).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về dấu gạch ngang

2.1. Thêm dấu gạch ngang vào vị trí phù hợp và cho biết lí do

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

a. *Động Phong Nha nằm trong Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.* → Nối các từ ngữ trong một liên danh.

b. *Với quần thể 80 ngọn núi lớn nhỏ có độ cao trung bình vào khoảng 800 đến 1 000 mét so với mực nước biển, Mẫu Sơn – vùng núi nằm ở phía đông bắc tỉnh Lạng Sơn – được mệnh danh là vùng đất của gió và sương mù.* → Đánh dấu bộ phận chủ thích, giải thích trong câu.

c. *Mặc dù đã trải qua nhiều thăng trầm nhưng năm cửa ô của Hà Nội – xưa là kinh thành Thăng Long – vẫn gắn bó với mỗi người dân Thủ đô.* Đó là:

- Ô Quan Chưởng;
- Ô Cầu Giấy;
- Ô Cầu Dền;
- Ô Đống Mác;
- Ô Chợ Dừa.

→ Đánh dấu bộ phận chủ thích, giải thích trong câu và đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

d. *Mặt trời vừa thức dậy, trong nhà đã rộn ràng tiếng gọi của Quân:*

– *Anh Kiên ơi! Dậy thôi nào!*

Ông nội mỉm cười:

– *Hôm nay là Chủ nhật, để anh Kiên ngủ thêm một chút nữa, cháu ạ.*

Quân nhanh nhẩu đáp lời ông:

– *Hôm nay là “Chủ nhật xanh”. Anh em cháu đã hẹn sẽ tham gia dọn vệ sinh khu phố, ông ạ.*

→ Đánh dấu lượt lời các nhân vật.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Viết câu theo yêu cầu

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn góp ý và chỉnh sửa câu (nếu cần).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết lại cuộc trò chuyện giữa Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

3.1. Nhận diện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

- HS xác định yêu cầu BT 1.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. Thể hiện tình cảm, cảm xúc về câu chuyện.

b. Bạn Nguyễn Minh giới thiệu về câu chuyện “Bài học ở rừng” của nhà văn Lê Trâm và khẳng định tác giả dẫn dắt người đọc vào câu chuyện bằng một cách rất đặc biệt.

c. Các từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn với câu chuyện: trải qua nhiều cung bậc cảm xúc; ngỡ ngàng; náo nức; hồi hộp lắng nghe;...

d. Ở câu cuối, bạn đưa ra những suy nghĩ, trăn trở về ý thức, trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ rừng.)

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân về một câu chuyện.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Chia sẻ câu chuyện đã nghe, đã đọc về quê hương, đất nước

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc các gợi ý, trả lời một số câu hỏi của GV:

- + Em thích câu chuyện nào về quê hương, đất nước?
- + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì khi đọc câu chuyện đó?
- + ...

– HS thực hiện chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (có thể ghi chép nhanh một số thông tin vào sơ đồ tư duy đơn giản).

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS bình chọn phần chia sẻ ấn tượng nhất.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, viết 2 – 3 câu tả về đẹp của đại dương trong đoạn kịch “Vĩ đại dương trong xanh” sau khi cuộc chiến giữa hai dòng họ tiên cá kết thúc.*

- HS làm bài cá nhân, viết câu vào sổ tay Tiếng Việt.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: THÀNH PHỐ VĨ HOÀ BÌNH (tiết 5 – 7, SHS, tr. 90 – 92)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn hỏi đáp về ý nghĩa tên gọi khác của mỗi địa danh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thủ đô Hà Nội tự hào được UNESCO trao tặng giải thưởng “Thành phố Vĩ hoà bình” và được tham gia “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những thành tựu của Hà Nội trong thời gian qua.*

3. Nói được về cuộc sống thanh bình.

4. Tìm được ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

5. Tìm hiểu và giới thiệu được về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

- Tranh, ảnh hoặc video clip giới thiệu về Thủ đô Hà Nội (cảnh đẹp về thiên nhiên, con người; sự phát triển của Thủ đô; các trung tâm văn hoá, kinh tế, giáo dục;...).
- Tranh, ảnh, video clip về quang cảnh, cuộc sống thanh bình (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Đây là sự ghi nhận” đến “giao dịch quốc tế”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, cùng bạn hỏi đáp về ý nghĩa tên gọi khác của mỗi địa danh (Gợi ý: *Hải Phòng được gọi là Thành phố “Hoa phượng đỏ” vì nơi đây trồng rất nhiều cây phượng. Mỗi mùa hè, phượng nở đỏ rực khắp các con đường; Đà Lạt còn gọi là Thành phố ngàn hoa vì nơi đây khí hậu mát mẻ, trăm hoa đua nở; Bến Tre được biết đến là Xứ dừa vì nơi đây trồng rất nhiều dừa.*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Thành phố Vì hoà bình”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Thành phố Vì hoà bình

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, tươi vui, tự hào, phấn khởi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin về các giải thưởng, đóng góp, thành tựu của Thủ đô Hà Nội.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế/ về những đóng góp tích cực của Thủ đô/ trong công cuộc đấu tranh vì hoà bình/ cũng như trong sự nghiệp phát triển,/ xây dựng một thành phố hoà bình,/ năng động.//;*

• *Nhờ sự nỗ lực không ngừng,/ ngày 31 tháng 10 năm 2019,/ Hà Nội chính thức được UNESCO chấp thuận đưa vào “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”/ vì sự phát triển dựa trên những sáng tạo về lĩnh vực thiết kế.//;*

• *Tham gia mạng lưới,/ Hà Nội sẽ trở thành một trong những trung tâm hội tụ/ và lan toả của tri thức và sáng tạo.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “Thành phố Vì hoà bình”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “giao dịch quốc tế”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1:

• Ngày 16 tháng 7 năm 1999 – Thủ đô Hà Nội được UNESCO chọn là thành phố tiêu biểu của châu Á – Thái Bình Dương và là một trong năm thành phố trên thế giới nhận giải thưởng “Thành phố Vì hoà bình”. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những đóng góp tích cực của Thủ đô trong công cuộc đấu tranh vì hoà bình cũng như trong sự nghiệp phát triển, xây dựng một thành phố hoà bình, năng động.

• Ngày 31 tháng 10 năm 2019, Hà Nội chính thức được UNESCO chấp thuận đưa vào “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của nhân dân Hà Nội trong quyết tâm xây dựng, phát triển một Thủ đô năng động, đổi mới, sáng tạo, vì hoà bình.

+ Câu 2: Nhân dân Hà Nội luôn mong muốn và quyết tâm xây dựng, phát triển một Thủ đô năng động, đổi mới, sáng tạo, vì hoà bình.

+ Câu 3: Thủ đô Hà Nội sẽ trở thành một trong những trung tâm hội tụ và lan toả của tri thức và sáng tạo.

+ Câu 4: HS tự tóm tắt bài đọc theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Thủ đô Hà Nội tự hào được UNESCO trao tặng giải thưởng “Thành phố Vì hoà bình” và được tham gia “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những thành tựu của Hà Nội trong thời gian qua. Các thành tựu đạt được sẽ là bước đệm để Thủ đô tiếp tục phát triển hơn trong tương lai.)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Những thành tựu tiêu biểu mà Thủ đô Hà Nội đã đạt được.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: Những đóng góp tích cực của Thủ đô trong công cuộc xây dựng Thành phố Vì hoà bình.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: Mong muốn, quyết tâm xây dựng, phát triển Thủ đô của nhân dân Hà Nội và những cơ hội mới đang được mở ra cho Thủ đô.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra được nội dung bài học.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, tươi vui, tự hào, phấn khởi, nhấn giọng ở những từ ngữ thông tin về các đóng góp, thành tựu của Thủ đô Hà Nội*):

Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế/ về những đóng góp tích cực của Thủ đô/ trong công cuộc đấu tranh vì hoà bình/ cũng như trong sự nghiệp phát triển,/ xây dựng một thành phố hoà bình,/ năng động.// Trải qua hơn 1 000 năm hình thành và phát triển,/ Hà Nội luôn giữ được những nét truyền thống của Việt Nam,/ vươn lên với sức bất mạnh mẽ,/ xứng đáng là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia,/ trở thành trung tâm lớn về văn hoá,/ khoa học,/ giáo dục,/ kinh tế/ và giao dịch quốc tế.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nói về cuộc sống thanh bình

2.1. Bày tỏ suy nghĩ về cảnh được tả trong đoạn thơ

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn thơ.

– HS nghe GV giới thiệu tóm tắt về đoạn thơ (Gợi ý: *Đoạn thơ trích trong bài thơ “Bên sông Kinh Thầy” do nhà thơ Trần Đăng Khoa sáng tác tháng 2 năm 1966. Bài thơ nói về khung cảnh thanh bình của quê hương nhà thơ*).

– HS chia sẻ trong nhóm đôi về suy nghĩ sau khi đọc đoạn thơ. (Gợi ý: *Khung cảnh làng quê gợi lên cảm giác thật yên bình với hàng chuối xanh mượt, những rặng phi lao trập trùng và vài ngôi nhà ngói đỏ in bóng xuống dòng sông quê êm đềm.*)

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Nói về cảnh thanh bình ở quê hương em

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS thực hiện yêu cầu bằng cách nghe hướng dẫn của GV:

+ Giới thiệu chung về khung cảnh (địa điểm, thời gian,...).

+ Nói về cảnh đẹp thiên nhiên (bầu trời, sông nước, cây cỏ,...).

+ Nói về cuộc sống và sinh hoạt của con người.

+ Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em.

+ ...

– HS ghi nhanh các nội dung bằng từ khoá dưới dạng sơ đồ tư duy.

– HS thực hành nói trong nhóm nhỏ (HS có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Bình chọn bài nói

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm để bình chọn bài nói yêu thích dựa vào các tiêu chí gợi ý:

+ Nội dung phong phú.

+ Giọng nói truyền cảm.

+ Hình thức sinh động.

+ Tác phong tự tin.

+ ...

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:

+ Em chọn giới thiệu câu chuyện nào về quê hương, đất nước?

+ Em có tình cảm, cảm xúc gì về câu chuyện (mở đầu, nội dung, lời kể,...)?

+ Em dùng từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy?

+ Câu chuyện gợi cho em những suy nghĩ gì?

+ ...

– HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ.

– HS nhận xét, góp ý trong nhóm.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (**Lưu ý:** HS ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết câu giới thiệu câu chuyện và câu nói về những điều gợi ra sau khi đọc câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

- HS nhớ lại nội dung đã thực hiện ở BT 1, làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm hiểu và giới thiệu về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết.*
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: Tìm hiểu về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết (có thể kết hợp tìm hình ảnh, video clip và thông tin trên internet).
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: BÀI CA TRÁI ĐẤT (tiết 8 – 11, SHS, tr. 93 – 97)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được suy nghĩ, cảm xúc của em khi quan sát tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Trái Đất này là của trẻ con. Dù khác nhau về màu da nhưng tất cả trẻ con đều cần nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc và bảo vệ.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Kêu gọi tất cả mọi người cùng sống hoà bình, yêu thương, bình đẳng; thể hiện niềm mơ ước về một thế giới không có chiến tranh, chỉ tràn ngập tiếng cười và tình yêu.*

– Tìm đọc được truyện hoặc đoạn kịch viết về một sự kiện lịch sử, về một anh hùng dân tộc hoặc về cuộc sống thanh bình, tình yêu hoà bình; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Nghệ sĩ nhí”: kể và trao đổi về ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch; ghi chép tóm tắt về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe kể.

3. Nhận diện cách lập từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn.

4. Luyện tập viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

5. Giới thiệu được bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Audio bài hát “Trái Đất này là của chúng mình” – nhạc: Trương Quang Lục, lời: thơ Định Hải (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi khổ thơ thứ hai.

– HS mang tới lớp truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ điểm “Khúc ca hoà bình” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc khi quan sát tranh minh hoạ của hoạt động khởi động (Gợi ý: *Tuy các bạn có màu da, màu tóc khác nhau nhưng đều tươi cười, ca hát vui vẻ với nhau. Bức tranh thể hiện sự đoàn kết, gắn bó, không phân biệt sắc tộc giữa thiếu nhi trên toàn thế giới.*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc “Bài ca Trái Đất”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Bài ca Trái Đất

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả đặc điểm của các sự vật, ca ngợi hoà bình, phản đối chiến tranh, thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhân vật...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Trái Đất này/ là của chúng mình/

Quả bóng xanh/ bay giữa trời xanh/

Bồ câu ơi,/ tiếng chim gù thương mến/

Hải âu ơi,/ cánh chim vờn sóng biển/

Cùng bay nào,/ cho Trái Đất quay!//

Cùng bay nào,/ cho Trái Đất quay!//

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Khổ thơ đầu.
 - + Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai.
 - + Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Trái Đất được so sánh với quả bóng xanh bay giữa trời xanh. Cách so sánh đó khiến Trái Đất trở nên rất gần gũi, thân thương, hồn nhiên và tươi trẻ.*

+ Câu 2: *Khổ thơ 2 khẳng định Trái Đất là của các bạn nhỏ, không phân biệt màu da, chủng tộc. Trẻ em là món quà đẹp nhất, là “mẹ”, là “hoa” của đất nên trẻ em dù là màu da nào cũng đều đáng quý, cũng đáng nhận được sự tôn trọng, yêu thương, cũng góp phần tô màu tươi thắm cho cuộc đời.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Sự hoà đồng, thân thiện và không khí vui vẻ giữa con người với con người sẽ giúp Trái Đất – ngôi nhà chung của toàn nhân loại mãi tươi trẻ.*

+ Câu 4: *Hai câu cuối ở khổ thơ đầu nhấn mạnh niềm vui, sự hồn nhiên của trẻ em hoà cùng bài hát với tiếng chim bồ câu, với cánh chim hải âu. Hai câu cuối ở khổ thơ thứ hai khẳng định mọi trẻ em trên thế giới, dù khác màu da đều bình đẳng như nhau, đều đáng quý, đáng yêu. Hai câu cuối ở khổ thơ cuối khẳng định Trái Đất chính là của chúng ta.)*

- HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Niềm vui của các bạn nhỏ được sống trong một thế giới đầy tươi đẹp.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Trẻ em là mẹ, là hoa của Trái Đất, dù màu da nào thì ai cũng đáng quý, đáng yêu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Khẳng định Trái Đất là của tất cả chúng ta, vì vậy hãy giữ bình yên cho Trái Đất.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

- HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Trong*

sáng, vui tươi, hồn nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả đặc điểm của các sự vật, ca ngợi hoà bình, phản đối chiến tranh; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật.):

Trái Đất trẻ/ của bạn trẻ năm châu/

Vàng/ trắng/ đen.../ dù da khác màu/

Ta là nu./ là hoa của đất/

Gió đắm hương thơm,/ nắng tô thắm sắc/

Màu hoa nào cũng quý/ cũng thơm!//

Màu hoa nào cũng quý/ cũng thơm!//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp một đoạn hoặc cả bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ đề “Khúc ca hoà bình”

1.2.1. Tìm đọc truyện hoặc đoạn kịch

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ đề “Khúc ca hoà bình” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện hoặc đoạn kịch:

+ Về một chiến dịch hoặc một trận đánh trong lịch sử (Gợi ý: *Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán – Nguyễn Khắc Thuần; Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu – Truyện danh nhân Việt Nam;...*).

+ Về một anh hùng dân tộc (Gợi ý: *Lá cờ thêu sáu chữ vàng – Nguyễn Huy Tưởng; Người công dân số Một – Hà Văn Cầu, Vũ Đình Phòng;...*).

+ Về cuộc sống thanh bình, tình yêu hoà bình (Gợi ý: *Một chuyên gia máy xúc – Hồng Thủy; Những câu chuyện về tình yêu tự do và hoà bình – Lương Hùng biên dịch;...*).

+ ...

– HS chuẩn bị truyện hoặc đoạn kịch để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện hoặc đoạn kịch: tên truyện hoặc đoạn kịch, tác giả, tên nhân vật, diễn biến, ý nghĩa,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện, đoạn kịch.

1.2.3. Chia sẻ về truyện hoặc đoạn kịch đã đọc

– HS đọc truyện hoặc đoạn kịch. HS có thể trao đổi truyện hoặc đoạn kịch cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Nhà sử học nhí”

- HS xác định yêu cầu hoạt động: kể và trao đổi về ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch trong nhóm nhỏ.
- Mỗi nhóm đại diện một HS tham gia thi “Nhà sử học nhí”.
- HS nhận xét và bình chọn dựa trên các tiêu chí:
 - + Truyện hoặc đoạn kịch đúng chủ đề.
 - + Nội dung kể rõ ràng.
 - + Có rút ra ý nghĩa hoặc bài học giáo dục.
 - + Kết hợp điệu bộ, cử chỉ, giọng nói.
 - + ...
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép tóm tắt về một truyện được nghe chia sẻ

- HS ghi chép lại một vài thông tin chính về một truyện hoặc một đoạn kịch được nghe vào sổ tay Tiếng Việt.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ

2.1. Nhận diện cách lặp từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: *a. đầu; b. Tác dụng: liên kết nội dung của các câu đứng sau với câu đứng trước đó.*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra nội dung em cần ghi nhớ về liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Xác định từ ngữ được dùng lặp lại để liên kết các câu trong đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án: a. sáu, hoa; b. nắm; Tác dụng: liên kết các câu trong đoạn văn, giúp cho việc truyền tải nội dung được mạch lạc.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm từ ngữ thay cho để liên kết các câu trong đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Đáp án: đất; đất; Được; được; được).

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu giới thiệu một cây bóng mát mà em thích

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT, gạch dưới các cặp câu được liên kết bằng cách lặp từ ngữ.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

3.1. Thực hành viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp xem tranh ảnh, video clip về câu chuyện).

– HS viết đoạn văn vào VBT.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu có) theo hướng:

- + Sắp xếp các ý trong đoạn;
- + Chỉnh sửa cách dùng từ;
- + Điều chỉnh diễn đạt ở một số câu trong đoạn;
- + Sửa các lỗi về chính tả;
- + ...

3.2. Chia sẻ trong nhóm, nghe bạn nhận xét và hoàn thiện đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

- HS trao đổi bài làm trong nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn nhận xét, kết hợp chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu có).
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu để giới thiệu bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.*
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: giới thiệu bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.
- Một nhóm HS làm mẫu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: MIỀN ĐẤT XANH (tiết 12 – 14, SHS, tr. 98 – 101)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về những điều gọi ra từ tên bài đọc “Miền đất xanh”; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sự nỗ lực của những người lính và người dân Khe Sanh để giúp vùng đất này xanh trở lại sau những năm tháng chiến tranh.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Khát vọng, ước mơ của tác giả, của những người lính và người dân về một Khe Sanh hoà bình, bình yên và phát triển.*
3. Nhận diện được cách thay thế từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn.
4. Nhận diện được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.
5. Đóng vai người dân Khe Sanh, nói hoặc viết được lời cảm ơn gửi tới những người lính đã chiến đấu để trả lại sự bình yên cho quê hương mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip thực tế về Khe Sanh (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “đang xanh trở lại”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về những điều gợi ra từ tên bài đọc “Miền đất xanh” (Gợi ý: *Vùng đất xanh tốt, phát triển, có nhiều đổi thay; vùng đất chứa đựng nhiều ước mơ, khát vọng;...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Miền đất xanh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Miền đất xanh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng nhẹ nhàng, tha thiết, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về cảnh thiên nhiên ở Khe Sanh, về hoạt động, suy nghĩ, cảm xúc của người dân nơi đây và tác giả;...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *lãng đãng, trầu hạt,...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Khi ấy,/ chúng tôi đã ước ao/ về một đô thị sẽ mọc lên/ trên mảnh đất đầy thương tích chiến tranh,/ nơi đồng đội của tôi hằng ngày dò dẫm gỡ mìn,/ huỷ bom để trả lại sự bình yên cho đất.//;*

• *Giống như những người lính đã đi qua chiến tranh/ luôn mang ước vọng hoà bình,/ mỗi người dân Khe Sanh đều thường trực ước vọng được đổi đời/ trên mảnh đất quê hương,/ từ giọt mồ hôi mặn chát của mình.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “đang xanh trở lại”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vẻ đẹp tự nhiên: Có nhiều hồ, đầm tự nhiên, nước trong xanh, đôi thông reo vi vút; Buổi sáng, sương mù bay lững lờ quanh những vườn cà phê, những núi đồi trùng điệp; Buổi trưa nắng chói chang. Vẻ đẹp do con người mang lại: Những vườn cà phê trĩu hạt, rừng chuối xanh bạt ngàn, mọi người vui vẻ trò chuyện.*

+ Câu 2: *Trong chiến tranh, họ chiến đấu quên mình để bảo vệ sự bình yên cho Khe Sanh. Khi tiếng súng lặng yên, họ hằng ngày dò dẫm gỡ mìn, huỷ bom, trả lại sự bình yên cho đất.*

+ Câu 3: *Ca ngợi nỗ lực, sự bền bỉ và lòng quyết tâm của những người lính, những người dân để giúp Khe Sanh xanh trở lại và ngày càng phát triển với ước vọng một đô thị sẽ mọc lên.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Tiếng súng vừa lặng yên trên vùng đất này, những người lính đã dò dẫm gỡ mìn, huỷ bom. Vì chi tiết đó nói lên sự ác liệt của chiến tranh và tôn vinh vẻ đẹp của người bộ đội, dù trong thời bình vẫn kiên nhẫn dò dẫm gỡ mìn, huỷ bom để trả lại màu xanh thuở ban đầu cho Khe Sanh.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Khe Sanh đang dần xanh trở lại.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Công cuộc trả lại bình yên cho Khe Sanh và ước vọng của người dân nơi đây.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa của bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe bạn đọc lại đoạn 1 của bài (Gợi ý: *Đọc giọng nhẹ nhàng, tha thiết, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về cảnh thiên nhiên ở Khe Sanh, chỉ hoạt động của nhân vật,...*).

Khe Sanh có nhiều hồ,/ đầm tự nhiên,/ nước trong xanh,/ đôi thông reo vi vút.// Buổi sáng,/ sương mù bay lững lờ/ quần quanh những vườn cà phê trĩu hạt,/ những núi đồi trùng điệp.// Buổi trưa nắng chói chang,/ hai chàng thanh niên dân tộc Vân Kiều/ vui vẻ trò chuyện cùng chúng tôi.// Hai anh/ là những chủ nhân của rừng chuối xanh bạt ngàn/ xung quanh cứ điểm Làng Vây.// Kể từ khi tiếng súng lặng yên trên vùng đất này,/ Khe Sanh/ đang xanh trở lại.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ

2.1. Nhận diện cách thay thế từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Từ “nó” thay cho cụm từ “cây đa Ấn Độ” ở câu văn đứng trước. Tác dụng: liên kết câu văn đứng sau với câu đứng trước và tránh được việc lặp lại từ.

b. “Loài chim báo hiệu mùa xuân” thay cho cụm từ “những đàn én” ở câu văn đứng trước. Tác dụng: liên kết câu văn đứng sau với câu đứng trước giúp cho việc diễn đạt uyển chuyển, tránh lặp lại từ.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về liên kết câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT, sau đó chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

(Đáp án:

a. Từ “Gà trống” được thay thế bằng cụm từ “Sứ giả của bình minh” ở câu (2) và bằng cụm từ “anh chàng” ở câu (3).

b. Tác dụng: Liên kết ba câu với nhau, tránh lặp từ, giúp cho việc miêu tả chú gà trống trở nên sinh động hơn.)

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.

(Đáp án: Những thảm sao nhỏ xinh ấy; Cô bé; những người bạn dễ thương; Những vạt hoa biêng biếc; người gieo hạt)

- HS trao đổi kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu nói về việc trồng cây

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT, gạch dưới các cặp câu được liên kết bằng cách thay thế từ ngữ.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

3.1. Nhận diện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

- HS xác định yêu cầu BT 1.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi.

(Gợi ý:

a. Thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn Hạnh Dương với bài thơ “Bài ca Trái Đất”.

b. Nói về cảm nhận chung của bạn khi đọc bài thơ.

c. Ở các câu văn tiếp theo, bạn thể hiện cảm xúc:

+ Về hình ảnh đẹp: quả bóng xanh bay giữa trời xanh; hải âu vờn sóng; bờ cát; các bạn nhỏ nằm châu hồn nhiên, nắm tay ca múa → gợi cảm giác trong trẻo, tươi đẹp, thanh bình.

+ Về lời thơ, nhịp thơ: ngân vang, giàu nhạc điệu.

+ Về ý nghĩa của bài thơ: bài ca của niềm tin và hi vọng về hoà bình, lan toả thông điệp hoà bình.

+ ...)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân về một bài thơ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Chia sẻ với bạn tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ mà em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Em chọn bài thơ đã học nào để giới thiệu?
 - + Bài thơ có nội dung, ý nghĩa gì?

- + Những hình ảnh, từ ngữ,... nào làm em ấn tượng?
- + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về ý nghĩa của bài thơ?
- + ...
- HS viết nhanh vào vở nháp dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản bằng các từ ngữ đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.
- HS chia sẻ kết quả với bạn trong nhóm nhỏ, trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai người dân Khe Sanh, nói hoặc viết lời cảm ơn gửi tới những người lính đã chiến đấu để trả lại sự bình yên cho quê hương mình.*
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chọn một trong hai hình thức:
 - + Thực hiện đóng vai và nói lời cảm ơn trong nhóm.
 - + HS viết lời cảm ơn vào sổ tay Tiếng Việt.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: NHỮNG CON HẠC GIẤY (tiết 15 – 18, SHS, tr. 102 – 105)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được câu giới thiệu về một nhân vật có ý chí, nghị lực mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Câu chuyện về ước mơ và khát vọng sống của cô bé Xa-đa-kô. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Lên án chiến tranh, thể hiện khát vọng về một thế giới hoà bình của trẻ em trên toàn thế giới.*
3. Nhận diện được cách dùng từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn.
4. Tìm được ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.
5. Kể lại được câu chuyện “Những con hạc giấy” cho người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về đài tưởng niệm Sen-ba-zu-ru (nếu có).

- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Xúc động trước cái chết” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu giới thiệu về một nhân vật có ý chí, nghị lực mà em biết (Gợi ý: *Mạc Đĩnh Chi tuy nhà nghèo nhưng hiếu học,...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Những con hạc giấy”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Những con hạc giấy

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, trùu mến; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về tội ác của chiến tranh và khát vọng sống;...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Nằm trong bệnh viện/ nhắm mắt từng ngày còn lại của đời mình,/ cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng/ nếu gấp đủ một nghìn con hạc bằng giấy treo quanh phòng,/ em sẽ khỏi bệnh.//;*

• *Trên đỉnh đài tưởng niệm cao chín mét/ là tượng một bé gái/ – mô phỏng hình ảnh Xa-đa-kô/ – giờ cao hai tay nâng một con hạc lớn/ đang dang cánh bay.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “bệnh máu trắng”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “một nghìn con hạc giấy”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Trước khi bị nhiễm phóng xạ: Xa-xa-ki Xa-đa-kô là một cô bé khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; Sau 10 năm nhiễm phóng xạ: sức khoẻ của em bị giảm sút nhanh chóng, phải nằm viện để chữa trị bệnh máu trắng.*

+ Câu 2: *Cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con hạc bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ khỏi bệnh; em đã nén đau, miệt mài gấp hạc.*

+ Câu 3:

• *Khi Xa-đa-kô nằm viện: trẻ em toàn nước Nhật đã tới tập gửi hàng nghìn con hạc giấy đến cho Xa-đa-kô; Sau khi Xa-đa-kô mất đi: học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã quyên góp tiền xây một đài tưởng niệm những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại.*

• Ý thứ hai của câu hỏi, HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Việc làm thể hiện tình cảm yêu mến, sự thông cảm, sẻ chia của các bạn nhỏ đồng thời cũng nói lên khát khao cuộc sống hoà bình cho cả thế giới, lên án chiến tranh.*

+ Câu 4: HS tóm tắt câu chuyện theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Sau khi nhiễm phóng xạ nguyên tử, từ một cô bé khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, Xa-xa-ki Xa-đa-kô đã bị bệnh máu trắng và phải nằm viện để điều trị. Cô bé tin vào một truyền thuyết cho rằng nếu gấp đủ một nghìn con hạc giấy treo quanh phòng thì em sẽ khỏi bệnh. Mặc dù đã miệt mài gấp được hơn một nghìn con hạc giấy nhưng Xa-đa-kô vẫn không qua khỏi. Xúc động trước cái chết của Xa-đa-kô, học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã quyên góp tiền xây một đài tưởng niệm những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Những dòng chữ khắc dưới chân tượng đài thể hiện khát khao cuộc sống hoà bình và là lời lên án chiến tranh mạnh mẽ của các bạn nhỏ.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Hoàn cảnh của Xa-đa-kô.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Ý nghĩa của những con hạc giấy và khát vọng sống của Xa-đa-kô.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Khát vọng về thế giới hoà bình của trẻ em.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng chậm rãi, thong thả, trầm lắng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc,...*):

Xúc động trước cái chết của Xa-đa-kô/ học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã quyên góp tiền/ xây một đài tưởng niệm những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại.// Năm 1958/ Tượng đài Hoà bình cho trẻ em/ còn được gọi là tháp Sen-ba-zu-ru (“Ngàn cánh hạc”),/ được dựng lên ở Công viên Hoà bình của thành phố.// Trên đỉnh đài tưởng niệm cao chín mét/ là tượng một bé gái/ – mô phỏng hình ảnh Xa-đa-kô/ – giơ cao hai tay nâng một con hạc lớn/ đang dang cánh bay.// Dưới tượng đài khắc những lời tha thiết://

Chúng em kêu gọi/

Chúng em nguyện cầu://

Hoà bình cho thế giới!//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Gấp hạc giấy và viết lên hạc giấy một điều ước hoặc thông điệp về thế giới hoà bình, hạnh phúc.*

– HS hoạt động cá nhân, gấp hạc giấy theo hướng dẫn của GV, viết lên hạc giấy một điều ước hoặc thông điệp về thế giới hoà bình, hạnh phúc.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Chia sẻ với bạn về thông điệp đã viết.*

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách dùng từ ngữ nối

2.1. Nhận diện cách dùng từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

+ *Mỗi từ ngữ in đậm có tác dụng nối các câu trong từng đoạn văn. (Lưu ý: “Đến khi chị gió gọi nhắc” cũng có tác dụng nối các câu nhưng không phải là “từ ngữ nối”).*

+ *Một số từ ngữ có tác dụng nối: hơn nữa, mặt khác, đồng thời, thêm vào đó, ...)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra nội dung em cần ghi nhớ về liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách dùng từ ngữ nối.

– 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

2.2. Xác định từ ngữ nối đã được dùng để liên kết các câu trong đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

- HS thảo luận nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án: *Còn; Nhưng; Không những thế*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm một từ ngữ nối thay cho ☸ để liên kết các câu trong đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. *Bỗng nhiên (Bỗng); Và (Thế là/ Rồi)*

b. *Nhưng (Thế nhưng); Và (Rồi).)*

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu về sự thay đổi của bầu trời, cây cối,... khi mùa xuân đến

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT, gạch dưới các từ ngữ có tác dụng nối để liên kết câu.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một bài thơ

3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một bài thơ

- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp đọc lại bài thơ).
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Em chọn thể hiện tình cảm, cảm xúc với bài thơ nào? Bài thơ của tác giả nào?
 - + Em có những ấn tượng nào về bài thơ?
 - + Bài thơ có nội dung hoặc những từ ngữ, hình ảnh,... nào khiến em thích thú?
 - + Em dùng những từ ngữ nào để chỉ tình cảm, cảm xúc về nội dung hoặc những từ ngữ, hình ảnh,... đó?
 - + Em có suy nghĩ gì sau khi đọc bài thơ?
 - + ...
- HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ.
- HS nhận xét, góp ý trong nhóm.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (**Lưu ý:** HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về câu chuyện và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết câu giới thiệu bài thơ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nhớ lại nội dung đã thực hiện ở BT 1, làm bài vào VBT.

– HS đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể lại câu chuyện “Những con hạc giấy” cho người thân.*

– HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động kể chuyện ở nhà.

– Một nhóm HS làm mẫu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: LỄ HỘI ĐÈN LỒNG NỔI

(tiết 19 – 21, SHS, tr. 106 – 108)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về những điều quan sát từ ảnh minh họa bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Lễ hội đèn lồng nổi ở Ha-oai là một lễ hội ý nghĩa, thể hiện hi vọng về một thế giới hoà bình, hạnh phúc.*

3. Thảo luận được theo chủ đề *Bạn bè mến thương.*

4. Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

5. Tìm hiểu và giới thiệu được về một hoạt động vì hoà bình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Một số hình ảnh, video clip về các hoạt động ở lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Sau đó” đến hết.
- Ảnh chụp, video clip về một hoạt động vì hoà bình (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát ảnh minh hoạ bài đọc và cùng bạn trao đổi về những điều quan sát được → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Lễ hội đèn lồng nổi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Lễ hội đèn lồng nổi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, tươi vui, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin về chương trình, ý tưởng, thông điệp của hoạt động.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Những chiếc đèn lồng toả sáng trên mặt nước/ cũng mang theo hi vọng sức khoẻ/ và bình an cho mọi người.//;*

• *Với thông điệp hướng tới thế giới hoà bình,/ ấm áp,/ mỗi năm,/ lễ hội thu hút hơn 50 000 người tham gia/ với hơn 6 000 chiếc đèn lồng được thắp sáng.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “tươi sáng hơn”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “lời chúc”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: Lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1999, do bà Sin-xô I-tô khởi xướng. Hành động thả đèn lồng lên dòng nước thể hiện niềm hi vọng một thế giới tươi sáng hơn.

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, cảm nhận riêng. VD: Hoạt động bắt đầu lễ hội rất thú vị với tiếng thổi pũ. Nghi thức thả sáu chiếc đèn lồng là lời cầu nguyện đến những nạn nhân của chiến tranh, những người gặp thiên tai, nạn đói hay bệnh tật và những loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. Hoạt động kết thúc lễ hội thật ấn tượng với hình ảnh hàng nghìn chiếc đèn lồng sáng lung linh, thả trôi trên biển cùng với những lời nguyện cầu, lời chúc;...

+ Câu 3: Hoạt động sau khi lễ hội kết thúc nói lên tinh thần trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, cảm nhận riêng. VD: Vì thông điệp và ý nghĩa nhân văn mà lễ hội hướng tới.)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Giới thiệu về lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: Chương trình hoạt động của lễ hội.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: Ý nghĩa lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động và ý nghĩa của hoạt động được tổ chức):

Sau đó,/ đèn lồng sẽ được thu gom,/ làm sạch và cất giữ/ để dùng cho những năm sau.//

Với thông điệp hướng tới thế giới hoà bình,/ ấm áp,/ mỗi năm,/ lễ hội thu hút hơn 50 000 người tham gia/ với hơn 6 000 chiếc đèn lồng được thắp sáng.// Đây là dịp để người thân,/ bạn bè/ và cả những người không quen biết/ gắn bó với nhau trong sự chia sẻ,/ cùng mở lòng để đùm bọc và yêu thương.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Thảo luận theo chủ đề *Bạn bè mến thương*

2.1. Bày tỏ suy nghĩ sau khi đọc bài thơ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thực hiện BT trong nhóm đôi theo gợi ý:
 - + Nội dung của bài thơ là gì?
 - + Em có suy nghĩ gì sau khi đọc bài thơ?
 - + ...
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thảo luận về những việc cần làm để chung sống yêu thương

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và BT 3.
- HS thực hành thảo luận trong nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý.
- HS ghi lại một vài việc làm đã thảo luận vào sổ tay.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

3.1. Thực hành viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ đã học

- HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp đọc lại bài thơ).
- HS hoạt động cá nhân, viết đoạn văn vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu có) dựa trên các gợi ý:
 - + Các câu văn đã được sắp xếp theo trình tự phù hợp hay chưa?
 - + Em đã dùng những từ ngữ, câu văn nào để thể hiện cảm xúc?
 - + ...
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Chia sẻ trong nhóm, nghe bạn nhận xét và hoàn chỉnh đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia sẻ bài viết bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.
- HS nhận xét bài của bạn dựa trên các gợi ý: sắp xếp ý, dùng từ, viết câu, chính tả,... (có thể viết nhanh vào nháp những điều cần điều chỉnh ở bài làm của bạn).
- HS đọc các nhận xét, hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm hiểu và giới thiệu về một hoạt động vì hoà bình.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà:
 - + Suru tầm tranh, ảnh về một hoạt động vì hoà bình.
 - + Tìm hiểu thông tin và ý nghĩa của hoạt động đó.
 - + Ghi chép các thông tin chính vào sổ tay Tiếng Việt.
 - + ...
- Trang trí sổ tay và dán ở *Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: THEO CHÂN BÁC (tiết 22 – 25, SHS, tr. 109 – 113)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về sự kiện lịch sử gắn với các thông tin đã cho; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tái hiện quang cảnh ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở quảng trường Ba Đình*. Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Ca ngợi niềm vui độc lập, lòng tự hào dân tộc và tình cảm thiêng liêng mà người dân dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc cũng như tình cảm của Bác dành cho nhân dân cả nước.*

– Tìm đọc được một bản tin hoặc bài viết về một hoạt động giao lưu giữa thiếu nhi các nước hoặc về một hành động vì hoà bình; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Bình luận viên nhí”: đọc và bình luận về bản tin hoặc bài viết; ghi chép tóm tắt về một bản tin hoặc bài viết được bạn chia sẻ.

3. Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn.
4. Nhận diện đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.
5. Suy tầm bài thơ, bài hát nói về hoà bình; chia sẻ với bạn cảm xúc của em về bài thơ, bài hát đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi ba khổ thơ cuối.
- HS mang tới lớp bản tin hoặc bài viết phù hợp với chủ điểm “Khúc ca hoà bình” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu về sự kiện lịch sử gắn với các thông tin đã cho (Gợi ý: *Các thông tin đã cho gợi nhắc về ngày 02/9/1945 – ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình lịch sử – khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Theo chân Bác”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Theo chân Bác

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng trong sáng, vui tươi, phấn khởi, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động, tình cảm của Bác Hồ và người dân, ...*).

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).
- + Luyện đọc một số câu thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Người đọc Tuyên ngôn...// Rồi chợt hỏi://

“Đồng bào/ nghe tôi nói rõ không?”//

*Ôi câu hỏi,/ hơn một lời kêu gọi/
Rất đơn sơ/ mà ấm bao lòng!//*

*Cả muôn triệu/ một lời đáp:// “Có!”//
Như Trường Sơn/ say gió biển Đông/
Vâng,/ Bác nói,/ chúng con nghe rõ,/
Mỗi tiếng/ Người/ mang nặng núi sông.//*

- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Khổ thơ đầu.
 - + Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba, thứ tư.
 - + Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Cảnh vật: khắp Thủ đô tràn ngập những bông hoa rực rỡ cùng với ánh nắng vàng ấm áp; Con người: người dân Thủ đô im lặng chờ Bác cất giọng nói và đồng loạt khắp mọi nơi cùng hô vang tên Bác: “Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!”.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Lời nói và việc làm của Bác Hồ ở khổ thơ 2 và 3 gợi ra hình ảnh thân thuộc, bình dị của Bác, thể hiện lòng thương dân, yêu nước của Bác.*

+ Câu 3: *Tình cảm của Nhân dân dành cho Bác Hồ được thể hiện qua những dòng thơ: Bỗng vang lên tiếng hát ân tình/ Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!; Cả muôn triệu một lời đáp: “Có!”/ Như Trường Sơn say gió biển Đông/ Vâng, Bác nói, chúng con nghe rõ,/ Mỗi tiếng Người mang nặng núi sông.*

+ Câu 4: *Bài thơ ca ngợi độc lập, niềm tự hào dân tộc và tình cảm thiêng liêng mà người dân dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc cũng như tình cảm của Bác dành cho nhân dân cả nước.)*

- HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Khung cảnh tung bừng vào sáng mùng hai tháng Chín.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Miêu tả cảnh Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập và tình cảm của người dân dành cho Bác.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Khẳng định nước Việt Nam là một đất nước độc lập, có chủ quyền.* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong sáng, vui tươi, phấn khởi, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, đáng vẻ, hoạt động, tình cảm của Bác Hồ và người dân, ...*).

Người đọc Tuyên ngôn...// Rồi chợt hỏi://

“Đồng bào/ nghe tôi nói rõ không?”//

Ôi câu hỏi,/ hơn một lời kêu gọi/

Rất đơn sơ/ mà ám bao lòng!//

Cả muôn triệu/ một lời đáp:/ “Có!”//

Như Trường Sơn/ say gió biển Đông/

Vâng/, Bác nói/, chúng con nghe rõ/

Mỗi tiếng/ Người/ mang năng mũi sông.//

Trời bỗng xanh hơn/, nắng chói loà/

Ta nhìn lên Bác,/ Bác nhìn ta/

Bốn phương/ chắc cũng nhìn ta đó/

Nước Việt Nam/ Dân chủ/ Cộng hoà!//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm bài thơ (hoạt động này có thể thực hiện ngoài giờ).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ đề: Khúc ca hoà bình

1.2.1. Tìm đọc bản tin hoặc bài viết

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin hoặc bài viết phù hợp với chủ đề “Khúc ca hoà bình” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên trang thông tin của trường, trên internet một bản tin hoặc bài viết:

+ Về một hoạt động giao lưu giữa thiếu nhi các nước (Gợi ý: *Trại hè thiếu nhi; Cuộc thi dành cho thiếu nhi;...*).

+ Về một hành động vì hoà bình (Gợi ý: *Chuyến thăm hữu nghị giữa các nước; Thành lập các tổ chức vì hoà bình;...*).

+ ...

– HS chuẩn bị bản tin hoặc bài viết để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin/ bài viết: tên bản tin/ bài viết, tên tác giả, câu chủ đề, thông tin chính,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin/ bài viết.

1.2.3. Chia sẻ về bản tin, bài viết đã đọc

– HS trao đổi bản tin hoặc bài viết cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về hình thức (cách trình bày, sắp xếp thông tin,...) của bản tin hoặc bài viết đã đọc,...

– Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Bình luận viên nhí”

– HS xác định yêu cầu BT.

– HS đọc và bình luận về bản tin hoặc bài viết trong nhóm nhỏ.

– HS bình chọn “Bình luận viên nhí” xuất sắc của nhóm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép về bản tin, bài viết được nghe chia sẻ

– HS ghi chép tóm tắt về một bản tin hoặc bài viết được nghe chia sẻ vào sổ tay Tiếng Việt.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn

2.1. Xác định từ ngữ dùng để liên kết câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý: “mùa hạ” ở câu ① được lặp lại ở câu ② → liên kết câu ① và câu ②; “Nhưng” liên kết câu ③ và câu ④; “mùa của nắng vàng rực rỡ” ở câu ④ thay cho “mùa hạ” ở câu ① và câu ② → liên kết câu ④ với câu ① và câu ②.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chọn một từ phù hợp trong khung thay cho mỗi ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án: chào mào (chúng); Chúng; Rồi.).

– HS trao đổi bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phát hiện lỗi liên kết câu và chữa lỗi

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Dùng sai từ ngữ có tác dụng nối → thay “Sau đó” bằng “Ngoài ra”.

b. Dùng sai từ ngữ có tác dụng nối → thay “Đây” ở câu thứ 2 và câu thứ 3 bằng “Đó”.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn giới thiệu lễ hội đèn lồng nổi tại Hà-oai

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS nhớ lại nội dung bài đọc “Lễ hội đèn lồng nổi”, làm bài vào VBT, gạch dưới các từ được dùng để liên kết.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

3.1. Nhận diện đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi.

(Gợi ý:

a. Đoạn văn viết về cô bé người Nhật Xa-đa-kô – nhân vật trong bài đọc “Những con hạc giấy” và cũng là nhân vật trong truyện “Ngàn hạc giấy của Xa-đa-kô” do chính anh trai của em – Xa-xa-ki Ma-xa-hi-rô viết.

b. Bạn Minh Sơn giới thiệu tên nhân vật và tên tác phẩm.

c. Ở các câu văn tiếp theo, bạn giới thiệu về:

+ Hoàn cảnh: bị nhiễm chất phóng xạ của bom nguyên tử; quá trình chữa trị của em và cả gia đình.

+ Việc làm: kiên cường chống lại bệnh tật; tỉ mỉ xếp những con hạc giấy; âm áp, hiểu thảo khi dành cho bố mẹ những nguyện ước tốt đẹp.

+ ...

d. Bạn khẳng định câu chuyện của Xa-đa-kô đã trở thành biểu tượng tinh thần chống chiến tranh và vũ khí hạt nhân ở Nhật Bản và trên toàn thế giới. → Nhận xét, đánh giá về nhân vật.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Chia sẻ về nhân vật em thích trong một cuốn sách đã đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc các gợi ý và trả lời thêm các câu hỏi của GV trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu:

+ Em thích nhân vật nào? Nhân vật ấy có ở cuốn sách nào?

+ Em thích những điều gì về nhân vật đó?

+ ...

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm bài thơ, bài hát,... nói về hoà bình.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: *Sưu tầm bài thơ, bài hát theo yêu cầu của hoạt động.*

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Chia sẻ với bạn cảm xúc của em về bài thơ, bài hát,... đã sưu tầm.*

– HS chia sẻ bài thơ hoặc lời bài hát trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc trong nhóm và trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ A-PÁC-THAI

(tiết 26 – 28, SHS, tr. 114 – 116)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về một quốc gia ở châu Phi mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Phản ánh chế độ phân biệt chủng tộc và ca ngợi cuộc đấu tranh của người da đen ở Nam Phi.*
3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Hoà bình*.
4. Tìm được ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.
5. Ghi lại được một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai trong bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Hình ảnh hoặc video clip về một vài quốc gia ở châu Phi (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Bất bình” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về một quốc gia ở châu Phi mà em biết (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip đã chuẩn bị) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng, ...*).
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *a-pác-thai, Nen-xon Man-đê-la,...*
 - + Luyện đọc một số câu dài:
 - *Ở nước này,/ người da trắng chỉ chiếm 1/5 dân số,/ nhưng lại nắm gần 9/10 đất trông trọt,/ 3/4 tổng thu nhập/ và toàn bộ hầm mỏ,/ xí nghiệp,/ ngân hàng, ...//;*
 - *Họ phải sống,/ chữa bệnh,/ đi học ở những khu riêng/ và không được hưởng tự do,/ dân chủ.//;*
 - *Cuộc đấu tranh dũng cảm/ và bền bỉ của họ/ được sự ủng hộ của những người yêu chuộng tự do/ và công lí trên toàn thế giới,/ cuối cùng đã giành được thắng lợi.//;...*
 - + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
 - Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến “tên gọi a-pác-thai”.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến “dân chủ”.
 - + Đoạn 3: Còn lại.
- (Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Người da trắng: chỉ chiếm 1/5 dân số nhưng lại nắm gần 9/10 đất trông trọt, 3/4 tổng thu nhập và toàn bộ hầm mỏ, xí nghiệp, ngân hàng,...; Người da đen: phải làm những công việc nặng nhọc nhưng lương chỉ bằng 1/7 hay 1/10 lương của công nhân da trắng. Họ phải sống, chữa bệnh, đi học ở những khu riêng và không được hưởng tự do, dân chủ.*

+ Câu 2: *Để xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc, người da đen đã dũng cảm đứng lên và bền bỉ đấu tranh để đòi lại quyền bình đẳng.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Vì a-pác-thai là chế độ phân biệt chủng tộc xấu xa, tạo nên sự bất bình trong xã hội. Cần phải xoá bỏ chế độ này để mọi người không phân biệt màu da và đều được hưởng quyền bình đẳng.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Nen-xon Man-đê-la là một luật sư da đen. Ông từng bị giam cầm suốt 27 năm vì đấu tranh chống chế độ a-pác-thai. Ông được tin tưởng bầu làm Tổng thống.*

- HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1 và 2: *Sự bất công mà người da đen ở Nam Phi phải chịu khi sống dưới chế độ phân biệt chủng tộc a-pác-thai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 3: *Công cuộc đấu tranh đòi bình đẳng của người da đen ở Nam Phi.*

+ HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng.*).

Bất bình với chế độ a-pác-thai, người da đen đã đứng lên đòi bình đẳng.// Cuộc đấu tranh dũng cảm và bền bỉ của họ/ được sự ủng hộ của những người yêu chuộng tự do/ và công lí trên toàn thế giới./ cuối cùng đã giành được thắng lợi.// Ngày 17 tháng 6 năm 1991,/ chính quyền Nam Phi/ buộc phải hủy bỏ sắc lệnh phân biệt chủng tộc.// Ngày 27 tháng 4 năm 1994,/ cuộc tổng tuyển cử đa sắc tộc đầu tiên được tổ chức.// Luật sư da đen Nen-xon Man-đê-la,/ người từng bị giam cầm suốt 27 năm/ vì đấu tranh chống chế độ a-pác-thai,/ được bầu làm Tổng thống.// Chế độ phân biệt chủng tộc xấu xa nhất hành tinh đã chấm dứt.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Hoà bình

2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các thẻ ở mỗi cột.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: A1 – B2, A2 – B1, A3 – B4, A4 – B3).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS có thể đặt câu với mỗi từ ở cột A để hiểu rõ nghĩa (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Xếp các từ vào hai nhóm và đặt câu với một từ thuộc mỗi nhóm

– HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS hoạt động nhóm 4 để thực hiện yêu cầu bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

(Đáp án:

+ *Nhóm các từ chứa tiếng “bình” có nghĩa là không có chiến tranh: yên bình, thái bình, bình lặng.*

+ Nhóm các từ chứa tiếng “bình” có nghĩa là đánh giá: bình xét, bình bầu, bình phẩm, bình giá, bình luận.).

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS làm bài vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Chọn một từ phù hợp trong khung thay cho mỗi ☼

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu (Đáp án: *mong ước; hạnh phúc; gìn giữ; thanh bình*).
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi đọc một bài thơ hoặc một truyện thuộc chủ đề “Khúc ca hoà bình”

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Em thích nhân vật nào?
 - + Nhân vật em thích xuất hiện trong cuốn sách nào?
 - + Nhân vật đó có hoàn cảnh/ xuất thân như thế nào?
 - + Nhân vật có những hành động hoặc tính cách gì đặc biệt?
 - + Nhân vật đó đã giải quyết những khó khăn gặp phải như thế nào?

+ Nhân vật đó đã gọi ra cho em những suy nghĩ gì?

+ ...

– HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ.

– HS nhận xét, góp ý trong nhóm.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (**Lưu ý:** HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về câu chuyện và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết câu giới thiệu về nhân vật

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS dựa vào nội dung đã thực hiện ở BT 1, làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai trong bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”.*

– HS nhớ lại nội dung bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”, ghi vào sổ tay một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chủ điểm 8. CHÂN TRỜI RỘNG MỞ (Tuần 32 – 33 – 34)

Chủ điểm “Chân trời rộng mở” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: biết nuôi dưỡng ước mơ, cảm nhận được niềm vui, niềm hạnh phúc trong học tập, sáng tạo, biết trân trọng thành quả sáng tạo và hướng đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết trân trọng, giữ gìn những kỉ niệm đẹp; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; biết tìm tòi, khám phá, sáng tạo và chinh phục để đi tới những “chân trời mới”,...*

BÀI 1: LỜI HỨA (tiết 1 – 4, SHS, tr. 117 – 120)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về một lời hứa của em với bạn bè hoặc người thân và việc em thực hiện lời hứa đó; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kể về cuộc trò chuyện giữa Tốt-tô-chan với thầy hiệu trưởng và ước mơ trở thành cô giáo của Tốt-tô-chan*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình yêu, sự quan tâm, tin tưởng vào học sinh của thầy hiệu trưởng đã nuôi dưỡng nên những ước mơ tươi đẹp*.
3. Nhận diện được cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài.
4. Viết được đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.
5. Tìm đọc được truyện “Totto-chan bên cửa sổ” của nhà văn Ku-rô-y-a-na-gi Tét-su-kô.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về một số nhân vật trong truyện là người nước ngoài hoặc địa danh nước ngoài (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tốt-tô-chan giơ ngón út” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Chân trời rộng mở” (Gợi ý: *Không ngừng tìm tòi, khám phá, sáng tạo để chinh phục thế giới. Từ đó, đưa ta đến những chân trời mới với bao ước mơ, hi vọng,...*).
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ về một lời hứa của em và việc em thực hiện lời hứa đó → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Lời hứa”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Lời hứa

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ chỉ đặc điểm; giọng Tốt-tô-chan trong sáng, hồn nhiên; giọng thầy hiệu trưởng trù mến,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật:

• *Tưởng chừng như lâu lắm rồi,/ cái hồi lớp Một ấy,/ lần đầu tiên Tốt-tô-chan gặp thầy hiệu trưởng.//;*

• *Giọng nói ấm áp của thầy khi bảo:/ “Từ hôm nay/ em là học sinh của trường.”.//;*

• *Tuy hơi khó để tưởng tượng ra Tốt-tô-chan lúc lớn/ nhưng thầy biết/ em có thể trở thành cô giáo ở Tô-mô-e.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “trở thành cô giáo”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “thầy Kô-ba-y-a-si mỉm cười”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Tốt-tô-chan nói với thầy hiệu trưởng ước mơ khi lớn lên sẽ trở thành cô giáo ở trường Tô-mô-e. Thầy hiệu trưởng hỏi: “Em hứa chứ?”.*

+ Câu 2: *Những chi tiết thể hiện thái độ nghiêm túc của hai thầy trò khi Tốt-tô-chan trình bày quyết tâm của mình:*

• *Thầy hiệu trưởng: Thầy ngồi xuống, xếp chân vòng tròn, cười hỏi Tốt-tô-chan. Thái độ của thầy rất nghiêm túc, có vẻ như thầy thực sự muốn Tốt-tô-chan trở thành cô giáo. Khi Tốt-tô-chan nói xong thầy mỉm cười. Thầy giơ ngón út để ngoắc tay với cô bé.*

• *Tốt-tô-chan*: Khi thầy hiệu trưởng còn chưa ra, *Tốt-tô-chan* đã đứng giữa hội trường. Khi nói chuyện, *Tốt-tô-chan* quỳ gối ngay ngắn trước mặt thầy, nói một cách chậm rãi, dịu dàng. Khi thầy hỏi “Em hứa chứ?”, *Tốt-tô-chan* gật đầu thật mạnh và trả lời thầy: “Em hứa!” và tự nhủ rằng nhất định mình sẽ trở thành cô giáo.

+ Câu 3: Buổi nói chuyện gợi cho *Tốt-tô-chan* nhớ lại ngày đầu tiên em tới trường *Tô-mô-e*: Thầy hiệu trưởng đã ngồi nghe em kể chuyện tận bốn tiếng đồng hồ. Giọng nói ấm áp của thầy khi bảo: “Từ hôm nay em là học sinh ở đây.”. Chính sự quan tâm, tình cảm của thầy *Kô-ba-y-a-si* đã nuôi dưỡng ước mơ trở thành cô giáo của *Tốt-tô-chan*.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Hình ảnh hai thầy trò ngó tay giao hẹn gợi cho em thấy lòng quyết tâm của *Tốt-tô-chan* và sự tin tưởng vào cô học trò nhỏ của thầy hiệu trưởng,...

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Tình yêu, sự quan tâm, tin tưởng vào học sinh của thầy hiệu trưởng đã nuôi dưỡng trong các bạn học sinh những ước mơ đẹp đẽ.

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: Cuộc trò chuyện giữa thầy *Kô-ba-y-a-si* và *Tốt-tô-chan*.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: Hồi ức về ngày đầu tiên đến trường và quyết tâm trở thành cô giáo của *Tốt-tô-chan*.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: Lời hứa của hai thầy trò.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hành động, cảm xúc của nhân vật.):

Tốt-tô-chan giơ ngón út ra trước mặt thầy://

– Em hứa!//

Thầy cũng giơ ngón út ra.// Hai thầy trò ngó tay giao hẹn.// Thầy hiệu trưởng cười.// Nhìn thấy thầy vui, *Tốt-tô-chan* cảm thấy yên tâm và cười theo://

Trở thành cô giáo của *Tô-mô-e*!//

Thật tuyệt vời làm sao.//

Nếu mình là cô giáo...//

Tốt-tô-chan tương tương ra rất nhiều thứ.//

Thầy Kô-ba-y-a-si vui lắm.// Tuy hơi khó để tương tương ra Tốt-tô-chan lúc lớn/ nhưng thầy biết/ em có thể trở thành cô giáo ở Tô-mô-e.// Bất cứ bạn nào học ở Tô-mô-e/ sau này đều có thể trở thành thầy cô giáo ở đây.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể về một thầy giáo hoặc cô giáo có sức ảnh hưởng đối với em.*

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Viết tên người, tên địa lí nước ngoài

2.1. Tìm và nhận xét cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm tên người, tên địa lí nước ngoài có trong mỗi đoạn văn và nhận xét cách viết.

(Đáp án:

a. Ma-chu Pi-chu, U-ru-bam-ba, Pê-ru, Hi-ram Bing-ham.

b. Ma-thê-son, Niu Di-lân, Mao-thơ Cúc, Tát-ma.

→ Gồm một hoặc hai bộ phận; viết hoa chữ đầu mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng có dấu gạch nối.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Nhận xét cách viết tên người, tên địa lí trong các câu văn

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý: *a. Phú Sĩ, Nhật Bản; b. Lý Hiền Long* → *Viết hoa như viết tên người, tên địa lí Việt Nam.*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.3. Viết tên người, tên địa lí nước ngoài

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật *Mảnh ghép* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Sông Von-ga

c. Dãy núi Grăng Ti-ton

b. Đảo Bô-ra Bô-ra

d. Đất nước Phi-líp-pin.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu giới thiệu một nhân vật hoặc một địa danh

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi, kết hợp quan sát tranh ảnh hoặc video clip (nếu có).

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

3.1. Thực hành viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

– HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về nhân vật).

– HS viết đoạn văn vào VBT.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu có) dựa trên các gợi ý:

+ Nội dung giới thiệu có giúp người đọc hình dung về nhân vật hay không?

+ Các nội dung giới thiệu về nhân vật đã được sắp xếp theo trình tự phù hợp hay chưa?

+ ...

3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh đoạn văn đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài của bạn.
- HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm đọc truyện “Totto-chan bên cửa sổ” của nhà văn Ku-rô-y-a-na-gi Tét-su-kô.*
- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: CHIÊN CHIÊN BAY LÊN (tiết 5 – 7, SHS, tr. 121 – 124)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn những điều quan sát từ tranh minh hoạ của bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sự gắn bó, hoà quyện của những con chim chiên chiên với thiên nhiên và với những người dân lao động bình dị. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình cảm yêu mến thiết tha của tác giả với loài chim chiên chiên và quê hương.*
3. Giới thiệu được về một địa điểm vui chơi.
4. Nhận diện được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.
5. Ghi lại được những từ ngữ gợi tả tiếng hót của chim chiên chiên trong bài đọc “Chiên chiên bay lên” mà em thích và giải thích lí do.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tỉ vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh minh hoạ SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh buổi chiều ở đồng quê (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một địa điểm vui chơi (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Theo với tiếng chim” đến “tâm hồn họ”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi với bạn những điều quan sát được trong tranh minh hoạ của bài đọc (địa điểm; thời gian; không gian; cảnh vật; suy nghĩ, cảm xúc;...) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Chiền chiện bay lên”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Chiền chiện bay lên

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thong thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Nhưng viên đá ấy/ như có một sức thần không rơi xuống,/ nó cứ lao vút,/ lao vút mãi lên chín tầng mây...//;*

• *Theo với tiếng chim bay lên,/ từ không trung vọng xuống một tiếng hót trong sáng/ điệu kì,/ giọng riu ran đỗi hời,/ âm điệu hài hoà đến tinh tế...//;*

• *Đến như tôi,/ một cậu bé chăn trâu/ cũng mê đi trong tiếng hót chiền chiện giữa chiều/ mà bầu trời,/ mặt đất,/ hồn người đều trong sáng...//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *riu ran* (từ mô phỏng những âm thanh rộn rã như tiếng chim hót); *hồn hậu* (hiền từ, luôn muốn đem đến những điều tốt lành cho người khác);...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “bay lên đây!”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “tâm hồn họ”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Sự xuất hiện của con chim chiến chiến trong đoạn đầu được tả bằng hình ảnh: một cánh chiến chiến bay lên từ một bờ sông. Thoạt đầu như một viên đá ném vút lên trời. Nhưng viên đá ấy như có một sức thần không rơi xuống, nó cứ lao vút, lao vút mãi lên chín tầng mây, ...*

+ Câu 2: *Những từ ngữ gợi tả tiếng hót của con chim chiến chiến ở đoạn 2: tiếng chim bay lên, trong sáng diệu kì, riu ran đồ hồi, âm điệu hài hoà đến tinh tế, vừa đượm vẻ hồn nhiên, vừa thơ thới, thanh thản,... Cách sử dụng từ ngữ đa dạng, phong phú, vừa đặc tả được tiếng chim, vừa thể hiện được sức truyền cảm của tiếng hót chim chiến chiến.*

+ Câu 3: *Chim gieo niềm yêu đời vô tư cho những người đang lam lũ trên mặt đất vì tiếng hót của nó trong sáng diệu kì, giọng riu ran đồ hồi, âm điệu hài hòa đến tinh tế. Giọng hót vừa đượm vẻ hồn nhiên, vừa thơ thới, thanh thản,...*

+ Câu 4: *Các từ “thanh bình”, “tươi sáng”, “yên vui” phù hợp để nhận xét về khung cảnh được tả trong bài đọc. HS trả lời lí do chọn từ theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Vì con người hiền hoà, chăm chỉ lao động, người nào việc ấy; còn thiên nhiên thì trong trẻo, tươi mới. Con người và thiên nhiên dường như có sự gắn bó, hoà quyện.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Riu ran đồ hồi – thể hiện được sự lạnh lốt, vang vọng của tiếng chim giữa trời đất bao la,...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Sự xuất hiện của con chim chiến chiến.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Điều kì diệu của tiếng chim chiến chiến*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Sự hoà quyện giữa con người với thiên nhiên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung và ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của tự nhiên,...*):

Theo với tiếng chim bay lên,/ từ không trung vong xuống một tiếng hót trong sáng diệu kì,/ giọng riu ran đồ hồi,/ âm điệu hài hoà đến tinh tế.// Giọng hót vừa đượm vẻ hồn nhiên,/ vừa thơ thới,/ thanh thản...// Chim gieo niềm yêu đời vô tư/ cho những người lam

lũ trên mặt đất.// Lúc ấy,/ trên cánh đồng,/ vẫn người nào việc ấy.// Người làm cỏ vẫn làm
cỏ,/ người xới xáo vẫn xới xáo,/ người cày cuốc vẫn cày cuốc...// Nhưng tiếng chim hùn
hâu/ đang nhập lắng lẽ vào tâm hồn họ.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu một địa điểm vui chơi

2.1. Giới thiệu về một địa điểm vui chơi

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu một địa điểm vui chơi mà em biết dựa vào gợi ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị):
 - a. Em biết địa điểm vui chơi nào? (Gợi ý: Công viên nước, sở thú,...)
 - b. Giới thiệu về địa điểm vui chơi đó:
 - + Tên
 - + Địa chỉ
 - + Cảnh quan
 - + Các khu vực vui chơi
 - + Cảm xúc
 - + ...
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Ghi lại những thông tin chính về một địa điểm vui chơi được giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nhớ lại nội dung ở BT 1, ghi lại các thông tin vào sổ tay Tiếng Việt.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

3.1. Nhận diện đoạn văn bày tỏ ý kiến về một hiện tượng, sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi.
(Gợi ý:
 - a. Câu văn mở đầu nêu hiện tượng, sự việc: đội mũ bảo hiểm không bắt buộc đối với người đi xe đạp.)

b.

+ Câu văn thể hiện ý kiến của bạn: Tuy nhiên, em cho rằng đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp là một việc làm rất cần thiết.

+ Câu văn nói về những lí do bạn đưa ra để bảo vệ ý kiến của mình: Hiện nay, hầu hết đường giao thông ở nước ta chưa có làn dành riêng cho người đi xe đạp. Hơn nữa, đa số người đi xe đạp là người lớn tuổi và học sinh. Vì vậy, việc di chuyển bằng xe đạp có những rủi ro. Nếu không may có tai nạn xảy ra, mũ bảo hiểm giúp người đi xe đạp tránh hoặc hạn chế những chấn thương ở đầu.

c. Câu cuối đoạn khẳng định một lần nữa về mong muốn của người viết: mong mọi người hãy đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp vì an toàn cho chính mình.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Thực hành bày tỏ ý kiến về một hiện tượng, sự việc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:

+ Em tán thành hay không tán thành với việc học sinh tiểu học tự đi bộ đi học?

+ Em tán thành hay không tán thành với việc học sinh tiểu học tự đi xe đạp đi học?

+ Em sẽ dùng những lí do gì để bảo vệ ý kiến đó?

+ ...

– HS chọn một ý kiến, viết nhanh một vài lí do dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản vào nháp.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– HS chia thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm trình bày các lí do để bảo vệ ý kiến của mình.

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: Ghi lại 3 – 4 từ ngữ gợi tả tiếng hót của chim chiến chiến trong bài đọc “Chiến chiến bay lên” mà em thích.

– HS nhớ lại nội dung bài đọc “Chiến chiến bay lên”, ghi những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài đọc vào sổ tay Tiếng Việt.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: Viết 2 – 3 câu giải thích lí do em thích những từ ngữ đó.

– HS thực hiện hoạt động cá nhân, viết câu giải thích lí do vào Sổ tay Tiếng Việt.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: THƠ VIẾT CHO NGÀY MAI

(tiết 8 – 11, SHS, tr. 125 – 128)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn điều đọng lại trong em sau những năm học tiểu học và mong ước của em sau khi kết thúc năm học lớp Năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảm xúc băng khuâng, lưu luyến với trường lớp và ước mong của các bạn học sinh cho ngày mai*. Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Tuổi thơ với những kỉ niệm đẹp đẽ, trong trẻo và sự tin yêu, kì vọng của thầy cô sẽ viết nên một tương lai tốt đẹp cho các bạn*.

– Tìm đọc được một bài thơ hoặc lời bài hát viết về ước mơ hoặc sự sáng tạo của thiếu nhi; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Nghệ sĩ nhí”: đọc hoặc hát và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về bài thơ hoặc lời bài hát; ghi lại được những điều học được hoặc điều tâm đắc về một bài thơ hoặc lời bài hát được nghe bạn chia sẻ.

3. Luyện tập viết tên người, tên địa lí nước ngoài.

4. Tìm được ý cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

5. Viết được lưu bút gửi thầy cô hoặc bạn bè của em trước khi chia tay mái trường tiểu học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi ba khổ thơ đầu.

– HS mang tới lớp bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chân trời rộng mở” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn điều đọng lại trong em sau những năm học tiểu học và mong ước của em sau khi kết thúc năm học lớp Năm → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc “Thơ viết cho ngày mai”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Thơ viết cho ngày mai

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, trêu mếu; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, hoạt động, trạng thái, cảm xúc của con người và sự vật được nhắc đến trong bài thơ.)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Đã nghe/ khúc ca vào hạ/

Đã nghe/ phượng thắm trên cành/

Ngày mai,/ chân trời rộng mở/

Giục bàn chân bước/ nhanh nhanh...//

Ngày mai,/ muôn điều mới lạ/

Viết từ/ thơ ấu ngọt ngào/

Viết từ/ lời thầy nhắn nhủ/

Với bao kì vọng,/ tin yêu...//

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

Gợi ý:

+ Câu 1: Ở khổ thơ đầu, cơn mưa và tiếng ve được tả bằng hình ảnh: cơn mưa “lao xao, chạm lên hiên nhà”, ve “thêu sọc âm thanh mỏng, dịu dàng trên mấy nhành hoa”.

+ Câu 2: Bạn nhỏ cảm thấy băng khuâng khi nhớ về mái trường vì nơi đó bạn nhỏ đã gắn bó suốt những năm tháng tiểu học, là nơi bạn cảm nhận được tình yêu thương của

thầy cô, bè bạn; Nơi đây cũng lưu giữ lại bao kỉ niệm đẹp: hình ảnh bạn bè chuyền nhau lưu bút qua ô cửa sổ xanh ngời, những dòng lưu bút dễ thương của bạn bè gọi cho bạn nhỏ những cảm xúc đẹp để trước giờ chia tay.

+ Câu 3: Điều tác giả muốn nhắn nhủ đến các bạn nhỏ: Ngày mai của bạn nhỏ được viết từ những điều ngọt ngào thời thơ ấu và từ những lời nhắn nhủ đầy kì vọng, tin yêu của thầy cô, những điều đó sẽ nâng bước, đưa các bạn đến với tương lai tươi sáng.

+ Câu 4: HS trả lời lí do theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Tuy mùa hè sắp đến, chúng em sắp phải chia tay trường học và thầy cô, bạn bè, nhưng qua mùa hè là một năm học mới với những điều mới mẻ. Ở đó sẽ có trường mới, lớp mới, thầy cô đang chờ chúng em khám phá, giục chúng em mau mau bước đến ngày mai tươi sáng, phía trước có chân trời rộng mở và muôn điều mới lạ,...)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cơn mưa và tiếng ve báo hiệu một mùa hè sắp bắt đầu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Những kỉ niệm thân thương và cảm xúc của bạn nhỏ với bạn bè, trường lớp.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Âm thanh mở đầu mùa hè và sự kì vọng, tin yêu của thầy cô đối với các bạn HS → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa của bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1, 2 và xác định giọng đọc hai đoạn này (Gợi ý: Giọng trong trẻo, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của sự vật, nhân vật):

*Có/ một cơn mưa mùa hạ/
Lao xao/ chạm lên hiên nhà/
Ve/ thêu sợi âm thanh mỏng/
Diu dàng/ trên mấy nhành hoa.//*

*Em/ đọc một câu chuyện nhỏ/
Bâng khuâng/ nhớ góc sân trường/
Nơi/ muôn nụ cười lấp lánh/
Kết đọng/ thành bao yêu thương.//*

*Bạn bè/ chuyền tay lưu bút/
Qua ô cửa sổ/ xanh ngời...//*

*“Lớp Sáu/ ước chung một lớp/
Rôn ràng/ giờ học,/ giờ chơi...”//*

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp một đoạn hoặc cả bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Chân trời rộng mở”

1.2.1. Tìm đọc thơ, lời bài hát

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chân trời sáng tạo” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet một bài thơ hoặc lời bài hát:

+ Về ước mơ của thiếu nhi (Gợi ý: *Câu chuyện vẽ tranh* – Võ Quảng; *Em là hoa hồng nhỏ* – Trịnh Công Sơn;...).

+ Về sự sáng tạo của thiếu nhi (Gợi ý: *Tiếng sáo* – Hoàng Trung Thông; *Ai dắt biển lên trời?* – Minh Huệ;...).

+ ...

– HS chuẩn bị bài thơ hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát: tên bài thơ hoặc lời bài hát; tác giả; từ dùng hay; hình ảnh đẹp; tình cảm, cảm xúc của em;...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ hay nội dung lời bài hát.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc lời bài hát đã đọc

– HS đọc bài thơ hoặc lời bài hát, trao đổi bài thơ hoặc lời bài hát cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về từ ngữ hay, hình ảnh đẹp; tình cảm, cảm xúc của em khi đọc; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về vần nhịp, hình ảnh gây ấn tượng;...

– Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi “Nghệ sĩ nhí”

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS thi trong nhóm: Đọc hoặc hát và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về bài thơ hoặc bài hát.
- Mỗi nhóm chọn 1 – 2 HS thi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.5. Ghi chép những điều học được hoặc điều tâm đắc

- HS nhớ lại những điều học được hoặc điều tâm đắc về một bài thơ hoặc lời bài hát được chia sẻ mà em thích.
- HS ghi chép lại những điều học được hoặc những điều tâm đắc vào sổ tay:
 - + Nội dung
 - + Ý nghĩa
 - + Hình thức
 - + ...
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập viết tên người, tên địa lí nước ngoài

2.1. Tìm và viết lại cho đúng tên người, tên địa lí nước ngoài

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
 - HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.
- (Đáp án:
- a. Tô-Ki-Ô → Tô-ki-ô; Nhật bản → Nhật Bản
 - b. Lu-i pa-xơ → Lu-i Pa-xơ
 - c. Sin-xô i-tô → Sin-xô I-tô; Ha-Oai → Ha-oai
 - d. Giét-Thon → Giét-thon; Ô-vơ-Rít-sen → Ô-vơ-rít-sen; Am-Xtéc-Đam → Am-xtéc-đam)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Viết câu giới thiệu có tên người, tên địa lí nước ngoài

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn góp ý, chỉnh sửa.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về việc một nhân vật là người nước ngoài có trong truyện đã học

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.
- 3 – 4 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Tìm ý cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc và trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:
 - + Em tán thành hay không tán thành việc học sinh tiểu học đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường?
 - + Em sẽ dùng những lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình?
 - Tán thành: Những lợi ích gì mang lại khi học sinh tiểu học đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường?
 - Không tán thành: Những mối nguy hiểm nào hoặc những điều khó khăn nào có thể mang lại khi học sinh tiểu học đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường?
 - + ...
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (**Lưu ý:** HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip và ghi chép vắn tắt vào VBT hoặc vở nháp bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản).
- HS chia thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm trình bày các lí do để bảo vệ ý kiến của mình.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh những ý chính cho đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài của bạn.
- HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết 2 – 3 dòng lưu bút gửi thầy cô hoặc bạn bè của em trước khi chia tay mái trường tiểu học.*
- HS hoạt động cá nhân, viết 2 – 3 dòng lưu bút gửi thầy cô hoặc bạn bè vào sổ tay Tiếng Việt.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: BÀI CA VỀ MẶT TRỜI (tiết 12 – 14, SHS, tr. 129 – 132)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn đọc và giải được câu đố về mặt trời, mặt trăng và các vì sao; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những quan sát và cảm nhận tinh tế của tác giả về cảnh đàn chim sẽ đón chào ngày mới và cảnh mặt trời mọc.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Tình yêu cuộc sống của tác giả đã cất lên thành bài ca hoà cùng bài ca của thiên nhiên.*
3. Luyện tập sử dụng được từ ngữ.
4. Viết được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.
5. Viết được vào sổ tay những từ ngữ, hình ảnh đẹp trong bài đọc “Bài ca về mặt trời”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Một số hình ảnh, video clip về cảnh bình minh ở vùng nông thôn (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Vầng mặt trời đã lên từ bao giờ” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thi đố các câu đố về mặt trời, mặt trăng và các vì sao (HS có thể sử dụng các câu đố dân gian), gợi ý:

Sớm sớm nét mặt hiền hoà,
Đến trưa mặt đỏ chói loà gắt gay
Chiều về mặt lại hiền ngay
Đêm đêm giấu mặt trong mây trốn tìm.

Là gì? (Đáp án: *Mặt trời*)

Khi tròn, khi khuyết

Nhấp nha nhấp nháy

Lúc tỏ, lúc mờ

Trên bầu trời đêm

Có cây đa, chú Cuội

Buổi sáng em tìm

Ngồi chơi cùng trời mây.

Trốn đâu hết cả.

Là gì? (Đáp án: *Mặt trăng*)

Là gì? (Đáp án: *Ngôi sao*)

→ xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Bài ca về mặt trời”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Bài ca về mặt trời

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng trong sáng, tươi vui, nhấn giọng ở những từ ngữ tả âm thanh, cảnh vật, hoạt động, trạng thái, cảm xúc của nhân vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật (nếu có):

• *Dàn đồng ca chim sẽ khi bổng khi trầm,/ khi nhanh khi chậm,/ xôn xao vòm không gian.//;*

• *Trái tim tôi/ bổng vang lên một bài ca/ hoà với bài ca của những con chim sẽ trên trời cao.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “cùng trông thấy được”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “càng nhích dần lên”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, trùm lấp một khoảng sân; chim sẻ thì nhau cất tiếng hót của hội hè, dàn đồng ca, khi bổng khi trầm, khi nhanh khi chậm, gây xôn xao cả một vòm không gian, ...*

+ Câu 2: *Sự thay đổi của vầng mặt trời: sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ đỏ → nhô dần lên → bay lên khỏi vòm cây → giống một chiếc mâm đồng đỏ bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng... → Cách tả đó làm cho vầng mặt trời trở nên rõ nét, sinh động hơn.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Bài ca về mặt trời vang lên trong trái tim nhân vật tôi được gọi ra từ tình yêu thiên nhiên, tình yêu cuộc sống của nhân vật tôi và vẻ đẹp trong trẻo, đáng yêu, thanh bình của vạn vật vào thời khắc bình minh.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Bài ca về chiếc mâm đồng đỏ, Dàn đồng ca mùa hạ,...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi phụ và câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Đàn chim sẻ cất tiếng hót vui vẻ khiến tác giả chú ý tìm hiểu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Tiếng hót rộn ràng của đàn chim sẻ như cùng đua theo mặt trời buổi bình minh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *“Bài ca về mặt trời” ngân lên từ trái tim của tác giả hoà nhịp cùng bài ca của đàn chim sẻ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc giọng trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm, hoạt động, trạng thái của người, vật; cảm xúc suy nghĩ của nhân vật.*):

Vầng mặt trời/ đã lên từ bao giờ?// Chắc là nó đã nhô lên khỏi mặt biển/ trước khi nhô lên khỏi vòm cây.// Trái tim tôi/ bỗng vang lên một bài ca/ hoà với bài ca của những con chim sẻ trên trời cao.// Bài ca về mặt trời.//

Mâm đồng đỏ.//

Mâm đồng đỏ.//
Suốt đêm/ tắm biển/
Làm/ nước biển sôi/
Ngày/ trở về trời/
Mâm đồng/ không nguôi/
Mâm đồng/ đỏ chói.//
Mặt trời.// Mặt trời...//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ ngữ

2.1. Chọn một từ phù hợp trong ngoặc đơn thay cho mỗi ❀

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu.
(Đáp án: vô ngân, óng ánh, phản chiếu, dịu dịu, lạnh lót)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm từ gợi tả màu sắc của mặt trời

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: đỏ rực, đỏ lừ, đỏ ối, đỏ ửng, ...).
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu tả vẻ đẹp của mặt trời vào lúc bình minh hoặc hoàng hôn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại các từ tìm được ở BT 2, hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, làm bài vào VBT.

Lưu ý: HS viết câu theo suy nghĩ và cảm nhận cá nhân. GV có thể hướng dẫn HS tìm từ gợi tả màu đỏ của mặt trời lúc bình minh hay lúc hoàng hôn phù hợp, VD: “đỏ ửng” thường dùng gợi tả màu sắc mặt trời lúc bình minh, còn “đỏ lừ”, “đỏ ối” thường dùng gợi tả màu sắc mặt trời lúc hoàng hôn.

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu để phân biệt nghĩa của các từ

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

Lưu ý: HS viết câu theo suy nghĩ và cảm nhận cá nhân. Trong câu có thể dùng cụm từ “rổ đựng rau”, “túi đựng bài kiểm tra”, “tủ đựng quần áo”, “chai đựng nước”,...; “giữ thang”, “giữ cho khỏi rơi”, “giữ khách ở lại”,...; “mang theo sách vở”, “mang ba lô áo quần”,...

(Gợi ý:

- + *Đựng:* Nước mưa đầu mùa mát lạnh được bà đựng trong lu.
- + *Giữ:* Những cây non cần được đóng trụ để giữ cho cây cố định, không bị đổ ngã khi có mưa bão.
- + *Mang:* Những cơn gió đầu mùa mang theo hơi lạnh, xua tan đi cái nóng của những ngày hè oi ả.)

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: *Từ phù hợp để thay vào các ☹: “đựng”*).
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Chân trời sáng tạo

**Viết đoạn văn
nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc
(Bài viết số 1)**

3.1. Thực hành viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

- HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các gợi ý, nhớ lại nội dung ở tiết trước, trả lời một vài câu hỏi để thực hiện hoạt động (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip):
 - + Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc thường gồm mấy phần?
 - + Em thể hiện ý kiến về hiện tượng, sự việc như thế nào ở câu mở đầu?
 - + Ở các câu tiếp theo, em sử dụng lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình?
 - + Khi đưa ra lí do, em cần lưu ý những điều gì?
 - + ...

- HS trao đổi trong nhóm đôi, làm bài vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết dựa vào các gợi ý (nếu cần).

3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh đoạn văn đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài của bạn.
- HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết vào sổ tay những từ ngữ, hình ảnh đẹp trong bài đọc “Bài ca về mặt trời”.*
- HS đọc lại bài đọc “Bài ca mặt trời”, trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.
- HS viết từ ngữ, hình ảnh đẹp vào sổ tay Tiếng Việt, trang trí đơn giản và trưng bày ở Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.
- HS tham quan bằng kỹ thuật *Phòng tranh*, bình chọn “Sổ tay ấn tượng”.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: BÊN NGOÀI TRÁI ĐẤT (tiết 15 – 18, SHS, tr. 133 – 136)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về những điều em quan sát trong hai bức ảnh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những hình ảnh cậu bé quan sát được về vũ trụ qua chuyến du hành kì thú trong giấc mơ. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ước mơ được khám phá, chinh phục vũ trụ để phục vụ cuộc sống con người và bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung của nhân loại.*
3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Khám phá*.
4. Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.
5. Cùng bạn trao đổi được về những chi tiết thú vị trong bài đọc “Bên ngoài Trái Đất”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh phi thuyền, phi hành gia, video clip về những chuyến du hành vào vũ trụ; hình ảnh Trái Đất, Mặt Trời và các hành tinh nhìn từ vũ trụ, hình ảnh sao chổi (nếu có); sách “Bên ngoài Trái Đất” (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Tớ nhìn xuống Trái Đất” đến “giật nảy mình”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về những điều quan sát được qua hai bức ảnh (Gợi ý: *tàu vũ trụ, nhà du hành, không gian rộng lớn, mây trắng, ...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Bên ngoài Trái Đất”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Bên ngoài Trái Đất

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, hoạt động, trạng thái, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).
 - + Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:
 - *Ngôi nhà của chúng ta/ trông giống như một tuyệt phẩm điêu khắc/ với cây cối xanh tươi,/ núi đồi trùng điệp.//;*
 - *Trái Đất quả là đẹp tuyệt trần/ với màu lam biếc của nước biển/ và sắc xanh non của cây lá/ hoà quyện cùng màu trắng sữa của những dải mây.//;*
 - *Hóa ra/ đọc một lúc/ tớ đã ngủ thiếp đi lúc nào không hay/ và chuyến hành trình kì thú bay vào vũ trụ/ chỉ là một chuyến hành trình trong mơ mà thôi.//;...*
 - + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “bay vào vũ trụ”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “giật nảy mình”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Phi thuyền xuất hiện với tiếng “è è”, một chiếc phi thuyền đáp xuống, cánh cửa bật mở cùng lời mời gọi vang lên: “Xin mời quý khách!”.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ và cảm nhận riêng. VD: *Vì bạn nhỏ được mời lên phi thuyền, bạn cũng mong muốn được tham gia chuyến hành trình để trải nghiệm và khám phá vũ trụ.*

+ Câu 3: *Từ trên phi thuyền, bạn nhỏ đã thấy: Trái Đất lóng lánh như một viên kim cương, cây cối xanh tươi, núi đồi trùng điệp, màu lam biếc của nước biển và sắc xanh non của cây lá, màu trắng sữa của những dải mây.*

+ Câu 4: *Mặt Trời rực rỡ, bùng sáng như có hàng triệu ngọn nến đang được thắp lên, những ngôi sao đua nhau tỏa sáng, những ngôi sao là những thiên thạch to đùng, có những ngôi sao tinh nghịch chạy chơi trong không trung, trên dải Ngân Hà có vô số ngọc trai, ngôi sao chổi bay vút qua như một vệt pháo hoa, ...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ và cảm nhận riêng. VD: *Chi tiết “Dù có chút sợ hãi nhưng tớ cũng quyết định bước lên phi thuyền.”. Vì chi tiết này thể hiện lòng dũng cảm, ham thích khám phá, trải nghiệm của cậu bé. Tuy chỉ là trong mơ, nhưng nhờ vào quyết định bước lên phi thuyền mà cậu được trải nghiệm một hành trình thú vị trong vũ trụ bao la.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Bạn nhỏ nhận lời mời lên phi thuyền và bay vào vũ trụ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp của Trái Đất, Mặt Trời và những ngôi sao nhìn từ tàu vũ trụ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý đoạn 3: *Bạn nhỏ nhận ra mình có một chuyến hành trình kì thú, bay vào vũ trụ trong giấc mơ → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Giọng trong trẻo, vui tươi, có pha chút ngạc nhiên thích thú; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm của người và cảnh vật; từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật):

Tớ nhìn xuống Trái Đất.// Ánh sáng của Mặt Trời chiếu rọi/ làm Trái Đất lóng lánh như một viên kim cương giữa vũ trụ tối tăm.// Ngôi nhà của chúng ta/ trông giống như một tuyệt phẩm điêu khắc/ với cây cối xanh tươi,/ núi đồi trùng điệp.// Trái Đất quả là đẹp tuyệt trần/ với màu lam biếc của nước biển/ và sắc xanh non của cây lá/ hoà quyện cùng màu trắng sữa/ của những dải mây.//

Tớ phóng tầm mắt ra xa,/ về phía Mặt Trời rực rỡ.// Mặt Trời bừng sáng/ như thể có hàng triệu ngọn nến đang được thắp lên.// Xung quanh tớ là những ngôi sao/ đua nhau tỏa sáng.// Khi đứng dưới mặt đất,/ tớ thấy mấy ngôi sao chỉ là những chấm nhỏ lấp lánh.// Nhưng giờ đây,/ chúng đều là những thiên thạch to đùng.// Có những ngôi sao tinh nghịch/ còn chạy chơi trong không trung.// Còn trên dải Ngân Hà/ lổn nhổn vô số ngọc trai quý giá,/ nằm gọn trong bàn tay của vũ trụ giàu có.// Bỗng một ngôi sao chổi bay vút qua/ như một vệt pháo hoa,/ khiến tớ giật nảy mình.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: Tưởng tượng mình được cùng nhân vật “tớ” tham gia chuyến hành trình bay vào vũ trụ và kể lại chuyến đi.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn những điều tưởng tượng được khi cùng nhân vật “tớ” tham gia chuyến hành trình bay vào vũ trụ.

– 1 – 2 HS kể lại chuyến đi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Khám phá

2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A và chọn từ phù hợp thay cho mỗi ☼

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật Khăn trải bàn để thực hiện yêu cầu (Đáp án: A1 – B2, A2 – B3, A3 – B4, A4 – B1).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, kết hợp giải nghĩa một số từ ngữ.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 1b.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Đáp án: *sáng tạo, khám phá, tìm tòi, nghiên cứu*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm từ ngữ thể hiện cảm xúc khi tham gia trải nghiệm, khám phá

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu (Gợi ý: *phấn khích, tò mò, vui sướng, vui mừng, mừng rỡ, ...*).

– HS chơi trò chơi *Chuyển hoa* để chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến hành trình của bạn nhỏ trong bài “Bên ngoài Trái Đất”

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc lại các từ vừa tìm được ở BT 2, làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Nói về ý nghĩa của câu tục ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT (Gợi ý: *Đi một ngày đường sẽ học được nhiều điều bổ ích, càng đi nhiều sẽ càng học hỏi, hiểu biết được nhiều điều hay lẽ phải → khuyên chúng ta cần không ngừng học tập, trải nghiệm để mở rộng kiến thức*).

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

**Luyện tập tìm ý cho đoạn văn
nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc**

3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động:

+ Em chọn tán thành hay không tán thành việc học sinh tiểu học mang điện thoại thông minh đến trường?

+ Em sẽ dùng những lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình?

• Tán thành: Những lợi ích gì khi học sinh tiểu học mang điện thoại thông minh đến trường? Vì sao?

• Không tán thành: Những vấn đề gì có thể xảy ra khi học sinh tiểu học mang điện thoại thông minh đến trường? Vì sao?

+ ...

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (**Lưu ý:** HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip và ghi chép vắn tắt vào VBT hoặc vở nháp bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản).

– HS chia thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm trình bày các lí do để bảo vệ ý kiến của mình.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh những ý chính cho đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài của bạn.

– HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Cùng bạn trao đổi về những chi tiết thú vị trong bài đọc “Bên ngoài Trái Đất”.*

– HS nhớ lại nội dung bài đọc “Bên ngoài Trái Đất”.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về những chi tiết thú vị có trong bài đọc.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: VÀO HẠ (tiết 19 – 21, SHS, tr. 137 – 139)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được cảm xúc của em về buổi học cuối cùng; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Khung cảnh núi rừng khi vào hạ và những thanh âm trong trẻo của đám trẻ trong buổi học cuối cùng.* Từ đó, rút ra được ý

nghĩa: *Những kỉ niệm đẹp của một thời tiểu học vẫn được lưu lại và gửi gắm những mong mỏi cho tương lai tốt đẹp ở phía trước.*

3. Chia sẻ được theo chủ đề *Điều em muốn nói*.

4. Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

5. Viết được lời chia tay gửi tới thầy cô, bạn bè hoặc một người làm việc ở trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh ảnh hoặc video clip về buổi học cuối cùng hoặc về cảnh học sinh chia tay nhau (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ cảm xúc của em về buổi học cuối cùng (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Vào hạ”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Vào hạ

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, trạng thái và hoạt động.*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Thanh âm riu rả riu rít của trẻ thơ/ làm người ta liên tưởng đến/ đàn chim non sắp sửa ra ràng,/ bay tới những chân trời rộng mở.//;*

• *Đám trẻ đã đi rất xa,/ nhưng tiếng nói cười của chúng như vẫn ở lại,/ rộn rã cả khung trời mùa hạ.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *ra ràng* (chim non vừa mới đủ lông, đủ cánh, bắt đầu có thể bay ra khỏi tổ);...

- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến “những tán lá”.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến “vẫn chưa ngớt”.
 - + Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vẻ đẹp của cảnh núi rừng vào sáng sớm: tiếng chim tô lốm tung cánh cửa của màn đêm; ánh sáng xiên lên những sườn núi thành hình dải quạt; nắng rắc vàng lên những tán cây rải hoang; những chiếc mỏ nhỏ và những cặp mắt tinh nhanh của loài sẻ rừng ẩn sau vòm lá; mỗi chú sẻ choàng lên vai và cổ một chiếc khăn màu đỏ bé xíu đang nháy nhót, lấp loá trên những tán lá.*

+ Câu 2: *Điểm thú vị trong cách tả những chú ve và tiếng ve: Một chú ve bắt đầu dạo đàn. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư, ... cùng hoà vào khúc tấu. Cứ như thế, những chú ve đắm mình trong bản giao hưởng mùa hè. → Dàn hợp xướng ve át cả tiếng chim, kéo dài đến trưa và trở lại vào cuối chiều. → Vì những chú ve như một giàn hợp xướng, mỗi chú ve cất cao tiếng hát, hoà điệu thành một bản giao hưởng mùa hè.*

+ Câu 3: *Thanh âm của trẻ thơ gợi cho tác giả liên tưởng tới đàn chim non sắp sửa ra ràng, bay tới những chân trời mới. Vì sau mùa hè, những bạn nhỏ sẽ lên lớp Sáu, sẽ đến với ngôi trường mới, nơi đó có những người thầy, người cô, những người bạn và những bài học thú vị đang chờ đợi các bạn.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Sau năm năm tiểu học, các bạn nhỏ đã có những tình cảm thân thiết, gắn bó với thầy cô, trường lớp,... dù mùa hè đã đến nhưng những thanh âm, tiếng nói cười vẫn rộn rã, vẫn ở lại như để lưu dấu những kỉ niệm tươi đẹp của một thời thơ ngây cắp sách đến trường.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của cảnh núi rừng vào buổi sáng sớm mùa hạ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Giàn nhạc giao hưởng mùa hạ của những chú ve.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Những thanh âm của bọn trẻ khi buổi học cuối cùng khép lại.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, trạng thái và hoạt động của nhân vật*):

Đã vào hạ.// Trời xanh trong vắt/ khiến ta có cảm tưởng/ có thể nhìn tít tắp vào vũ trụ không cùng.// Tiếng ve vẫn chưa ngớt.//

Bên dốc núi,/ đám trẻ trở về bản sau buổi học cuối cùng.// Năm học đã khép lại.// Thanh âm riu ra riu rít của trẻ thơ/ làm người ta liên tưởng đến/ đàn chim non sắp sả ra ràng./ bay tới những chân trời rộng mở.// Đám trẻ đã đi rất xa,/ nhưng tiếng nói cười của chúng như vẫn ở lại./ rộn rã cả khung trời mùa hạ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Chia sẻ theo chủ đề *Điều em muốn nói*

2.1. Xác định chủ đề

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi, trả lời các câu hỏi gợi ý:

a. Mỗi bạn nói với ai? Nói về điều gì? (Gợi ý: *Bạn Tùng nói lời cảm ơn đối với thầy cô, bạn Hoa nói sẽ nhớ Thu và những kỉ niệm của hai bạn.*)

b. Theo em, người nghe sẽ có suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: *xúc động, bồi hồi,...*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chia sẻ tình cảm, cảm xúc với trường lớp, thầy cô, bạn bè,... trước khi kết thúc năm học lớp Năm

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ trong nhóm tình cảm, cảm xúc dựa vào gợi ý:

a. Nhớ lại những kỉ niệm ở trường.

b. Lựa chọn từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc phù hợp (Gợi ý: *kính trọng, yêu mến, gắn bó, thân thiết, quen thuộc,...*).

c. Nói về tình cảm, cảm xúc của em với trường lớp, thầy cô, bạn bè,...:

+ Kỉ niệm	+ Cảm xúc	+ Lời chúc	+ ...
+ Tình cảm	+ Lời cảm ơn	+ Lời hứa	

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Bình chọn bài nói có nội dung sâu sắc.

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để bình chọn bài nói có nội dung sâu sắc.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (Bài viết số 2)

3.1. Thực hành viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

- HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước, trả lời một vài câu hỏi để thực hiện hoạt động (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip):
 - + Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc gồm mấy phần?
 - + Em thể hiện ý kiến về hiện tượng, sự việc như thế nào ở câu mở đầu?
 - + Ở các câu tiếp theo, em sử dụng lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình?
 - + Khi đưa ra lí do, em cần chọn lựa minh chứng thế nào cho thuyết phục?
 - + Em có những suy nghĩ hoặc mong muốn gì trước sự việc?
 - + ...
- HS trao đổi trong nhóm đôi, làm bài vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu cần) dựa vào gợi ý:
 - + Các lí do em đưa ra đã đủ sức thuyết phục hay chưa?
 - + Các lí do đã được sắp xếp theo trình tự phù hợp hay chưa?
 - + Đoạn văn có mắc lỗi dùng từ, viết câu, chính tả,... không?
 - + ...

3.2. Trưng bày bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS trang trí bài làm bằng các hình ảnh đơn giản gắn với nội dung hoặc bằng các hình ảnh tự do.
- HS trưng bày bài làm theo kĩ thuật *Phòng tranh* vào *Góc học tập/ Góc sáng tạo/ Góc Tiếng Việt*.

- HS tham quan, vẽ gương mặt cảm xúc vào thẻ màu và dán vào đoạn văn em thích.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết lời chia tay gửi tới thầy cô, bạn bè hoặc một người làm việc ở trường.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, có thể trả lời một số câu hỏi của GV:
 - + Lời chia tay em sẽ gửi cho ai?
 - + Kỷ niệm đáng nhớ của em với người đó là gì?
 - + Em sẽ đáp lại lời dặn dò, mong đợi của người đó ra sao?
 - + Lời hứa của em dành cho người đó là gì?
 - + ...
- HS viết lời chia tay, trang trí đơn giản dựa vào nội dung hoặc hình ảnh em thích (HS có thể thực hiện hoạt động ở nhà).
- HS trưng bày bài làm bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC

Tuần *Ôn tập cuối năm học* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn tập các bài học ở các chủ điểm “Khúc ca hoà bình” và “Chân trời rộng mở”.

TIẾT 1 (SHS, tr. 140 – 141)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm 4 hoặc HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài “Tạm biệt lớp Năm”.

+ Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến “thành anh hết rồi” và trả lời câu hỏi: Cảnh vật vào tháng Năm được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: *Cảnh vật tháng Năm được tả bằng các từ ngữ, hình ảnh: nắng tháng Năm; hoa phượng đỏ; sân trường nắng vàng; tiếng ve râm ran, rộn ràng; muôn vàn lá xanh xao động,...*)

+ Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến “thành anh hết rồi” và trả lời câu hỏi: Bạn nhỏ nhớ lại những gì trong ngày đầu vào lớp Một? Vì sao? (Gợi ý: *Bạn nhỏ nhớ lại những hình ảnh, việc làm và cảm xúc trong ngày đầu vào lớp Một: mắt long lanh; theo chân mẹ; bước dọc hành lang vui; rất nhiều bờ ngõ. Vì đây là lần đầu tiên đi học, các bạn còn nhỏ, chưa quen với ngôi trường tiểu học; tuy nhiên, các bạn vẫn háo hức, cảm nhận được không khí tươi vui vì có nhiều niềm vui, nhiều điều mới mẻ, ...*)

+ Phiếu số 3: Đọc đoạn từ “Mới ngày nào” đến hết và trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao bạn nhỏ nói: “Năm năm, xa đã hoá gần/ Đã thành chị, đã thành anh hết rồi.”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: *Hai câu thơ diễn tả cảm xúc của bạn nhỏ – một học sinh lớp Năm khi nhớ về những kỉ niệm ngày đầu đi học với một chút bâng khuâng khi chia tay ngôi trường tiểu học để bước vào một giai đoạn mới, một bậc học mới – trung học cơ sở.*)

+ Phiếu số 4: Đọc đoạn từ “Mới ngày nào” đến hết và trả lời câu hỏi: Khi vào lớp Sáu, bạn nhỏ sẽ nhớ những gì ở trường tiểu học? Vì sao? (Gợi ý: *Khi vào lớp Sáu, bạn nhỏ sẽ nhớ băng đen, nụ cười hồn nhiên của các bạn, nụ cười tươi của thầy cô giáo, nhớ khoảng trời xanh biếc và nhớ những vòng tay ấm nồng của bạn bè tại mái trường tiểu học. Vì bạn nhỏ rất yêu quý mái trường tiểu học, yêu quý thầy cô bạn bè ở trường tiểu học; vì trường tiểu học là “ngôi nhà thứ hai” – ở đấy thầy cô, bạn bè gần gũi, thân thương như những người thân trong gia đình, ...*)

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng *bông hoa cảm xúc*.

2. Chia sẻ về bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về những hình ảnh, âm thanh quen thuộc gợi ra từ bài thơ; sự thay đổi cảm xúc của bạn nhỏ so với ngày vào lớp Một.

(Gợi ý:

a. *Những hình ảnh, âm thanh quen thuộc gợi ra từ bài thơ: nắng vàng sân trường; hoa phượng đỏ rực; tiếng ve râm ran, rộn ràng; ánh mắt các bạn nhỏ long lanh; hành lang tràn ngập tiếng vui đùa; hình ảnh thầy cô dịu dàng, nâng niu bài học, vòng tay ấm nồng, ...*

b. *Sự thay đổi cảm xúc của bạn nhỏ: Từ bờ ngõ, háo hức trong ngày đầu vào lớp Một – lớp đầu tiên của trường tiểu học đến tự tin và pha chút bâng khuâng của học sinh lớp Năm – lớp cuối ở trường tiểu học trước khi chuẩn bị chia tay thầy cô, bạn bè ...).*

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 (SHS, tr. 141 – 142)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ vựng và điệp từ, điệp ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về từ vựng

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: *vàng mượt, vàng rực, vàng óng, vàng thom*).

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. Từ “xuân” trong câu “Mùa xuân là Tết trồng cây” mang nghĩa gốc: chỉ một mùa trong năm, chuyển tiếp từ đông sang, thời tiết lúc này sẽ ấm dần lên và là mùa đầu tiên của một năm; Từ “xuân” trong câu “Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.” mang nghĩa chuyển: chỉ sự tươi đẹp, giàu có, tươi mới của đất nước.

b. Từ “xuân” mang nghĩa thuộc về tuổi trẻ, được xem là thời điểm tươi đẹp, tràn đầy sức sống: thanh xuân.

c. Từ “xuân” mang nghĩa gốc: Mùa xuân đến, trăm hoa đua nở; từ “xuân” mang nghĩa chuyển: Cô ấy năm nay chỉ mới hai mươi xuân.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.

(Đáp án:

- “Viết từ”: liệt kê và nhấn mạnh.
- “thom”: nhấn mạnh.).

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 142 – 143)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về liên kết câu trong đoạn văn và câu đơn, câu ghép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về liên kết câu trong đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. Thay bằng các từ ngữ: *khí – Bữa tiệc – Đây – khi – Ngoài ra.*

b. Các cách liên kết câu đã sử dụng: *lặp từ ngữ “khí, Bữa tiệc”, thay thế từ ngữ “Đây” (thay cho “Lễ hội búp-phê cho khí”), dùng từ ngữ nối “Ngoài ra”.)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về câu đơn và câu ghép

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

Gợi ý:

	<i>Dùng dấu phẩy</i>	<i>Dùng kết từ</i>	<i>Dùng cặp kết từ</i>
<i>Trời nắng. Hoa giấy nở rực rỡ.</i>	<i>Trời nắng, hoa giấy nở rực rỡ.</i>	<i>Trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.</i>	<i>Do trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.</i>
<i>Gió thổi mạnh. Lá cây rụng nhiều.</i>	<i>Gió thổi mạnh, lá cây rụng nhiều.</i>	<i>Gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.</i>	<i>Vì gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.</i>

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật *Mảnh ghép* để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.

(Gợi ý: Nam và bố cùng nhau đạp xe đi dạo; Các bạn nam chơi đá cầu còn các bạn nữ thì chơi nhảy dây; Ánh nắng càng chói chang, hoa hướng dương càng nở rộ rực rỡ.)

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 143)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện mà em đã học ở lớp Năm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh về một câu chuyện mà em đã học ở lớp Năm (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị):
 - + Giới thiệu và nêu cảm nhận chung về câu chuyện em chọn: tên câu chuyện, tên tác giả,...
 - + Em chọn người, vật, việc,... nào để dẫn vào câu chuyện?
 - + Câu chuyện có những tình tiết nào tạo được sự bất ngờ?
 - + Câu chuyện có những từ ngữ miêu tả hoặc lời thoại nào khiến em ấn tượng?
 - + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về câu chuyện?
 - + ...
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 143 – 144)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn tả người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh hoặc video clip về một người làm việc ở trường mà em quý mến (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS xác định yêu cầu đề bài và quan sát các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại về người làm việc ở trường mà em quý mến:

- + Em chọn tả người nào?
- + Người đó có những đặc điểm gì nổi bật về ngoại hình?
- + Hoạt động, tính cách của người đó có gì đáng chú ý?
- + Tình cảm, cảm xúc của em với người đó như thế nào?
- + ...

Lưu ý: GV khuyến khích HS chọn lựa từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh phù hợp và trình tự, thời điểm quan sát phù hợp để mở rộng, phát triển ý.

- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thành bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 VÀ TIẾT 7 (SHS, tr. 144 – 146)

ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài “Vật kỉ niệm của những người bạn”.
2. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một câu chuyện đã nghe, đã đọc về tình bạn hoặc bài văn tả một người bạn đã gắn bó với em trong những năm học ở trường tiểu học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kĩ năng đọc

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động đọc hiểu văn bản “Vật kỉ niệm của những người bạn”:

- HS đọc thầm văn bản “Vật kỉ niệm của những người bạn” và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).
- HS trả lời câu hỏi, thực hiện các BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

(Đáp án:

a. Thánh thót, dều dặt, ngân nga.

b. Để nghe tiếng đàn chuông.

c. Những loài côn trùng nhỏ bé đang kéo nhau đi dự hội.

d. Vì chiếc đàn là một người bạn thời thơ ấu.

e. Thay thế từ ngữ.

g. Hai trạng ngữ.

h. HS trả lời theo suy nghĩ và cảm nhận riêng. VD: Vì những kỉ niệm thời thơ ấu của nhóm bạn gắn chặt với tiếng đàn chuông nhà Hoàng Lan, cho nên khi xa nhau các bạn vẫn luôn nhớ về những buổi tối cùng nhau nghe đàn.

i. Vì cả nhóm cùng say mê tiếng đàn chuông, rủ nhau đến nhà Hoàng Lan để nghe tiếng đàn chuông trong những đêm trăng đẹp, ...

k. HS viết câu theo suy nghĩ và cảm nhận riêng.

l. HS đặt câu ghép, chỉ ra các vế của câu ghép. VD: Chiếc đàn chuông xinh xắn, tiếng đàn thánh thót như tiếng dương cầm.)

B. Đánh giá kĩ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng viết qua hoạt động viết:

– HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.

– HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.

– HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TRỌNG PHÚC – NGUYỄN TÔ TƯỜNG VY

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN TRỌNG PHÚC – NGUYỄN TÔ TƯỜNG VY

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 5 TẬP HAI – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG5V002M24

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 06-2024/CXBIPH/57-2346/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-40351-3

Tập hai: 978-604-0-40352-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 5
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 5
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 5
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 5
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 5 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 5
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 5
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 5
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

ISBN 978-604-0-40352-0



9 786040 403520

Giá: 43.000đ